

Luyện thi Ngữ văn 11

PHẦN 1: 110 ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

ĐỀ SỐ 01. CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN ĐIỆN BIÊN LẦN 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

"Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen ; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị ; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn."

(Trích "Hai đứa trẻ" - Thạch Lam, SGK Ngữ văn 11 tập 1, NXBGD năm 2014)

Câu hỏi:

- Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính?
- Nêu nội dung của đoạn văn?
- Những đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn văn? Tác dụng?
- Vẻ đẹp văn phong Thạch Lam qua đoạn văn trên.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

- Câu a.** Đoạn văn trên được viết theo phương thức miêu tả là chính.
- Câu b.** Nội dung của đoạn văn: bức tranh thiên nhiên phố huyện với vẻ đẹp trầm buồn, tĩnh lặng, rất đời thơ mộng lúc chiều tà và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của Liên.
- Câu c.**
- Những đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn văn:
 - + Hình ảnh so sánh độc đáo: *Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*
 - + Nghệ thuật tả cảnh: dùng ánh sáng để gợi tả bóng tối, dùng động tả tĩnh -> sử dụng nghệ thuật tương phản làm đòn bẩy.
 - + Ngôn ngữ: tinh tế, giàu chất thơ
 - + Âm điệu: trầm buồn.
 - Tác dụng: làm nổi bật nội dung đoạn văn và ngòi bút tài hoa của tác giả.
- Câu d.** Vẻ đẹp văn phong Thạch Lam qua đoạn văn: Ngôn ngữ trong văn Thạch Lam giàu hình ảnh, giàu chất thơ, giọng văn nhẹ nhàng mà thấm thía, đậm chất trữ tình.

ĐỀ SỐ 02. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỒ CHÍ MINH

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống nghèo nàn, dù nó có đầy đủ tiện nghi đến đâu đi nữa. nó giống như một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm sạch sẽ và gọn gàng. Mảnh vườn này có thể làm chủ nhân của nó êm ấm một thời gian dài, nhất là khi lớp rào bao quanh không còn làm họ vướng mắt nữa. Nhưng hễ có một cơn dông tố nổi lên là cây cối sẽ bị bật khỏi đất, hoa sẽ nát và mảnh vườn sẽ xấu xí hơn bất kì một nơi hoang dại nào. Con người không thể hạnh phúc với một hạnh phúc mong manh như thế. Con người cần một đại dương mênh mông bị bão táp làm nổi sóng nhưng rồi lại phẳng lì và trong sáng như trước. Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thêm muốn.”

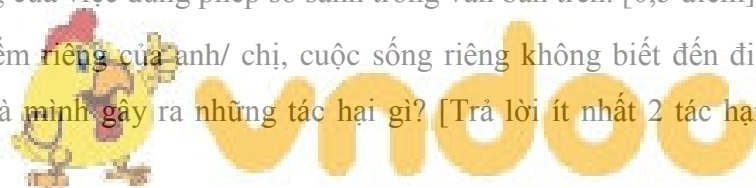
[Theo A.L.Ghec-xen, 3555 câu danh ngôn, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1997]

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. [0,25 điểm]

Câu 2: Nêu nội dung chính của văn bản trên. [0,5 điểm]

Câu 3: Chỉ ra tác dụng của việc dùng phép so sánh trong văn bản trên. [0,5 điểm]

Câu 4: Theo quan điểm riêng của anh/ chị, cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình gây ra những tác hại gì? [Trả lời ít nhất 2 tác hại trong khoảng 5-7 dòng] [0,25 điểm]



Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NƠI DỰA

Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia ?

Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào..

Đứa bé đang lẫm chẫm muôn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.

Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.

Ai biết đâu, đứa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.

Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?

Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.

Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh bước từng bước run rẩy.

Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gỏi một đời.

Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách.

(Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Câu 5: Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên. [0,25 điểm]

Câu 6: Hãy chỉ ra nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản trên. [0,25 điểm]

Câu 7: Qua văn bản trên, anh/ chị hiểu thế nào là nơi dựa của mỗi con người trong cuộc đời? [0,5 điểm]

Câu 8: Xác định các dạng của phép điệp trong văn bản trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng. [0,5 điểm]

ĐÁP ÁN

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: phương thức nghị luận/ nghị luận.

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên: khẳng định cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống sai lầm/bác bỏ một quan niệm sống sai lầm: sống bó hẹp trong ngưỡng cửa nhà mình.

Câu 3. Tác giả đã so sánh cuộc sống của mỗi người (*cuộc sống đầy đủ tiện nghi; cuộc sống biệt lập; cuộc sống lúc sóng gió; ...*) với một mảnh vườn (*mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng; mảnh vườn có lớp rào bao quanh; mảnh vườn lúc đông tố nổi lên; ...*)

Tác dụng: việc sử dụng phép so sánh khiến đoạn văn trở nên sinh động, truyền cảm, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao chứ không khô khan như khi chỉ sử dụng lí lẽ thuần túy.

Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác hại của *cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình* theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Câu 5. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật/ văn chương.

Câu 6. Nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản: Thông thường người yếu đuối tìm nơi dựa ở người vững mạnh. Ở đây ngược lại. Người mẹ trẻ khỏe dựa vào đứa con mới biết đi chập chững. Anh bộ đội dạn dày chiến trận dựa vào cụ già bước từng bước run rẩy trên đường.

Câu 7. Nơi dựa của mỗi người trong cuộc đời mà bài thơ đề cập đến là nơi dựa tinh thần, nơi con người tìm thấy niềm vui, ý nghĩa sống, ...

Câu 8. Các dạng của phép điệp trong văn bản: điệp từ (*đứa bé, bà cụ, ...*), điệp ngữ (*ai biết đâu, lại chính là nơi dựa, ...*), điệp cấu trúc (câu mở đầu của 2 đoạn có cấu trúc giống nhau, câu kết của 2 đoạn cũng vậy), điệp kết cấu giữa hai đoạn.

Hiệu quả nghệ thuật: tạo sự cân xứng, nhịp nhàng, hài hòa giữa hai đoạn thơ, góp phần khẳng định nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống chính là nơi ta tìm thấy

niềm vui và hạnh phúc.

ĐỀ SỐ 03. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 1

*“Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

*Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay”*

(Trích “*Bên kia sông Đuống*” – Hoàng Cầm)

1/ Chủ đề đoạn thơ trên là gì?

2/ Phân tích giá trị biện pháp tu từ trong đoạn thơ

3/ Theo anh/chị, thể thơ mà nhà thơ sử dụng có ý nghĩa như thế nào trong việc biểu đạt nội dung tư tưởng của đoạn thơ trên?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ trong bài “*Bên kia sông Đuống*” của Hoàng Cầm và thực hiện các yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú, nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, hiểu được giá trị biểu đạt của tiếng Việt, thấy được tác dụng của biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích.

Yêu cầu cụ thể:

Câu 1. Chủ đề đoạn thơ: Niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương và nỗi đau khi quê hương yêu dấu bị giày xéo

Câu 2. * Biện pháp tu từ:

- Biện pháp so sánh: “*Sao xót xa như rụng bàn tay*”: gọi nỗi đau máu thịt. Mỗi con người là một phần của Tổ quốc, coi Tổ quốc là máu thịt của mình. Đất nước bị giày xéo thì con người cũng xót xa như chính bản thân mình phải chịu đau đớn.

- Câu hỏi tu từ: “*sao nhớ tiếc*”, “*sao xót xa như*”... thể hiện sự nuối tiếc, đau đớn đến tận cùng.

* Cách sử dụng các từ láy: “*lấp lánh*”, “*xanh xanh*”, “*biêng biếc*”, “*nghiêng nghiêng*” góp phần gợi vẻ đẹp trù phú, tươi đẹp của quê hương bên dòng sông Đuống duyên dáng, thơ mộng.

Câu 3. Thể thơ tự do giúp tác giả thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình một cách chân thành,

xúc động mà không bị gò bó, cảnh đẹp quê hương cũng hiện lên tự nhiên, sống động.

ĐỀ SỐ 04. CHUYÊN CHU VĂN AN LẦN 1

Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn

Hai đứa ở hai đầu xa thăm

Đường ra trận mùa này đẹp lắm

Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây.

Một dãy núi mà hai màu mây

Nơi nắng nơi mưa, khí trời cùng khác

Như anh với em, như Nam với Bắc

Như Đông với Tây một dải rừng liền.

(*Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây* – Phạm Tiến Duật)

Đọc đoạn thơ trên và trả lời câu hỏi :

a/ Đoạn thơ trên được viết bằng thể loại nào? Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ.

b/ Trong đoạn thơ trên tác giả đã thể hiện những cảm xúc gì ?

c/ “*Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây*”

Hãy tìm trong bài thơ *Trường tư* của Nguyễn Bính một câu thơ có cách diễn đạt tương tự với câu thơ trên của Phạm Tiến Duật. Cách diễn đạt của hai câu thơ này có gì đặc biệt?

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

- Câu a.**
- Đoạn thơ trên được viết bằng thể loại thơ tự do, xen kẽ các câu 7 chữ và 8 chữ.
 - Đoạn thơ có giọng điệu tự nhiên như lời chuyện trò, tâm tình thân mật của tác giả với người yêu ở nơi xa. Đây là ngôn ngữ thơ ca bước ra đời sống, từ chiến trường.
- Câu b.** Trong đoạn thơ, tác giả đã thể hiện hai cảm xúc chủ đạo:
- Sự thích thú, yêu mến những vẻ đẹp của rừng Trường Sơn trên con đường ra trận.
 - Nỗi nhớ thương sâu lắng hướng về “em”.
- Câu c.**
- Câu thơ có cách diễn đạt tương tự là *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*.
 - Hai câu thơ của Nguyễn Bính và của Phạm Tiến Duật đều nói về nỗi nhớ và đều sử dụng các địa danh để thể hiện nỗi nhớ của mình.
- Cách diễn đạt này khắc họa rõ sự chia cách ở những miền không gian xa nhau, vừa thể hiện nỗi nhớ thiết tha sâu nặng lan tỏa tâm tư tâm hồn của con người mà bao

trùm cả không gian. Câu thơ vì thế có sự biểu cảm và lay động sâu sắc đối với người đọc.

ĐỀ SỐ 05. CHUYÊN THÁI NGUYÊN LẦN 1

Đọc văn bản:

*Ôi quê hương xanh biếc bóng dừa
Có ngờ đâu hôm nay ta trở lại
Quê hương ta tất cả vẫn còn đây
Dù người thân đã ngã xuống đất này
Ta gặp lại những mặt người ta yêu biết mấy
Ta nhìn, ta ngắm, ta say
Ta run run nắm những bàn tay
Thương nhớ dồn trong tay ta nóng bỏng*

*Đây rồi đoạn đường xưa
Nơi ta vẫn thường đi trong mộng
Kẻo kệt nhà ai tiếng võng đưa
Ấu ơ...thương nhớ lắm!
Ôi những bông trang trắng, những bông trang hồng
Như tâm hồn em trong trắng thủy chung
Như trái tim em đẹp màu đỏ thắm
Con sông nhỏ tuổi thơ ta đã tắm
Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng
Hoa lục bình tím cả bờ sông*

(“Trở về quê nội” – Lê Anh Xuân)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Hai dòng thơ đầu có sử dụng những thành phần biệt lập nào? Dùng để diễn tả tâm trạng gì của nhà thơ?
2. Điệp từ “ta” được điệp lại nhiều lần kết hợp với một loạt những động từ “gặp lại”, “yêu”, “nhìn”, “say”, “ngắm”...có tác dụng gì?
3. Những hình ảnh nào trong đoạn thơ đã thể hiện được vẻ đẹp và sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của quê hương?
4. Âm thanh “kẻo kệt...tiếng võng đưa”, “Ấu ơ...” đánh thức điều gì trong cái tôi trữ tình của tác giả?
5. Chữ “tím” trong câu thơ “Hoa lục bình tím cả bờ sông” có sự chuyển đổi từ loại như thế nào? Tác dụng của sự chuyển đổi ấy trong việc biểu đạt nội dung?

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Hai dòng thơ đầu có sử dụng các thành phần biệt lập:

- Thành phần cảm thán: “Ôi”

- Thành phần tình thái: “*Có ngò đâu*”

=> Thể hiện tâm trạng xúc động rung rung của nhà thơ khi trở về quê cũ.

- Câu 2.** Điệp từ “*ta*” được điệp lại nhiều lần kết hợp với một loạt những động từ “*gặp lại*”, “*yêu*”, “*nhìn*”, “*say*”, “*ngắm*”... nhằm thể hiện tình yêu quê hương tha thiết và nỗi xúc động, bồi hồi của tác giả khi trở lại quê nhà sau bao năm xa cách.
- Câu 3.** Những hình ảnh trong đoạn thơ đã thể hiện được vẻ đẹp và sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của quê hương: *xanh biếc bóng dừa, những mặt người ta yêu biết mấy, đoạn đường xưa. tiếng võng đưa, những bông trang trắng những bông trang hồng, con sông nước chằng đỗi dòng, hoa lục bình tím cả bờ sông.*
- Câu 4.** Âm thanh “*kèo kẹ...tiếng võng đưa*”, “*Ầu ơ...*” đánh thức những kỉ niệm tuổi thơ thật đẹp, thật yên bình gắn với hình ảnh của bà, của mẹ trong cái tôi trữ tình của tác giả.
- Câu 5.** - Trong câu thơ “*Hoa lục bình tím cả bờ sông*”, chữ “*tím*” ở đây có sự chuyển đổi từ loại từ tính từ sang động từ [tím: nhuộm tím cả bờ sông]
- Tác dụng: gợi ra hình ảnh dòng sông quê đẹp, gần gũi và thanh bình, êm ả mà tràn đầy sức sống với màu tím triền miên, trải dài như vô tận.

ĐỀ SỐ 06, CHUYÊN HOÀNG VĂN THỤ HÒA BÌNH LẦN 1

Đọc kĩ văn bản sau đây và trả lời câu hỏi nêu dưới:



Chân quê

- Nguyễn Bính -

*Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!*

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!*

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê*

*Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*

- a, Hãy viết 1- 3 câu giới thiệu về tác giả bài thơ?
- b. Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?
- c, Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở khổ thứ hai và ý nghĩa các biện pháp nghệ thuật đó?
- d, Chỉ ra sự đổi mới trong cách sử dụng thanh điệu so với thể lục bát truyền thống ở các câu thơ sau đây và nêu ý nghĩa của sự đổi mới đó? “ *Như hôm em đi lễ chùa/ Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh*”; “ *Hôm qua em đi tỉnh về/ Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*”
- e, Qua bài thơ, nhân vật trữ tình muốn nhắn nhủ điều gì với em?

ĐÁP ÁN

Đọc bài thơ và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản trữ tình để làm bài

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về tác giả, tâm tình của tác phẩm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích

Yêu cầu cụ thể

Câu a. Giới thiệu tác giả của bài thơ:

Nguyễn Bính (tên thật là Nguyễn Trọng Bính; 1918–1966) là một trong “ba đỉnh cao” của phong trào Thơ. Ông được coi là “nhà thơ quê mùa nhất” bởi những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc, mang đậm hồn quê.

Câu b. Chủ thể trữ tình trong bài thơ: chàng trai

Câu c. Các biện pháp tu từ:

- Khổ 2 của bài thơ sử dụng các biện pháp tu từ:

+ Liệt kê: “*cái yếm lụa sồi*”, “*cái dây lưng đũi*”, “*cái áo tứ thân*”, “*cái khăn mỏ quạ*”, “*cái quần nái đen*” nhằm nhấn mạnh những trang phục của thôn quê, trong sự đối lập trước sự thay đổi của người yêu ở khổ 1; thể hiện sự nuối tiếc, muốn níu kéo

những nét đẹp truyền thống, sự thân thuộc, giản dị của người yêu dù không thể thay đổi được.

+ Câu hỏi tu từ cùng điệp ngữ. Khổ thơ có 4 câu là 4 câu hỏi tu từ qua cấu trúc câu hỏi “*Nào đâu*” lặp lại 2 lần khiến lời thơ bộc lộ rõ sự trách móc, nuối tiếc, xót xa, đau khổ của chàng trai trước sự thay đổi của người yêu.

Câu d. - **Thông thường, trong thơ lục bát truyền thống, mô hình khái quát của thanh điệu là:**

1 2 3 4 5 6 7 8

Câu lục 1: + B + T + B

Câu lục 2: + T T + + B

Câu bát 1: + B + T + B + B

Câu bát 2: + T + B + T + B

Nghĩa là:

- Các từ 2, 4, 6, 8 phải luôn đúng luật bằng trắc

- Các từ 2, 4 câu lục phải niêm với các từ 2, 4 câu bát.

- **Phân tích cụ thể sự đổi mới: có sự thay đổi trong luật bằng trắc**

Như hôm em đi lễ chùa

B B B

Cứ ăn mặc thể cho vừa lòng anh

B T B B

Hôm qua em đi tỉnh về

B B B

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều

B T B B

- **Ý nghĩa sự đổi mới:** Việc sử dụng nhiều thanh bằng góp phần tạo nên giọng điệu trầm lắng, diễn tả tâm trạng xót xa nuối tiếc của chàng trai trước sự thay đổi bất ngờ đầy thành thi của cô gái

Câu e. Qua bài thơ, nhân vật chàng trai muốn nhắn nhủ với “em” điều: Hãy giữ gìn những nét đẹp truyền thống, đừng chạy theo vẻ hào nhoáng bên ngoài, đừng khoác lên mình những thứ xa lạ, phù phiếm.

ĐỀ SỐ 06. CHUYỆN NGUYỄN HUỆ LẦN 1

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

“Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên toàn cầu hóa với tất cả sự phức tạp của thời cơ và nguy cơ, vận hội và thách thức đan xen, chuyển hóa khôn lường; hoặc là tụt hậu, tức là bị bỏ rơi hoặc là bứt phá, vươn lên để bắt nhịp cùng thời cuộc, làm chủ vận mệnh của mình, mà nếu dừng lại chính là tụt hậu. Mà tụt hậu, nhất là về kinh tế, đó là nguy cơ mà tròn hai mươi năm trước, tháng 1-1994, Đảng ta đã cảnh báo và suốt hai thập niên cả dân tộc nỗ lực không ngừng để vượt qua.

Do đó, hơn bao giờ hết, con đường duy nhất đúng đắn là chúng ta phải vươn lên, đưa đất nước phát triển bền vững, khi nhịp chân nhân loại không chờ đợi bất cứ ai, cuộc cạnh tranh toàn cầu luôn tiềm ẩn nguy cơ “mất còn”, không quốc gia, dân tộc nào là ngoại lệ, làm cho tương quan lực lượng giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới thường xuyên thay đổi. Tụt hậu là bị toàn cầu hóa lướt qua, nhấn chìm, tất yếu khó tránh khỏi rơi vào lệ thuộc, trở thành “sân sau” của người khác, sẽ không thể nào cải thiện, nâng cao được đời sống của nhân dân. “Thực túc, binh cường”, nếu tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền của đất nước, khó có thể có được chỗ đứng xứng đáng trên trường quốc tế, hướng chỉ là vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu.”

a, Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ chức năng nào? Chỉ ra câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa (1,0 điểm)

b, Giải thích khái niệm toàn cầu hóa trong văn cảnh trên? (1,0 điểm)

c, Viết đoạn văn khoảng 20 dòng giải thích vì sao: “tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền đất nước” (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài

Yêu cầu cụ thể

Câu a.

- Phong cách ngôn ngữ chính luận.

- Câu văn sử dụng nghệ thuật nhân hóa: “Tụt hậu là bị toàn cầu hóa lướt qua, nhấn chìm, tất yếu khó tránh khỏi rơi vào lệ thuộc, trở thành “sân sau” của người khác, sẽ

không thể nào cải thiện, nâng cao được đời sống của nhân dân”

Câu b. - Toàn cầu hóa là quá trình gia tăng, mở rộng những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động, phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, văn hóa, thông tin ... giữa các nước, các khu vực trên toàn thế giới. Đó là xu thế tất yếu, một đòi hỏi chính đáng để xây dựng, phát triển mỗi quốc gia và giải quyết các vấn đề chung của toàn nhân loại.

- Nó mang lại nhiều cơ hội và cả những thách thức cho các quốc gia.

Câu c. Viết đoạn văn giải thích:

Hình thức: Viết đúng quy ước đoạn văn và số câu mà đề quy định.

Nội dung: Học sinh có thể trình bày cảm nhận riêng của mình về lí do nhưng cần làm rõ:

- Tụt hậu: là chậm, kém phát triển, là thụt lùi, thua kém so với các nước khác. Nó biểu hiện ở nhiều mặt: kinh tế, văn hóa, chính trị, tư tưởng, giáo dục, công nghệ,...

- Độc lập, chủ quyền dân tộc: là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm mà bao thế hệ ông cha đã phải đánh đổi bằng xương máu để giành lại từ tay những kẻ xâm lược.

- Tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền đất nước, vì:

+ Chất lượng đời sống thấp làm nảy sinh các tệ nạn xã hội, có thể gây bất ổn chính trị.

+ Không có sức mạnh kinh tế, kỹ thuật, quân sự,... sẽ không có đủ sức mạnh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch.

+ Có thể bị lệ thuộc, trở thành "sân sau" của các nước khác, từ kinh tế đến chính trị.

=> Nói cách khác, nếu không nỗ lực phát triển toàn diện đất nước, chúng ta sẽ trở thành một dân tộc nhược tiểu, nền độc lập và chủ quyền dân tộc sẽ bị đe dọa.

- Do vậy, mỗi công dân cần ý thức được trách nhiệm của mình: học tập, rèn luyện cả đức, tài, nâng cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù,... để xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ nền độc lập, chủ quyền dân tộc.

ĐỀ SỐ 07. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 2

Đọc đoạn văn và trả lời các yêu cầu dưới đây:

"Ở lâu trong cái khổ, My quen khổ rồi. Bây giờ My tưởng mình cũng là con trâu con ngựa"

"Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào công việc cả đêm cả ngày"

" Mỗi ngày Mị không nói lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa"

" Ngựa vẫn đứng yên gãi chân nhai cỏ, Mị thỏn thức nghĩ mình không bằng con ngựa"

(" Vợ chồng A Phủ"- Tô Hoài)

1. Những thủ pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng trong những câu văn trên?

2. Nêu hiệu quả, ý dụng của những thủ pháp nghệ thuật ấy?
3. Từ những câu trích trên, anh (chị) hãy viết một đoạn văn quy nạp (khoảng 10-12 câu) nói về tình cảm, thái độ của nhà văn với đối tượng miêu tả?

ĐÁP ÁN

Đọc và trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Những thủ pháp nghệ thuật được sử dụng là: so sánh (bằng, hơn, kém), điệp, vật hóa.

Câu 2. Hiệu quả, tác dụng:

- So sánh Mị với con trâu, con ngựa, con rùa để làm nổi bật nỗi khổ về cả thể xác lẫn tinh thần của cô gái Mèo này.
- Điệp để nhấn mạnh nội dung diễn đạt đồng thời tạo nhịp điệu cho câu văn.
- Vật hóa (ngược với nhân hóa) tạo nên ý nghĩa kiếp người chỉ bằng, thậm chí không bằng kiếp vật.

Câu 3. Yêu cầu về đoạn văn:

- Hình thức: 10-12 câu theo phương pháp quy nạp.
- Nội dung: Sự thấu hiểu và cảm thông sâu sắc của nhà văn đối với nỗi khổ đau bất hạnh của nhân vật Mị trong tác phẩm nói riêng và những người phụ nữ miền núi nói chung. Qua đó, ta thấy Tô Hoài là một nhà văn vừa am hiểu đời sống, vừa có tấm lòng nhân đạo đáng quý.

ĐỀ SỐ 08. CHUYÊN HUNG YÊN LẦN 1

*“Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời”*

(Chiều xuân – Anh Thơ)

- a, Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)
- b, Bức tranh chiều xuân hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm gì? (0.5 điểm)
- c, Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thứ hai và thứ ba của đoạn thơ? (0.5 điểm)
- d, Anh/chị thấy được những điều gì trong tâm hồn tác giả qua đoạn thơ trên? (0.5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản trữ tình để làm bài
- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về tác giả, tâm tình trong văn bản, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đó.

Câu a. Đoạn thơ trên chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt: miêu tả

Câu Bức tranh chiều xuân hiện lên có những đặc điểm là:

- b.**
- Bức tranh thủy mặc chấm phá những nét đầy thi vị về một buổi chiều quê mưa xuân.
 - Cảnh đẹp, bình yên nhưng gợi buồn.

Câu c. - Biện pháp tu từ nhân hóa: “đò- biếng lười- mặc”, “quán tranh- đứng im lìm”

- Tác dụng biện pháp tu từ:

- + Biến những vật vô tri, vô giác thành sống động có hồn, gợi hình, gợi cảm.
- + Góp phần khắc họa hình ảnh thiên nhiên, làng quê vắng lặng, im lìm, bình yên nhưng cũng đượm buồn.

Câu - Tâm hồn của tác giả trong đoạn thơ:

- d.**
- + Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời buổi chiều xuân.
 - + Tâm lòng yêu thiên nhiên, quê hương sâu sắc.

ĐỀ SỐ 09. CHUYÊN CAO BẰNG LẦN 1

Đọc văn bản sau rồi trả lời các câu hỏi:

Con yêu quý của cha, suốt mấy tháng qua con vui đầu vào mớ bài học thật là vất vả. Nhìn con nhiều lúc mệt ngủ gục trên bàn học, lòng cha cũng thấy xót xa vô cùng. Nhưng cuộc đời là như thế con ạ, sống là phải đối diện với những thử thách mà vượt qua nó. Rồi con lại bước vào kì thi quan trọng của cuộc đời mình với biết bao nhiêu khó nhọc. Khi con vào trường thi, cha chỉ biết cầu chúc cho con được nhiều may mắn để có thể đạt được kết quả tốt nhất. Quan sát nét mặt những vị phụ huynh đang ngồi la liệt trước cổng trường, cha thấy rõ được biết bao nhiêu là tâm trạng lo âu, thổn thức, mong ngóng...của họ. Điều đó là tất yếu vì những đứa con luôn là niềm tự hào to lớn, là cuộc sống của bậc sinh thành.

Con đã tham dự tới mấy đợt dự thi để tìm kiếm cho mình tấm vé an toàn tại giảng đường đại học. Cái sự học khó nhọc không phải của riêng con mà của biết bao bạn bè cùng trang lứa trên khắp mọi miền đất nước. Ngưỡng cửa đại học đối với nhiều bạn là niềm mơ ước, niềm khao khát hay cũng có thể là cơ hội đầu đời, là bước ngoặt của cả đời người. Và con của cha cũng không ngoại lệ, con đã được sự trải nghiệm, sự cạnh tranh quyết liệt đầu đời. Từ nay cha mẹ sẽ buông tay con ra để con tự do khám phá và quyết định cuộc đời mình. Đã đến lúc cha mẹ lui về chỗ đứng của mình để thế hệ con cái tiến lên. Nhưng con hãy yên tâm bên cạnh con cha mẹ luôn hiện diện như những vị cố vấn, như một chỗ dựa tinh thần vững chắc bất cứ khi nào con cần tới.

(Trích “*Thư gửi con mùa thi đại học*”, trên *netchunetngui.com*)

- a) Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?
- b) Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.
- c) Khái quát nội dung của đoạn văn bản trích trên.
- d) Hãy tìm nhan đề phù hợp để đặt tên cho đoạn trích.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

- Câu a.** Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- Câu b.** Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: tự sự, miêu tả và biểu cảm.
- Câu c.** Khái quát nội dung của đoạn văn bản trích:
- Đoạn trích là sự thấu hiểu và tình yêu thương, sẵn sàng sẻ chia của người cha trước những vất vả của con trước ngưỡng cửa thi đại học.
- Đồng thời, đó cũng là lời động viên, khích lệ, tin tưởng của cha dành cho những nỗ lực của con.
- Câu d.** Nhan đề phù hợp là nhan đề ngắn gọn, hàm súc, khái quát được nội dung của đoạn trích và có tính hấp dẫn. Ví dụ: Mùa thi bên con,...

ĐỀ SỐ 10. CHUYÊN BẮC GIANG LẦN 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi ở phía dưới:

“...Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không còn sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tí, và cả cái bếp lửa của bác Siêu, chiếu sáng một vùng đất cát; trong cửa hang, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vắn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hang nước của chị Tí. Thêm được một gia đình bác xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe...”

(Trích “*Hai đứa trẻ*” – Thạch Lam)

1. Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt nào?
2. Nội dung miêu tả của đoạn văn là gì?
3. Xác định thủ pháp nghệ thuật chính trong đoạn văn? Nêu tác dụng của thủ pháp đó.
4. Phân tích ngắn gọn hiệu quả của cách sử dụng từ ngữ trong vế câu “*thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa*”

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi:

- Câu 1.** Đoạn văn trên sử dụng các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 2.** Đoạn văn miêu tả khung cảnh và cuộc sống con người phố huyện khi đêm xuống.
- Câu 3.** Thủ pháp nghệ thuật chính được sử dụng trong đoạn văn là thủ pháp đối lập giữa ánh sáng và bóng tối và biện pháp liệt kê.
Tác dụng: miêu tả cuộc sống tăm tối, nhịp sống tẻ nhạt, đều đều, quanh quẩn của con người phố huyện lúc đêm xuống.
- Câu 4.** Hiệu quả của cách sử dụng từ ngữ trong vế câu “*thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa*”: Cách nói đảo ngữ và các từ “*thưa thớt*” “*hột sáng*” “*lọt*” gợi tả thứ ánh sáng leo lét, yếu ớt, như những kiếp người phố huyện bé nhỏ, vật vờ trong cái màn đêm mênh mông của xã hội cũ.

ĐỀ SỐ 11. CHUYÊN THÁI BÌNH LẦN 1

Đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

Chiều mộng hòa thơ trên nhánh duyên.

Cây me ríu rít cặp chim chuyền

Đỏ trời xanh ngọc qua muôn lá,

Thu đến nơi nơi động tiếng huyền.

Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu,

Lả lả cành hoang nắng trở chiều.

Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn,

Lần đầu rung động nỗi thương yêu.

[*Thơ duyên* - Xuân Diệu]

- a. Nội dung đoạn thơ trên là gì?
- b. Từ láy “*ríu rít*” và “*xiêu xiêu*” có tác dụng gì?

c. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đảo ngữ ?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

- Câu a.** Đoạn thơ là bức tranh thu dưới con mắt của một chàng thanh niên trẻ tuổi - tâm hồn đang tràn ngập yêu thương. Bức tranh ấy tràn đầy sức sống với âm thanh, ánh sáng tươi vui, rộn rã, vạn vật gắn bó, hòa quyện với nhau thật tự nhiên, đẹp đẽ!
- Câu b.** Từ láy "ríu rít" và "xiêu xiêu" chỉ sự sóng đôi, hòa hợp, sự hòa điệu của thiên nhiên. Cặp chim chuyền ríu rít tình tự, gió nương theo con đường nhỏ, cũng dịu dàng, duyên dáng. Tất cả đã làm nên một bức tranh thu rất thơ, rất mộng.
- Câu c.** - Phép đảo ngữ ở các câu:

+ *Cây me ríu rít cặp chim chuyền* (*Cặp chim chuyền ríu rít trên cây me*)

Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá, (*Trời xanh ngọc đổ qua muôn lá*)

+ "*Lả lả cành hoang nắng trở chiều*" (*Cành hoang lả lả...*)

- Tác dụng: Các từ láy "ríu rít" "lả lả" và động từ "đổ" được đặt ở đầu câu vừa nhấn mạnh được sự gắn bó, hòa hợp giữa các sự vật [cặp chim chuyền], đường nét, dáng vẻ mềm mại của cây, của nắng và màu sắc của cảnh vật. Đồng thời cũng tạo nên nhạc điệu uyển chuyển, êm dịu, một vẻ duyên dáng, tinh tế cho các câu thơ.



vndoc

ĐỀ SỐ 12. CHUYÊN THÁI BÌNH LẦN 2

Mẹ và quả

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ mong chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.*

- Nguyễn Khoa Điềm -

Đọc bài thơ và trả lời các câu hỏi:

a/ Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tả thực? Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tượng trưng?

b/ Tìm và chỉ ra ý nghĩa của các biện pháp tu từ được dùng trong hai câu thơ sau:

"Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh"

c/ Ở khổ thơ thứ 2, hình ảnh mẹ hiện lên như thế nào? Qua đó, anh/chị hiểu gì về tình cảm của nhà thơ đối với mẹ?

ĐÁP ÁN

- Câu a.**
- Từ "quả" có ý nghĩa tả thực trong các câu thơ 1,3
 - Từ "quả" có ý nghĩa tượng trưng trong các câu thơ 9 và 12, chỉ những đứa con lớn lên bằng tình yêu và sự săn sóc ân cần của mẹ.
- Câu b.**
- Các biện pháp tu từ trong 2 câu thơ là:
 - + Hoán dụ "bàn tay mẹ mỏi", lấy bộ phận chỉ toàn thể, nói bàn tay mỏi để nói đến sự già yếu của mẹ.
 - + Ẩn dụ so sánh "một thứ quả non xanh" - chỉ người con, ý nói vẫn chưa trưởng thành.
 - Tác dụng:
 - + Tăng sức gợi hình và biểu cảm cho câu thơ
 - + Bộc lộ tâm tư sâu kín: Tác giả tự kiểm điểm chính mình chậm trưởng thành mà lo sợ ngày mẹ già yếu đi vẫn chưa thể nở một nụ cười mãn nguyện với "vườn người" mẹ đã vun trồng suốt cả cuộc đời, lòng mẹ sẽ buồn đau. Tác giả sợ mình chưa thể báo đáp công ơn to lớn của mẹ cho trọn đạo hiếu. Qua đó, ta thấy ở nhà thơ tấm lòng yêu thương và biết ơn mẹ chân thành và vô cùng sâu sắc. Hai câu thơ cũng là nỗi lòng của biết bao kẻ làm con nên giàu sức ám ảnh, khiến người đọc không khỏi trăn trở, tự nhìn lại chính mình!
- Câu c.**
- Khổ thơ thứ hai, với các hình ảnh "giọt mồ hôi mặn" "lòng thâm lặng mẹ tôi", tác giả đã khắc họa hình ảnh một người mẹ tảo tần, lam lũ, nhọc nhằn nhưng giàu đức hi sinh. Mẹ vẫn âm thầm chăm sóc, vun trồng cho những bầu, những bí như chăm sóc chính những đứa con của mẹ, dẫu gian truân không một chút phàn nàn. Nhà thơ đã có một hình ảnh so sánh độc đáo - dáng hình của bầu bí như dáng giọt mồ hôi, hay giọt mồ hôi mẹ cứ dài theo năm tháng, như những bí những bầu. Qua đó, hình ảnh mẹ hiện lên bình dị mà đẹp đẽ biết bao!

- Nhà thơ đã thấu hiểu những vất vả, sự hi sinh thầm lặng của mẹ đều vì con. Câu thơ "Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên" giọng ngậm ngùi chất chứa biết bao thương cảm, thành kính, biết ơn.

ĐỀ SỐ 13. CHUYÊN SƠN TÂY LẦN 1

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa

Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...

Chiều nay con chạy về thăm Bác

Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

Con lại lần theo lối sỏi quen

Đến bên thang gác, đứng nhìn lên

Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?

Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!

Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!

Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời

Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội

Rước Bác vào thăm thấy Bác cười!

Trái bưởi kia vàng ngọt với ai

Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!

Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm

Quanh mặt hồ in mây trắng bay...

(*Bác ơi* - Tố Hữu, ngữ văn 12 Tập 1, NXB Giáo dục VN trang 167 – 168)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

a/ Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ.

b/ Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ trên là gì? Cảm xúc đó được bộc lộ như thế nào?

c/ Giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người có điểm gì tương phản với nhau. Sự tương phản ấy có tác dụng gì trong việc biểu đạt cảm xúc của nhà thơ?

ĐÁP ÁN

- Câu a.** Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu b.** - Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ trên: Nỗi đau xót lớn lao và niềm tiếc thương vô hạn của nhà thơ trước sự kiện Bác Hồ qua đời.
 - Nỗi đau ấy được diễn tả bằng những từ ngữ, hình ảnh thơ xúc động:
 + Khi nghe tin Bác mất, Tố Hữu đã tìm về ngôi nhà sàn thân yêu của Bác. Nhà thơ không đi nổi mà phải “lăn” từng bước vì quá bàng hoàng, đau đớn, không thể tin là Bác đã mất.
 + Trước sự ra đi của Bác, không gian, thiên nhiên như hòa điệu với tâm trạng của con người: “Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa”. Mọi sự vật xung quanh cũng trở nên hoang vắng như mất hết linh hồn: vườn rau, gốc dừa ướt lạnh, gian phòng lặng yên, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng. Không còn bóng dáng của Người dạo bước bên hồ vào mỗi sớm mai. Vì thế trái bưởi vàng kia, bông hoa nhài kia còn biết ngọt, biết tỏa mùi thơm cho ai nữa. Tất cả đều chìm lắng trong nỗi đau mất mát khôn tả.
 + Nỗi đau này quá lớn khiến nhà thơ không thể tin đó là sự thật nên thảng thốt tự hỏi: *Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!*
- Câu c.** Giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người có sự tương phản với nhau: Lòng người thì đau đớn xót xa, còn ở ngoài kia đang là những ngày mùa thu tươi đẹp, bầu trời trong xanh, ánh nắng lung linh chiếu rọi. Miền Nam tràn ngập niềm vui, niềm hy vọng vì những chiến thắng lớn. Nhân dân miền Nam đang mơ đến ngày mở hội toàn thắng để được đón Bác vào thăm, để được nhìn thấy nụ cười rạng rỡ của Người. Sự tương phản giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người gợi bao nỗi day dứt về tính chất phi lí không thể chấp nhận được của sự mất mát. Cuộc đời càng đẹp đẽ, hấp dẫn thì sự ra đi của Bác càng gợi bao nỗi đau xót nhức nhối tâm can.

ĐỀ SỐ 14 . CHUYỆN NGUYỄN TẮT THÀNH LẦN 1

Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

“... Có gì đâu, có gì đâu
 Mờ màu ít chất đồn lâu hoá nhiều
 Rễ siêng không sợ đất nghèo
 Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
 Vươn mình trong gió tre đu
 Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
 Yêu nhiều nắng nở trời xanh
 Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm
 Bão bùng thân bọc lấy thân

Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm...

(Trích "Tre Việt Nam", Nguyễn Duy)

Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi:

- a/ Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên và nêu tác dụng của phương thức biểu đạt đó. (1,0 điểm)
- b/ Trình bày ngắn gọn về tác dụng của việc sử dụng biện pháp nhân hóa trong văn bản. (1,0 điểm)
- c/ Anh (chị) nhận được bài học nào từ văn bản trên? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản trích "Tre Việt Nam"- Nguyễn Duy

- Câu a.** - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm (nếu học sinh chỉ ra cả hai phương thức biểu cảm và miêu tả cũng cho điểm).
- Tác dụng: qua việc tái hiện cụ thể và sinh động hình ảnh của những lũy tre Việt Nam đã thể hiện cảm hứng ngợi ca.
- Câu b.** - Chỉ ra một vài câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa trong văn bản: "*Rễ siêng không sợ đất nghèo*" / "*Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành*" / "*Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh*" / "*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*".
- Tác dụng: hình ảnh cây tre mang những phẩm chất tốt đẹp của con người đã đem lại những bài học sâu sắc.
- Câu c.** - Đưa ra bài học sâu sắc có liên quan đến nội dung văn bản, mang tính thuyết phục (Ví dụ: *Sự cố gắng bền bỉ vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn thử thách, sự đoàn kết đùm bọc che chở...*).
- Đảm bảo những yêu cầu về diễn đạt, chính tả, trình bày.

ĐỀ SỐ 15. CHUYỆN HÙNG VƯƠNG PHÚ THỌ LÀN 2

"Một năm đi qua. Mùa xuân thứ hai đã đến. Màu xanh thẫm của đỗ, của ngô, của lạc, màu xanh non của lá mạ, màu đỏ tươi của ớt chín lán dần lên các thứ màu nham nhở khác của đất hoang... Một mảnh vải trắng làm rèm che cửa, một giàn liểu leo có những chấm hoa đỏ thắm như nhung ở mé hiên phía trước, bóng lá loáng mượt của rặng chuối, màu càn rục của khóm đu đủ, mấy con ngỗng bì bạch ở mé nhà, tiếng guốc đi lẹp kẹp, bóng dáng nặng nề của những chị có mang ở khu gia đình, những ngọn đèn le lói, mảng thuốc bay qua ánh đèn trông rõ từng sợi xanh. Tiếng cười the thé, tiếng thủ thi, tiếng la hét, tiếng trẻ con khóc. Người ta làm việc, người ta yêu nhau, và làm cho nhau đau khổ. Những nỗi niềm, những tâm sự, những mong ước. Cuộc sống vĩ đại đã trở lại rồi"

(Mùa lạc – Nguyễn Khải)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn? (0,5 điểm)

- 2.Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? Chỉ ra những biểu hiện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ đó? (1,0 điểm)
- 3.Những biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn? Tác dụng? (1,0 điểm)
- 4.Đoạn văn nói về vấn đề gì? (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn: miêu tả, tự sự, biểu cảm.
- Câu 2.** - Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- Những biểu hiện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ đó:
+ Đoạn văn đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên và cuộc sống tươi mới, giàu âm thanh và màu sắc thông qua việc sử dụng tài tình, hiệu quả biện pháp tu từ liệt kê, so sánh.
+ Nhịp điệu nhịp nhàng, giọng văn mượt mà, giàu cảm xúc. Hình ảnh phong phú, sinh động, đầy màu sắc. Các câu văn như những nét vẽ mau lẹ, thanh thoát, tạo thành một bức tranh đầy sức sống.
+ Sử dụng các câu văn đặc biệt "*Tiếng cười the thé,... những mong ước.*"
- Câu 3.** - Những biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn: so sánh, liệt kê, điệp.
- Tác dụng: Tái hiện sự hồi sinh của cảnh vật và cuộc sống con người.
- Câu 4.** Đoạn văn nói về vấn đề: Miêu tả sự hồi sinh của mảnh đất Điện Biên vào mùa xuân, cả thiên nhiên và con người đều bừng lên sức sống mới.

ĐỀ SỐ 16. CHUYÊN ĐẠI HỌC VINH LẦN 1

1/ Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

“Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mát bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận”.

- a. Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Tác giả của văn bản đó là ai? Viết trong thời gian nào?(0,25 điểm)
- b. Đoạn văn nói về vấn đề gì? Cách diễn đạt của tác giả có gì đặc sắc? (0,5 điểm)
- c. Anh/chị hiểu như thế nào về *bề rộng* và *bề sâu* mà tác giả nói đến ở đây? (0,25 điểm)
- d. Nội dung của đoạn văn giúp gì cho anh/chị trong việc đọc-hiểu các bài thơ mới trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông? (0,5 điểm)

2) Đọc văn bản:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

(*Tiếng hát con tàu* - Chế Lan Viên, *Ngữ văn 12*, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, trang 144)

Trả lời các câu hỏi:

- a. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản **(0,25 điểm)**
- b. Văn bản sử dụng biện pháp tu từ gì? Cách sử dụng biện pháp tu từ ấy ở đây có gì đặc sắc? **(0,5 điểm)**
- c. Anh/chị hiểu như thế nào về cụm từ “*con gắp lại nhân dân*” ở văn bản? **(0,25 điểm)**
- d. Hãy nói rõ niềm hạnh phúc của nhà thơ Chế Lan Viên thể hiện trong văn bản. **(0,5 điểm)**

ĐÁP ÁN

Câu 1. Đọc hiểu một đoạn văn:

Câu a. Đoạn văn được trích từ bài *Một thời đại trong thi ca*, là bài tổng luận cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân, được viết năm 1942.

Câu b. - Đoạn văn đề cập đến cái tôi cá nhân – một nhân tố quan trọng trong tư tưởng và nội dung của thơ Mới (1932-1945), đồng thời, nêu ngắn gọn những biểu hiện của *cái tôi cá nhân* ở một số nhà thơ tiêu biểu.

- Tác giả đã có cách diễn đạt khá đặc sắc, thể hiện ở:

+ Cách dùng từ ngữ giàu hình ảnh (*mắt bề rộng, tìm bề sâu, càng đi sâu càng lạnh, phiêu lưu trong trường tình, động tiên đã khép, ngư ngẩn buồn trở về hồn ta...*)

+ Câu văn ngắn dài linh hoạt, nhịp nhàng, thể hiện cảm xúc của người viết. Hình thức điệp cú pháp thể hiện ở một loạt về câu (*ta thoát lên tiên...ta phiêu lưu trong trường tình...ta điên cuồng...ta đắm say...*) tạo nên ấn tượng mạnh ở người đọc.

+ Nghệ thuật hô ứng: *ta thoát lên tiên – động tiên đã khép, ta phiêu lưu trong trường tình – tình yêu không bền; ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử - điên cuồng rồi tỉnh, ta đắm say cùng Xuân Diệu – say đắm vẫn bơ vơ*. Nghệ thuật hô ứng làm cho các ý quán bện vào nhau rất chặt chẽ.

Câu c. - *Bề rộng* mà tác giả nói đến ở đây là *cái ta*. Nói đến *cái ta* là nói đến đoàn thể, cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Thế giới của *cái ta* hết sức rộng lớn.

- *Bề sâu* là *cái tôi cá nhân*. Thế giới của cái tôi là thế giới riêng tư, nhỏ hẹp, sâu kín. Thơ Mới từ bỏ *cái ta*, đi vào *cái tôi cá nhân* bằng nhiều cách khác nhau.

Câu d. Trước hết, đoạn văn nhắc ta một điều quan trọng: Thơ mới là tiếng nói trữ tình của *cái tôi cá nhân*. Không nắm vững điều này, khó mà hiểu sâu sắc một bài thơ lãng mạn. Cũng qua đoạn văn trên, ta sẽ biết rõ hơn về nét nổi bật của một số nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới như: Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, từ đó, có định hướng đúng trong việc đọc hiểu

một số bài thơ của tác giả ấy có mặt trong chương trình.

Câu 2. Đọc hiểu một đoạn thơ:

Câu a. Phương thức biểu đạt mà văn bản sử dụng là phương thức biểu cảm.

Câu b. Trong đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh. Nét đặc sắc ở đây là tác giả đã đưa ra một loạt hình ảnh so sánh (*nai về suối cũ, cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa, đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa, chiếc nôi ngừng gặp cánh tay đưa*) để làm nổi bật một yếu tố được so sánh (*con gặp lại nhân dân*). Đây là kiểu so sánh phức hợp, ít gặp trong thơ.

Câu c. Cụm từ “*con gặp lại nhân dân*” được hiểu: trước cách mạng, nhà thơ sống xa rời nhân dân, bó hẹp trong cái tôi cá nhân. Sau cách mạng, nhà thơ được hòa mình vào cuộc đời rộng lớn, cảm thấy thân thiết, gắn bó, gần gũi máu thịt với nhân dân.

Câu d. Bốn câu thơ trên đã thể hiện cảm xúc mãnh liệt của Chế Lan Viên khi trở về với nhân dân. Một loạt hình ảnh so sánh được đưa ra nhằm diễn tả sự hồi sinh của một hồn thơ. Đối với một người nghệ sĩ, đó là niềm hạnh phúc lớn lao, vô bờ.

ĐỀ SỐ 17. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 3

“Trong hoàn cảnh đê lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dửng dưng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong treo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ.

Ông trời nhiều khi chơi ác, đem đày ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt”.

(*Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục)

Đọc văn bản trên và cho biết:

a. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản (**0,5 điểm**)?

b. Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn bản? Phân tích hiệu quả nghệ thuật của thủ pháp nghệ thuật đó. (**1,0 điểm**).

c. Đoạn văn bản trên đã thực hiện những nét đặc sắc nào của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân? (**0,5 điểm**)

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản:

Câu a. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: tự sự, biểu cảm.

Câu b. - Những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn bản:

+ Biện pháp đối lập tương phản: hoàn cảnh đê lao, nghề nghiệp quản ngục >< tính cách, tấm lòng của viên quan coi ngục.

+ Biện pháp so sánh: “...là một thanh âm trong trẻo”

- Hiệu quả nghệ thuật: khắc họa, ngợi ca nhân cách cao quý của quân ngục. Đây không phải là một cai ngục bình thường, chỉ là do hoàn cảnh mà bị đẩy vào chỗ cặn bã, thực chất ở con người ấy vẫn ngời lên những phẩm chất tốt đẹp.

Câu c. Những nét đặc sắc của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân được thể hiện trong đoạn văn:

- Cái nhìn đầy lãng mạn nhưng cũng là cái nhìn mang tính thẩm mỹ cao cả của Nguyễn Tuân đối với con người.

- Xây dựng nhân vật bằng bút pháp lãng mạn, độc đáo.

- Ngôn ngữ trang trọng, mực thước.

ĐỀ SỐ 18. CHUYÊN SƠN LA LẦN 1

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời khi như mặt trăng*

*Lũ chúng tôi từ bàn tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Nhỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi*

(*Mẹ và quả* - Nguyễn Khoa Điềm)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đoạn thơ thể hiện suy tư, tình cảm gì của người con?
2. Điệp ngữ “*những mùa quả*” kết hợp với những hình ảnh “*lặn rồi lại mọc*” gợi tả điều gì?
3. Hai câu thơ “*Lũ chúng tôi từ bàn tay mẹ lớn lên/Còn những bí và bầu thì lớn xuống*” được triển khai theo hình thức nghệ thuật nào và có ý nghĩa gì?
4. “*Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn...*” là một trong những hình ảnh tài hoa nhất của bài thơ. Hãy xác định thủ pháp nghệ thuật mà nhà thơ dùng để xây dựng hình ảnh và ý nghĩa thẩm mỹ của nó.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ trong bài “Mẹ và quả” và thực hiện các yêu cầu:

Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú, nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, hiểu được giá trị biểu đạt của tiếng Việt, thấy được tác dụng của biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích.

Yêu cầu cụ thể

1. Bài thơ thể hiện suy tư về mẹ đặc biệt là về mối quan hệ mẹ và con (mẹ và quả), mẹ là người gieo trồng trên mảnh vườn cây, “vườn người”; quả và con là thứ thành quả chất chiu bao công sức của mẹ; Tiếng nói ân tình, bày tỏ niềm biết ơn với công lao, tâm đức của người mẹ
2. Điệp ngữ “*những mùa quả*” kết hợp với hình ảnh “*lặn rồi lại mọc*” đồng hiện mùa hoa trái theo thời gian và hình ảnh người mẹ như người gieo trồng, hái lượm tảo tần, chịu thương chịu khó qua năm tháng.
3. Hai câu thơ “*Lũ chúng tôi từ bàn tay mẹ lớn lên...*” tổ chức theo hình thức đối vừa tương đồng và tương phản (Lớn lên và lớn xuống), tạo ra sự chuyển nghĩa liên tưởng thú vị: Chúng tôi – con cái chính là một thứ quả mà mẹ cũng gieo trồng, chăm sóc tận tụy, hy sinh lặng thầm. Hóa ra mẹ không chỉ là người trồng vườn mà còn là người chăm sóc “cây người”
4. Hình ảnh “*chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn*” là kiểu hình ảnh so sánh, ví von dáng bầu bí như giọt mồ hôi mặn của mẹ. Đó là cách hình tượng hóa giọt mồ hôi nhọc nhằn, giọt mồ hôi xanh kết tụ từ những vất vả, hi sinh của mẹ. Câu thơ thắm ca ngợi công lao mà cũng là bày tỏ lòng biết ơn của con với mẹ.

ĐỀ SỐ 19. CHUYÊN THÁI BÌNH LẦN 3

Đọc đoạn văn bản rồi trả lời các câu hỏi:

Ông đồ Lai Châu bạn tôi làm nghề chở đò dọc sông Đà đã 10 năm liền và thôi làm đò cũng đã đôi chục năm nay. Tay ông lêu nghêu như cái sào. Chân ông lúc nào cũng khuyên khuyên gò lại như kẹp lấy cái cuống lái tưởng tượng. Giọng ông nói ào ào như tiếng nước trước mặt ghènh sông. Nhõn giới ông vời vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào trong sương mù. Quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh. Ông chở đò dọc, chở chè mạn, chè cối từ Mường Lay về Hòa Bình, có khi chở về đến tận bến Nứa Hà Nội. Ông bảo: Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dãi tay chân và buồn ngủ. Cho nên ông chỉ muốn cắm thuyền ở Chợ Bờ, cái chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác sông Đà...

Trên dòng sông Đà, ông xuôi ngược hơn trăm lần rồi. Chính tay ông giữ lái đò độ sâu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sâu mái chèo. Trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước, những con thác hiểm trở sông Đà, với người lái đò ấy, như thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc lòng từ dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, chấm xuống dòng...

(Người lái đò sông Đà – Tuyển tập Nguyễn Tuân – NXBVH 2008)

1. Xác định thể loại văn bản và những phương thức biểu đạt của đoạn văn trên. Việc kết hợp nhiều phương thức biểu đạt như thế mang lại hiệu quả gì?
2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất, có hiệu quả nhất trong đoạn văn.
3. Vì sao ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà? Điều đó chứng tỏ ông đò là người như thế nào?
4. Viết từ 3- 5 câu về tình cảm của tác giả với ông đò qua đoạn văn trên?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn bản rồi trả lời các câu hỏi:

- Câu 1.** - Thể loại văn bản: tùy bút.
- Những phương thức biểu đạt của đoạn văn: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Việc kết hợp nhiều phương thức biểu đạt giúp nhà văn vừa tái hiện chân thực, sinh động đối tượng, sự việc vừa bày tỏ tư tưởng, tình cảm một cách dễ dàng, hiệu quả, giúp người đọc dễ hiểu, dễ tiếp cận.
- Câu 2.** - Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất, có hiệu quả nhất trong đoạn văn: biện pháp so sánh.
- Tác dụng: Khắc họa ông lái đò với vẻ đẹp từng trải, hiểu biết, thành thạo nghề lái đò và nắm chắc đối tượng chiến đấu của mình.
- Câu 3.** - Ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà là vì “*Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dãi tay chân và buồn ngủ*”
- Điều đó chứng tỏ ông đò là người gan dạ, quen với việc đối mặt với hiểm nguy, biến những thử thách khó khăn trở thành thuận lợi.
- Câu 4.** Tình cảm của tác giả với ông đò:
Nguyễn Tuân khắc họa hình tượng người lái đò sông Đà với vẻ đẹp bình dị mà phi thường, như một biểu tượng đẹp của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước. Đó là một cách nhìn, một cách khám phá và khẳng định vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời đại mới. Ca ngợi hình tượng người lái đò sông Đà chính là một cách tôn vinh tài năng, ý chí, nghị lực của con người trong công cuộc chinh phục thiên nhiên.

ĐỀ SỐ 20. CHUYÊN HÒA BÌNH LẦN 2

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

DẶN CON

(Trần Nhuận Minh)

*Chẳng ai muốn làm hành khát
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn*

*Nhà mình sát đường, họ đến
Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào*

*Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán*

*Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vẫn xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...*

- Hãy cho biết thể thơ và cách gieo vần của bài thơ.
- Ý nghĩa của cách gọi “hành khát” mà không phải “ăn mày” ở câu thơ mở đầu?
- Việc lặp lại: “Con không...Con không...” ở khổ 1,2 thể hiện thái độ gì của nhân vật trữ tình?
- Hãy thử lí giải tại sao người cha lại dặn con: *Con không bao giờ được hỏi: Quê hương họ ở nơi nào.*
- Những lời chia sẻ trong khổ cuối gọi cho anh/chị những suy nghĩ gì?
- Đọc bài thơ này, anh/chị có liên tưởng đến bài thơ nào đã học? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 dòng) bàn về những lời dạy quý giá của cha.

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

Câu a. Thể thơ: Tự do. Gieo vần chân.

Câu b. Cách gọi “*hành khất*” mà không phải “*ăn mày*” thể hiện thái độ tôn trọng của người cha với những người bị “*giời đầy*” chẳng may phải xin ăn trên phố, đồng thời cũng thể hiện niềm đồng cảm chân thành với nỗi bất hạnh của họ. Qua cách gọi ấy người cha cũng muốn con mình nhận ra nên có thái độ hành xử như thế nào cho đúng với những người cơ cực, khổ nghèo.

Câu c. Việc lặp lại “*Con không... Con không...*” ở khổ 1,2 là những câu khẳng định có ý nghĩa mệnh lệnh thể hiện thái độ nghiêm khắc căn dặn con của nhân vật trữ tình. Người cha muốn khắc sâu trong con những điều tuyệt đối không được làm khi gặp những người hành khất tránh gây nên sự tổn thương về tinh thần cho họ.

Câu d. Nguyên nhân khiến người cha dặn dò con: *Con không bao giờ được hỏi/ Quê hương họ ở nơi nào.*

+ Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, là nơi có họ hàng, làng xóm,... Ai cũng yêu, cũng muốn gắn bó với quê hương mình và khi đi xa thì tha thiết mong nhớ.

+ Những người hành khất không may phải lang thang xin ăn, họ vì lí do nào đó mà phải xa quê, nên khi hỏi họ về quê hương là đắm sâu hơn vào nỗi đau tha hương của họ, khiến họ xót xa hơn cho tình cảnh thực tại nghiệt ngã của chính mình.

=> Qua lời dặn dò này, người cha dạy con cần phải có tình yêu thương con người, biết quý trọng con người. Không chỉ giúp đỡ những con người hành khất về vật chất, một người biết yêu thương cần phải biết đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu để không gây ra những tổn thương tinh thần cho họ.

Câu e. Những lời chia sẻ trong khổ cuối là lời dặn dò vô cùng ý nghĩa của người cha dành cho con:

+ *Mình tạm gọi là no ấm/Ai biết cơ trời vẫn xoay*: Gia đình mình chỉ “tạm” gọi là no ấm hơn những người hành khất tội nghiệp kia. Sự no ấm ấy chưa biết tồn tại được bao lâu bởi cuộc sống luôn “*vẫn xoay*” biến đổi...

+ *Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bố sau này*: Con hãy sống giàu tình yêu thương, sẻ chia, trân trọng những người nghèo khổ, tu nhân tích đức, bởi biết đâu sau này bố cũng rơi vào tình cảnh như họ, và cũng được mọi người giúp đỡ, trân trọng như con đã làm.

=>Người cha đã đánh thức lòng trắc ẩn, tình yêu thương, khơi dậy lòng tốt không chỉ của con mình mà con của nhiều người khác.

Câu f. Bài thơ gợi nhớ đến bài “*Nói với con*” của Y Phương.

Đoạn văn cần kết cấu rõ ràng, mạch lạc, tập trung bàn về những lời dạy của cha:

Nội dung những lời dạy, ý nghĩa của những lời dạy.

ĐỀ SỐ 21. CHUYÊN HÀ TĨNH LẦN 1

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

[1] ... Năm 1902, Hà Nội trở thành Thủ đô của Liên bang Đông Dương thì tòa đốc lý càng chú ý đến bộ mặt đô thị. Dốc lý Baille Frédéric (nắm quyền từ 1901-1903) ra quy định cây xanh trồng ở Hà Nội phải tuân theo tiêu chí: Có bóng mát, bảo đảm mỹ quan, không có nhựa, không đổ trước các trận bão vừa phải. Bên cạnh đó là tùy theo chiều cao quy định cho các phố để chọn giống cây phù hợp. Quy định cũng có điều khoản phạt tiền với những hành vi phá hoại cây xanh. Và thử thách đầu tiên đối với cây xanh Hà Nội là trận bão mạnh quét qua Hà Nội ngày 7-6-1903 làm gãy và đổ nhiều cây quanh Hồ Gươm và phố Ngô Quyền.

[2] Chính quyền cũng thí điểm qua cây xanh tạo ra kiến trúc đô thị nên phố Trần Hưng Đạo, Lê Thánh Tôn, đầu phố Hàng Bài đã trồng sấu, phố Quán Thánh trồng toàn hoa sữa, phố Lý Thường Kiệt chỉ trồng cây com nguội, nửa đầu phố Lò Đúc trồng sao đen...cây xà cừ không ưa ẩm, trồng ở các khu đất cao. Khi cây đã lớn cho bóng mát thì nhiều giống cây đã lộ ra “khuyết điểm”. Cây xà cừ lớn nhanh, tán rộng ở Châu Phi có bộ rễ cọc nhưng khi trồng tại Hà Nội, do đất có độ ẩm cao nên rễ lại ăn ngang, có cây rễ ăn cả vào móng các nhà mặt phố nên khả năng chịu bão kém. Sấu khó trồng, lâu lớn nhưng có ưu điểm thân khá thẳng, tán cũng rộng, dễ ăn mới lan ngang, lá hình mắt nai lại xanh thẫm rất đẹp. Cuối mùa xuân, hoa nhỏ li ti màu trắng nở rụng trắng via hè tỏa mùi thơm dịu, làm ngáy ngất người đi qua. Đặc biệt, quả sấu xanh có vị chua được dùng để luộc rau, nấu canh hay ngâm đường làm nước giải khát. Cây sao đen có rễ cọc, chặm lớn nhưng bù lại thân thẳng, hàng sao thẳng tắp nom khỏe khoắn và uy nghi. Cây com nguội lại toát lên vẻ chân chất, mùa thu lá vàng rất đẹp nhưng nhược điểm là lâu năm thì thân cây tự mục rỗng, vì thế những năm 70 thế kỷ XX, thành phố đã cưa hàng com nguội ở phố Lý Thường Kiệt trồng thay vào đó là phượng. Hàng cây sữa ở phố Quán Thánh đến nay cũng đã quá già cỗi, trên ngọn chỉ còn vài ba cành lơ thơ. Muồng sẫm nở hoa vàng rất đẹp nhưng lại giòn, gió lớn dễ bị gãy ngang thân. Cọ nhập từ châu Phi cho cảm giác khát khao bầu trời, khát khao tự do nhưng khi lá rụng rất nguy hiểm. Bàng lâu lớn, có sấu róm nhưng bù lại tán rộng. Còn bằng lăng khi đâm chồi, lá non màu ánh tím rất lạ và đẹp... Họ cũng rút ra bài học cây lá nhỏ như me, muồng lá rụng, không gây tắc cống như những giống lá to.

[3] Có thể nói từ khi cây xanh được trồng trên các tuyến phố, nơi công cộng, vườn hoa, khuôn viên công sở cho đến năm 1945 không chỉ giảm bớt cái nóng mùa hè, không khí thêm trong sạch mà còn làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn. Tuy nhiên, trong 9 năm thành phố bị thực dân Pháp tạm chiếm, các quy định về cây xanh bị chính quyền sao nhãng do chiến tranh, ngân sách bị cắt giảm nên chính quyền đã “xã hội hóa” trồng cây. Nhà nào thích trồng cây gì thì mua về báo cho nhân viên lục lộ đến trồng. Và cây xanh Hà Nội đã không còn như trước...

(Nguồn: Trang hanoimoi.com.vn)

a. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt nào? (0,25 điểm)

b. Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau: **(0,25 điểm)**

[1] Có thể nói từ khi cây xanh được trồng trên các tuyến phố, nơi công cộng, vườn hoa, khuôn viên công sở cho đến năm 1945 không chỉ giảm bớt cái nóng mùa hè, không khí thêm trong sạch mà còn làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn. Tuy nhiên, trong 9 năm thành phố bị thực dân Pháp tạm chiếm, các quy định về cây xanh bị chính quyền sao nhãng do chiến tranh, ngân sách bị cắt giảm nên chính quyền đã “xã hội hóa” trồng cây. Nhà nào thích trồng cây gì thì mua về bảo cho nhân viên lục lọi đến trồng. Và cây xanh Hà Nội đã không còn như trước...

c. Nội dung của văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? **(0,5 điểm)**

d. Từ văn bản anh/chị có suy nghĩ gì về giá trị của cây xanh đối với thủ đô Hà Nội? **(0,5 điểm)**

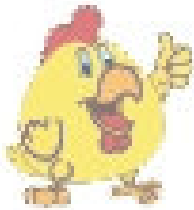
2. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Hà Nội và cây...

Lê Thống Nhất

*Hà Nội không còn tiếng ve
Không tán cây che hè phố
Hà Nội không mùi hoa sữa
Ban trưa đổ lửa lên đầu*

*Hà Nội sáu chảng còn đâu
Ngẩn ngơ nỗi sầu con gái
Hà Nội gió xe trống trải
Nơi đâu sót lại phượng hồng*



*Hà Nội lạnh ngắt đêm đông
Con gió chạy không gì cản
Hà Nội mùa thu sạch lắm
Lá vàng cũng chẳng hề rơi*

*Bao bài hát hay một thời
“Xào xạc” thành lời khó hiểu
Bao vần thơ vương nhịp điệu
Hương thềm vắng thiếu trên tay*

*Bao bức tranh vẽ hôm nay
Chẳng còn bóng cây quen thuộc
Con hè chỉ còn hàng cột
Trên đầu dây buộc ngón ngang*

*Hà Nội cây non xếp hàng
Đồng phục là vàng tâm đáy
Tiện lợi và hay biết mấy
Khỏi treo biển nói cây gì...*

*Thời gian rồi cũng trôi đi
Cây non sẽ thành cổ thụ
Đời chết học theo sách cũ*

Chặt cây mọi phố, lại trồng...

(Nguồn: Facebook Lê Thống Nhất)

- a/ Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)
b/ Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản trên có đặc điểm gì? (0,25 điểm)
c/ Trong văn bản trên có sự lặp lại nhiều lần của hai từ “không” và “chẳng”. Anh/chị hãy nêu ý nghĩa của hai từ này trong việc thể hiện cảm xúc của tác giả. (0,5 điểm)
d/ Từ hai văn bản đã cho, anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của mình về sự kiện cây xanh Hà Nội bị đốn chặt trong thời gian vừa qua. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

-
- Câu a.** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
-
- Câu b.** Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn:
- + Phép nối bằng các quan hệ từ: *Tuy nhiên, và.*
 - + Phép lặp: Lặp lại các từ *cây, trồng cây, cây xanh, Hà Nội, quy định,...*
 - + Phép thế: Dùng từ “*thành phố*” thay cho “*Hà Nội*”
-
- Câu c.** Nội dung của văn bản trên đề cập đến vấn đề cây xanh ở thành phố Hà Nội xưa và nay: những quy định về việc trồng cây xanh, ưu nhược điểm của từng loại cây, tác dụng của việc trồng cây.
-
- Câu d.** Suy nghĩ về giá trị của cây xanh đối với thủ đô Hà Nội:
- + Giảm bớt cái nóng mùa hè.
 - + Làm cho không khí trong lành, góp phần bảo vệ môi trường.
 - + Làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn, làm nên nét riêng, ấn tượng riêng cho đường phố Hà Nội.

ĐỀ SỐ 22 . CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH LẦN 1

Phân tích những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ báo chí trong bản tin sau:

Cận cảnh khu chung cư sinh viên hiện đại giá 200 nghìn đồng /tháng ở Hà Nội

Đây là căn phòng kiểu mẫu có diện tích 45m vuông, trong đó, phòng ở chính 28,5 mét vuông, còn lại là nhà tắm và nhà vệ sinh có thể bố trí cho 6 sinh viên. Mỗi sinh viên chỉ phải trả 215 nghìn một tháng, chưa tính tiền điện nước và phí dịch vụ... Khu nhà ở sinh viên Mỹ Đình nằm trong khu đô thị Mỹ Đình II gồm có 03 tòa nhà cao 21 tầng và 01 tầng hầm, có thể phục vụ nơi ăn ở cho hơn 7 nghìn sinh viên. Đối tượng được thuê gồm học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, không phân biệt công lập hay ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

(Báo Dân trí, 13/1/2015)

ĐÁP ÁN

1 Phân tích những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ báo chí trong bản tin

Đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ báo chí trong bản tin:

- Tính thông tin thời sự: Nói về khu chung cư sinh viên hiện đại giá 200 nghìn đồng /tháng ở Hà Nội. Đây là vấn đề thu hút được sự quan tâm, chú ý của nhiều người, đặc biệt là học sinh, sinh viên.
- Tính ngắn gọn: Chỉ một đoạn văn ngắn nhưng cung cấp đầy đủ, chi tiết mọi thông tin về khu chung cư cho người đọc.
- Tính hấp dẫn: ở nhan đề, khơi gợi sự bất ngờ, kích thích sự tò mò của độc giả.

ĐỀ SỐ 23. CHUYÊN SỬ PHẠM LÀN 4

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi dưới đây

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.”*
(Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ?
2. Cách xưng hô “con” và “nhân dân” trong đoạn thơ trên có ý nghĩa như thế nào?
- 3 Chỉ ra và phân tích giá trị các biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN

Câu I (3,0 điểm)

Ý CHÍNH

1. Ý chính của đoạn thơ trên nhằm thể hiện niềm vui sướng và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ trong hành trình "phá cô đơn ta hòa hợp với người", khi gặp lại nhân dân mình, đất nước mình.
2. Cách xưng hô "con" và "nhân dân" thể hiện thái độ khiêm nhường trước công ơn lớn lao của nhân dân, của Đảng, của Bác Hồ....., của một nhà thơ Mới được gắn bó với đất nước mình, một sự hồi sinh cho sáng tạo thơ ca.
3. Biện pháp tu từ so sánh, liệt kê mang lại sức hấp dẫn cho thơ bởi hình ảnh trùng phức, giàu chất suy tưởng, cũng như cảm xúc mãnh liệt của nhà thơ. Ý thơ trở lên phong phú hơn, sức gợi mở nhờ liên tưởng mang vẻ đẹp trí tuệ cho thơ Chế Lan Viên.

ĐỀ SỐ 24: CHUYÊN SƠN TÂY LÀN 2

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Tại thể vận hội đặc biệt Seattle (dành cho người tàn tật) có chín vận động viên vừa bị tổn thương về vật chất và tinh thần, cùng tập trung trước vạch xuất phát để chuẩn bị cho cuộc đua 100km. Khi súng hiệu nổ tất cả đều lao đi với quyết tâm chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ bị vấp té liên tục trên đường đua và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ và ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị hội chứng down dịu dàng cúi xuống hôn cậu bé:

- Như thế này em sẽ thấy tốt hơn.

Cô gái nói xong, cả chín người cùng khoác tay nhau sánh bước về vạch đích.

Khán giả trong sân vận động đông loạt đứng dậy.

Tiếng vỗ tay hoan hô vang dội nhiều phút liền.

Mãi về sau những người chứng kiến vẫn truyền tai nhau về câu chuyện cảm động này.

(Nguồn Internet)

Câu 1. Đặt nhan đề cho văn bản. (0.25 đ)

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản.(0.25 đ)

Câu 3. Câu “Trừ một cậu bé” thuộc kiểu câu gì? Nêu tác dụng. (0.5đ)

Câu 4. Tại sao khán giả trong sân khi chứng kiến câu chuyện lại vỗ tay vang dội nhiều phút liền và truyền tai nhau về câu chuyện cảm động này? (0.5đ)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8: [ID 95743]

Lá đỏ

- Nguyễn Đình Thi -

Gặp em trên cao lộng gió

Rừng Trường Sơn ào ào lá đỏ

Em đứng bên đường như quế hương

Vai áo bạc quàng súng trường.

Đoàn quân vẫn đi vội vã

Bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa.

Chào em, em gái tiền phương

Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.

Em vẫy tay cười đôi mắt trong.

(Trường Sơn, 12/1974)

Câu 5. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? (0,25đ)

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ *Em đứng bên đường như quế hương*? (0,25đ)

Câu 7. Không khí hành quân hào hùng, thần tốc được gọi lên qua hình ảnh nào? Từ hình ảnh này, anh/chị có thể liên tưởng đến hình ảnh nào trong một bài thơ đã học? (0,5đ)

Câu 8. Cảm nhận của anh chị về những dự cảm và niềm tin tất thắng của dân tộc qua bài thơ? (viết 5 - 7 dòng)(0,5 đ)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Chiến thắng/ Sự chiến thắng/ Tinh thần chiến thắng
- Câu 2.** Phương thức tự sự.
- Câu 3.** - Câu đặc biệt
- Tác dụng: Gây sự chú ý và nhấn mạnh “chính cậu bé chứ không phải ai khác trong số chín vận động viên..”
- Câu 4.** - Vì cách hành xử của các vận động viên
- Vì cảm động và cảm nhận được bài học về sự chiến thắng: chiến thắng vinh quang nhất chính là ct bản thân mình.
- Câu 5.** Bài thơ được viết theo thể thơ tự do.
- Câu 6.** Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ *Em đứng bên đường như què hương* là biện pháp so sánh
- Câu 7.** - Không khí hành quân hào hùng thần tốc được thể hiện qua hình ảnh: *đoàn quân đi vội vã; bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa*
- Thí sinh có thể liên hệ với hình ảnh trong bài thơ khác nhau, ví dụ bài Việt Bắc (*Quân đi điệp điệp trùng trùng. Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*)
- Câu 8.** - Phân tích câu thơ “*Chào em cô gái tiền phương , hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn*”, “*Em vẫy tay cười đôi mắt trong*”.

ĐỀ SỐ 25. CHUYÊN NGUYỄN HUỆ LẦN 3

1. Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Trên những trang vở học sinh

Trên bàn học trên cây xanh

Trên đất cát và trên tuyết

Tôi viết tên em



...Trên sức khỏe được phục hồi

Trên hiểm nguy đã tan biến

Trên hi vọng chẳng vẩn vương

Tôi viết tên em

Và bằng phép màu một tiếng

Tôi bắt đầu lại cuộc đời

Tôi sinh ra để biết em

Để gọi tên em

TỰ DO

(*Tự do* – Pôn Ê-luy-a - SGK Ngữ văn 12, cơ bản, tập 1, tr. 120)

Câu 1. Cho biết đoạn thơ trên thuộc thể thơ nào? (0,25 điểm)

Câu 2. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên (0,25 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy giải thích ngắn gọn mục đích của tác giả khi viết từ *TỰ DO* ở cuối bài thơ bằng chữ in hoa?(0,5 điểm)

2. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

“Tủ rượu” của người Việt và “tủ sách” của người Do Thái

“(1) Hôm rồi tôi có dịp ghé nhà một ông tá hải quân cùng quê chơi. Ông hiện phụ trách quân lực của cả một vùng. Ông vừa cất xong ngôi nhà (biệt thự thì đúng hơn) và sắm xe hơi mới. Bước vào phòng khách ngôi nhà, đập vào mắt tôi chính là chiếc tủ rượu hoành tráng được gắn sát chiếm diện tích gần nửa bức tường chính diện. Thôi thì đủ thương hiệu rượu danh tiếng: từ Chivas, Hennessy, Napoleon, Johnnie Walker cho tới Vodka xịn tận bên Nga... được gia chủ bày khá ngay ngắn trên kệ. Ông đi giới thiệu cho chúng tôi xuất xứ từng chai rượu: chai này thằng bạn đi nước ngoài về tặng, chai kia đồng nghiệp cho, chai nọ do cấp dưới biếu với giọng khá hào hứng cũng như thể hiện sự am hiểu về rượu ngoại....

...(2) Câu chuyện thứ hai tôi muốn đề cập với các bạn thói quen đọc sách của người Do Thái. “Trong mỗi gia đình Do Thái luôn luôn có 1 tủ sách được truyền từ đời này sang đời khác. Tủ sách phải được đặt ở vị trí đầu giường để trẻ nhỏ dễ nhìn, dễ thấy từ khi còn nằm nôi. Để sách hấp dẫn trẻ, phụ huynh Do Thái thường nhỏ nước hoa lên sách để tạo mùi hương cho các em chú ý.” Tác giả Nguyễn Hương trong bài “Người Việt ít đọc sách: Cần những chính sách để thay đổi toàn diện” (đăng trên trang tin điện tử Cinet.com của Bộ VH-TT-DL) kể với chúng ta như vậy.

...(3) Câu chuyện về cái “tủ rượu” của ông tá hải quân trong câu chuyện đầu bài và cái “tủ sách” của người Do Thái, hay câu chuyện “văn hóa đọc” của người Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với khoảng cách phát triển hiện tại giữa chúng ta với thế giới. Để đất nước và con người Việt Nam phát triển về mọi mặt, bền vững, việc đầu tiên là phải làm sao để “văn hóa đọc” của người Việt lan tỏa và thăng hoa, tạo thói quen đọc sách và yêu sách. Muốn phát triển như Âu-Mỹ, Nhật hay người Do Thái, trước hết phải học hỏi văn hóa đọc từ họ. Phải làm sao nhà nhà đều có “tủ sách” để tự hào và gieo hạt, chứ không phải là “tủ rượu” để khoe mẽ vật chất và phô trương cái tư duy trọc phú. Mọi thay đổi phải bắt đầu từ thế hệ trẻ.”

(Dẫn theo <http://vanhoagiaoduc.vn/tu-ruou-cua-nguoi-viet-va-tu-sach-cua-nguoi-do-thai-19029.html>)

Câu 5. Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 6. Các ý trong đoạn trích trên được trình bày theo kiểu nào? (0,25 điểm)

Câu 7. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của toàn bộ đoạn trích trên (0,5 điểm)

Câu 8. Anh/chị hãy nêu ít nhất 02 giải pháp để phát triển “văn hóa đọc” của người Việt. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Câu 1.** Đoạn thơ trên thuộc thể thơ tự do.
- Câu 2.** Hai biện pháp tu từ: điệp từ (*trên, tôi, em*); lặp cấu trúc (ở hai dòng thơ *Tôi viết tên em...*) hoặc nhân hóa (gọi *tự do* là *em*)...
- Câu 3.** Đoạn thơ bộc lộ tình yêu Tự do tha thiết, mãnh liệt của tác giả.
- Câu 4.** Tác giả viết hoa từ TỰ DO ở cuối bài nhằm mục đích:
- Thể hiện sự thiêng liêng, cao cả của hai tiếng TỰ DO
- Nhấn mạnh đề tài của bài thơ, giải thích tình cảm gắn bó, khao khát, tôn thờ, ... của tác giả dành trọn cho TỰ DO. TỰ DO là tất cả những gì ông mong mỏi, mơ ước mọi lúc, mọi nơi
- Câu 5.** Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí.
- Câu 6.** Các ý trong đoạn trích trên được trình bày theo kiểu quy nạp.
- Câu 7.** Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Phải làm sao nhà nhà đều có “tủ sách” để tự hào và gieo hạt, chứ không phải là “tủ rượu” để khoe mẽ vật chất và phó trương cái tư duy trọc phú.*
- Câu 8.** Nêu ít nhất 02 giải pháp để phát triển “văn hóa đọc” của người Việt theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

ĐỀ SỐ 26. CHUYÊN NGUYỄN BÌNH KHIÊM QUẢNG NAM

Đọc đoạn trích sau đây và thực hiện các yêu cầu:

“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.”

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*...- Phạm Lữ Ân)

- Câu 1.** Gọi tên phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. (0,5 điểm)
- Câu 2.** Xác định câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn. (0,5 điểm)
- Câu 3.** Chỉ ra điểm giống nhau về cách lập luận trong 4 câu đầu của đoạn trích. (0,25 điểm)
- Câu 4.** Cho mọi người biết giá trị riêng (thể mạnh riêng) của bản thân bạn. Trả lời trong khoảng từ

3 – 4 câu. (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và thực hiện các yêu cầu:

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em
Biết khao khát những điều anh mơ ước
Biết xúc động qua nhiều nhận thức
Biết yêu anh và biết được anh yêu*

*Mùa thu nay sao bão mưa nhiều
Những cửa sổ con tàu chẳng đóng
Dải đồng hoang và đại ngàn tối sẫm
Em lạc loài giữa sâu thẳm rừng anh*

(Trích **Tự hát** - Xuân Quỳnh)

Câu 5. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 6. Nêu ý nghĩa của câu thơ *Biết khao khát những điều anh mơ ước*. (0,5 điểm)

Câu 7. Trong khổ thơ thứ nhất, những từ ngữ nào nêu lên những trạng thái cảm xúc, tình cảm của nhân vật “em”? (0,25 điểm)

Câu 8. Điều giải bày gì trong hai khổ thơ trên đã gọi cho anh chị nhiều suy nghĩ nhất? Trả lời trong khoảng từ 3 - 4 câu. (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc các văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Phương thức nghị luận.

Câu 2. Câu "*Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn*". Có thể dẫn thêm câu: Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.

Câu 3. Điểm giống nhau về cách lập luận: lập luận theo hình thức đưa ra giả định về sự không có mặt của yếu tố thứ nhất để từ đó khẳng định, nhấn mạnh sự có mặt mang tính chất thay thế của b.

Câu 4. Câu này có đáp án mở, tùy thuộc cách trả lời và nhận định của người chấm.

Câu 5. Biện pháp điệp từ "biết" [láy lại 3 lần] và ẩn dụ.

Câu 6. Ý nghĩa: xuất phát từ tình yêu và sự tôn trọng đối với người mình yêu, nhân

vật “em” đồng cảm và sống hết mình với ước mơ của người mình yêu.

Câu 7. Những từ: khao khát, xúc động, yêu.

Câu 8. Có thể là: niềm hạnh phúc hoặc nỗi lạc loài vì cảm thấy mình nhỏ bé và cô đơn;...

ĐỀ SỐ 27. CHUYỆN NGUYỄN QUANG DIỆU ĐỒNG THÁP LẦN 1

“Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỏ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?” (Trích Vợ nhặt - Kim Lân)

Đọc đoạn trích trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn. (0,5 điểm)
2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ? (0,5 điểm)
3. Xác định thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn và nêu hiệu quả nghệ thuật của các thành ngữ đó . (1,0 điểm)



ĐÁP ÁN

Đọc đoạn trích trong truyện ngắn Vợ nhặt và thực hiện các yêu cầu

Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể loại truyện ngắn để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt được nội dung chính của văn bản, nhận ra các phương thức biểu đạt trong đoạn trích và nghệ thuật sử dụng thành ngữ của nhà văn.

Yêu cầu cụ thể

- Câu 1.** Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn: biểu cảm, tự sự, miêu tả.
- Câu 2.** Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản diễn tả tâm trạng bà cụ Tứ khi biết con trai (nhân vật Tràng) “nhặt” được vợ.

Câu 3. - Các thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn: *dựng vợ gả chồng, sinh con đẻ cái, ăn nên làm nổi.*

- Hiệu quả nghệ thuật của các thành ngữ: các thành ngữ dân gian quen thuộc trong lời ăn tiếng nói nhân dân được sử dụng một cách sáng tạo, qua đó dòng tâm tư của người kể hòa vào với dòng suy nghĩ của nhân vật bà cụ Tứ; suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật trở nên thật gần gũi, được thể hiện rất tự nhiên; nỗi lòng, tâm trạng của người mẹ thương con thật được diễn tả thật chân thực.

ĐỀ SỐ 28. CHUYÊN ĐẠI HỌC VINH LẦN 2

Đọc văn bản:

Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, cần phải huy động sự tham gia tích cực của gia đình, nhà trường và xã hội. Trước hết, trong mỗi gia đình, bố mẹ phải có ý thức uốn nắn lời ăn tiếng nói hàng ngày của con cái. Nếu bố mẹ nói năng không chuẩn mực, thiếu văn hóa thì con cái sẽ bắt chước. Đặc biệt, trong nhà trường, việc rèn giũa tính chuẩn mực trong sử dụng tiếng Việt cho học sinh phải được xem là một nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên... Ngoài ra, các phương tiện thông tin đại chúng cũng phải tuyên truyền và nêu gương trong việc sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực, đồng thời tích cực lên án các biểu hiện làm méo mó tiếng Việt.

Trả lời các câu hỏi:

- Đoạn văn trên đề cập đến vấn đề gì? (0,25 điểm)
- Tại sao trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải huy động sự tham gia tích cực của gia đình, nhà trường và xã hội? (0,25 điểm)
- Theo anh (chị), chuẩn mực tiếng Việt được thể hiện ở những mặt nào? (0,5 điểm)
- Viết một đoạn văn ngắn trình bày nhiệm vụ của người học sinh trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. (0,5 điểm)

2) Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi ở dưới:

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...*

(*Từ ấy* – Tố Hữu, *Ngữ văn 11*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, trang 44)

- Xác định phương thức biểu đạt của văn bản. (0,25 điểm)
- Dựa vào đâu để nhận ra biện pháp so sánh và biện pháp ẩn dụ trong văn bản? (0,25 điểm)
- Nêu ý chính của văn bản. (0,5 điểm)

d) Hãy viết một đoạn văn ngắn nói về vai trò của lí tưởng đối với sự phấn đấu của con người trong cuộc sống. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi:

Câu a. Đoạn văn đề cập vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội đối với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Câu b. Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải huy động sự tham gia tích cực của gia đình, nhà trường và xã hội là vì: gia đình, nhà trường, xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chuẩn mực ngôn ngữ cho cộng đồng. Đó cũng là nơi những biểu hiện lệch lạc trong cách sử dụng tiếng Việt được điều chỉnh, uốn nắn một cách tích cực và có hiệu quả.

Câu c. Chuẩn mực tiếng Việt được thể hiện toàn diện trên các mặt: ngữ âm - chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phát âm đúng; viết đúng hình thức văn tự của từ; sử dụng từ ngữ chuẩn xác; đặt câu đúng ngữ pháp tiếng Việt; dùng tiếng Việt, tạo lập các kiểu loại văn bản phù hợp với những bối cảnh giao tiếp khác nhau).

Câu d. Đoạn văn cần viết ngắn gọn, các câu đúng ngữ pháp và liên kết chặt chẽ để làm nổi bật chủ đề: trách nhiệm của học sinh trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Các ý có thể có: tự mình phải thường xuyên học tập để có thể nói đúng, viết đúng; góp phần vào việc ngăn chặn những xu hướng tiêu cực đang làm méo mó tiếng Việt.

Câu 2. Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

Câu a. Văn bản sử dụng phương thức *biểu cảm* (hoặc *trữ tình*).

Câu b. Biện pháp so sánh trong đoạn thơ được nhận ra nhờ từ “là” kết nối hai vế: đối tượng so sánh và hình ảnh so sánh (*Hồn tôi là một vườn hoa lá...*).

Biện pháp ẩn dụ được nhận ra nhờ hai hình ảnh: *nắng hạ* và *mặt trời chân lí* có khả năng gợi liên tưởng tới một đối tượng khác có nhiều nét tương đồng. Trong đoạn thơ, *nắng hạ* và *mặt trời chân lí* ngầm chỉ ánh sáng của lí tưởng cách mạng.

Câu c. Ý chính của văn bản: bộc lộ niềm vui sướng khi bắt gặp lí tưởng cách mạng; thể hiện những thay đổi của tâm hồn lúc được “mặt trời chân lí” rọi chiếu đến.

d Đoạn văn cần viết gọn, các câu đúng ngữ pháp, liên kết với nhau để làm nổi bật ý chính: lí tưởng có vai trò quan trọng đối với sự phấn đấu của mỗi người trong cuộc sống. Nó là sự định hướng, là ngọn đèn soi đường để con người đi tới đích cuối cùng mà mình đã chọn.

ĐỀ SỐ 29. CHUYÊN SỬ PHẠM LẦN 5

Vấn bản 1: Đọc bài thơ dưới đây rồi trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

MÙA XUÂN CHÍN

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan.

Đôi mái nhà tranh lấm tẩm vàng.

Sột soạt gió trêu tà áo biếc,

Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.

Bao cô thôn nữ hát trên đồi;

– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.....

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi

Hồn hển như lời của nước mây.....

Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,

Nghe ra ý vị và thơ ngây.....

Khách xa vừa lúc mùa xuân chín,

Lòng trí băng khuân sực nhớ làng.

– Chị ấy năm nay còn gánh thóc.

Đọc bờ sông trắng nắng chang chang ?

(Hàn Mạc Tử)

Câu 1. Chủ đề của bài thơ trên là gì?

Câu 2. Câu thơ *Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời* gợi anh/chị liên tưởng tới câu thơ nào, của ai? Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai câu thơ.

Câu 3. Phân tích biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi,

Hồn hển như lời của nước mây

Câu 4. Lý giải tại sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ là “*Mùa xuân chín*”?

Văn bản 2: Đọc văn bản dưới đây rồi trả lời các câu hỏi từ câu 5 đến câu 6:

Thưa quý ngài hội thẩm,

Người bạn tốt mà con người có được trên thế giới này có thể một ngày nào đó hóa ra kẻ thù quay lưng lại chống lại ta. Con cái mà ta nuôi dưỡng với tình yêu thương hết mực rồi có thể là một lũ vô ơn.

Những người gần gũi thân thiết ta nhất, những người ta gửi gắm hạnh phúc và danh dự có thể trở thành kẻ phản bội, phụ bạc lòng tin cậy và sự trung thành. Tiền bạc mà con người có được, rồi sẽ mất đi. Nó mất đi đúng vào lúc ta cần đến nó nhất. Tiếng tăm của con người cũng có thể tiêu tan trong phút chốc bởi một hành động sai lầm. Những kẻ phủ tục tôn vinh ta khi ta còn thành đạt có thể sẽ là những kẻ đầu tiên ném đá và tao khi ta sa cơ lỡ vận. Duy có một người bạn hoàn toàn không vụ lợi mà con người có được trong thế giới ích kỷ này, người bạn không bao giờ ta đi, không bao giờ tỏ ra vô ơn hay trá trở, đó là con chó của ta.

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như trong lúc bần hàn, khi khỏe mạnh, cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề chủ là được. Nó hôn bàn tay ta dù ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta hứng chịu khi ta va chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng dù ta có là một gã ăn mày. Dù khi ta đã tán gia bại sản, thân bại danh liệt thì vẫn con chó trung thành với tình yêu của nó dành cho ta như thái dương trên bầu trời. Nếu chẳng may số phận đá ta ra rìa xã hội, không bạn bè, , vô gia cư thì con chó trung thành chỉ xin ta một ân huệ là cho nó được đồng hành, cho nó làm kẻ bảo vệ ta trước hiểm nguy, giúp ta chống lại kẻ thù. Và một khi trò đời hạ màn, thân chết rước linh hồn ta đi để lại thân xác ta trong lòng đất lạnh, khi tất cả thân bằng quyến thuộc đã phui tay sau nắm đất cuối cùng và quay đi để sống tiếp cuộc đời của họ thì khi ấy còn bên nắm mồ ta con chó cao thượng của ta nằm gục mõm giữa hai chân trước, đôi mắt ướt buồn vẫn mở ra canh giấc, trung thành ngay khi cả ta đã mất rồi.

Câu 5. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt đại chính là gì? Nêu chủ đề văn bản

Câu 6. Chỉ ra phương tiện liên kết văn bản trong đoạn văn sau: “Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như trong lúc bần hàn, khi khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề bên chủ là được. Nó hôn bàn tay ta dù khi ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta hứng chịu khi va chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng dù ta có là một gã ăn mày”.

ĐÁP ÁN

Câu I. Đọc các văn bản dưới đây rồi trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Chủ đề: Bức tranh mùa xuân đẹp, xanh tươi, đầy sức sống qua tình yêu tha thiết, mãnh liệt và một nỗi nhớ nhung khắc khoải, da diết của nhân vật trữ tình về một thế giới tươi đẹp giờ chỉ còn trong kí ức.

Câu 2. Câu thơ Hàn Mạc Tử gợi liên tưởng đến hai câu thơ Nguyễn Du trong *Truyện kiều*:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

- Điểm giống nhau: đều miêu tả hình ảnh có mùa xuân với không gian rộng mở đến chân trời.

- Khác nhau: Câu thơ Hàn Mạc Tử động hơn, ở đó sắc xanh của trời và màu xanh của cỏ hòa vào làm một với nhau.

Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ là: nhân hóa, so sánh. Học sinh cần nêu được tác dụng của những biện pháp tu từ này: thể hiện được thần thái của tiếng hát mùa xuân vừa hồn nhiên trong trẻo vừa thiết tha rạo rức.

Câu 4. Tác giả đặt tên cho bài thơ là "*Mùa xuân chín*" với ý nghĩa: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân trong bài thơ đang ở độ tươi đẹp nhất, viên mãn nhất. Nhưng trạng thái đó cũng đồng nghĩa với việc mùa xuân đang và sẽ trôi qua, cái đẹp không tồn tại vĩnh hằng, mãi mãi, để lại trong lòng nhà thơ sự nuối tiếc khôn nguôi.

Câu 5. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận. Chủ thể văn bản: sự trung thành tuyệt đối, lối sống đặc biệt nghĩa tình đáng để cho con người suy ngẫm của loài chó.

Câu 6. Phương thức liên kết được sử dụng trong đoạn văn bản là: thế và lặp.

+ Phép thế: "Nó" thay cho "Con chó"

+ Phép lặp: "Nó", "ta"

Câu II. Nếu bạn sinh ra trong nghèo khó đó không phải là lỗi của bạn, nhưng nếu bạn chết trong nghèo khó đó mới chính là lỗi của bạn. (Bill Gate)

Câu 1. Giải thích ý kiến:

- "*Nếu bạn sinh ra trong nghèo khó đó không phải là lỗi của bạn*": bởi con người không thể lựa chọn người sinh ra mình, không thể lựa chọn cho mình gia đình giàu có hay nghèo khổ.

- "*Nhưng nếu bạn chết trong nghèo khó đó mới chính là lỗi của bạn*": Bởi mỗi người đều có quyền và có thể làm chủ cuộc sống của mình, tự quyết định cuộc đời mình.

=> Câu nói có hai vế, trọng tâm nội dung biểu đạt nằm ở vế sau. Tỷ phú nổi tiếng người Mỹ Bill Gate đặt ra một giả định để từ đó đưa ra quan điểm của mình: Con người phải làm chủ vận mệnh của bản thân.

Câu 2. Phân tích, bình luận vấn đề:

- Chúng ta có thể xuất thân nghèo khó. Có người coi đó là lí do để ý lại, dựa vào đó để bao biện cho sự lười biếng, trì trệ của bản thân. Có người lại coi đó là động lực để vươn lên, cải thiện cuộc sống. Như vậy, lựa chọn thái độ sống như thế nào là ở mỗi người.

- Người ta nói rằng: *“kiếm tiền là chuyện của tài năng...”*. Con người có thể kiếm ra đồng tiền bằng sức lao động chân chính (lao động chân tay và lao động trí óc), bằng sự cần cù, nhẫn nại, bằng quyết tâm làm giàu và những nỗ lực không ngừng nghỉ.....Để không rơi vào tình cảnh nghèo khó, người ta còn phải biết sử dụng đồng tiền phù hợp, biết tiết kiệm...tích góp...

- Tóm lại, nếu bạn để mình chết đi trong nghèo khó nghĩa là bạn hoặc đã không chăm chỉ cần cù làm lụng, phát huy năng lực của mình, hoặc đã thiếu kiên nhẫn, ý chí vươn lên, hoặc đã sử dụng đồng tiền không đúng cách.....tất cả những điều đó đều khiến bạn trở thành người đáng trách, có lỗi với chính cuộc đời mình.

Dẫn chứng: Rất nhiều người xuất thân nghèo khó đã trở nên giàu có hay ít nhất cũng có một cuộc sống ổn thỏa khi họ chăm chỉ làm lụng, quyết tâm thay đổi cuộc đời. Tác giả câu nói này là một trong những tỷ phú giàu nhất thế giới. Bản thân thành công của ông là một tấm gương, một bài học cho bất kì ai muốn và quyết tâm không chịu để mình *“chết trong nghèo khó”*.

- Tất nhiên, trong cuộc sống có những người *“chết trong nghèo khó”* nhưng không hoàn toàn do lỗi của họ (Rủi ro, thiên tai, tai nạn, cướp bóc, chiến tranh, bệnh tật.....)...Những con người như thế cần được đồng tâm chia sẻ.

Câu 3. Bài học nhận thức và hành động:

- Không phải ai cũng được sinh ra trong một gia đình có điều kiện kinh tế tốt. Không sao, điều đó không nói nên điều gì về con người của bạn. Vì bạn chính là người sẽ làm nên cuộc đời mình nên người đời chỉ đánh giá bạn qua việc bạn có để mình *“chết đi trong nghèo khó”* không.

- Câu nói có ý nghĩa khích lệ động viên rất lớn đối với tất cả mọi người, đặc biệt là những người xuất thân nghèo khó. Làm giàu là một khát vọng chính đáng và không phải là điều viển vông. Điều quan trọng là bạn phải có đủ ý chí, quyết tâm và ý thức về việc tìm ra cách nào đúng nhất, phù hợp nhất để kiếm tiền với bản thân mình.

ĐỀ SỐ 30. CHUYỆN HUỖNH MÃN ĐẠT KIÊN GIANG 2015

Đọc đoạn thơ sau đây và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 3:

"Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả
Những chàng trai ra đảo đã quên mình
Một sắc chi về Hoàng Sa thuở trước
Còn truyền đời con cháu mãi đình ninh

Nếu Tổ quốc nhìn từ bao mắt mát
Máu xương kia dâng đặc suốt ngàn đời
Hồn dân tộc ngàn năm không chịu khuất
Dáng con tàu vẫn hướng mãi ra khơi"

(Trích *Tổ quốc nhìn từ biển* - Nguyễn Việt Chiến)

1. Nhân vật trữ tình đã gửi gắm cảm xúc, tâm tư gì vào đoạn thơ? (0,5 điểm)
2. Đoạn thơ mang đến cho người đọc nhận thức gì về Tổ quốc xưa và nay? (0,5 điểm)
3. Tìm và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ? (0,5 điểm)

Đọc các đoạn văn sau đây và thực hiện các yêu cầu từ 4 đến 6:

(1)"Ngục quan cảm động, vài người tù một vài, chấp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh"

(Trích *Chữ người tử tù*- Nguyễn Tuân)

(2)" Nhưng tức quá, càng uống càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi, buồn! Hơi rượu không sặc sụa, hẳn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hắn ôm mặt khóc rưng rức."

(Trích *Chí Phèo*- Nam Cao)

(3)" - Trống thúc thuế đấy. Đẳng thì nó bắt giống đây, đẳng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ....- Bà lão ngoảnh vợ ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc."

(Trích *Vợ nhặt*- Kim Lân)

4. Xác định nội dung của từng đoạn văn bản? Tìm một câu khái quát đặt làm nhan đề chung cho các đoạn văn? (0,5 điểm)
5. Các đoạn văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Lí giải? (0,5 điểm)

6. Hãy viết một đoạn văn nhỏ (khoảng 5-7 dòng), bày tỏ cảm nhận về tác động của hình ảnh những giọt nước mắt trong các đoạn văn bản trên đối với anh/chị? (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

- Câu 1.** Nhân vật trữ tình đã gửi gắm những suy ngẫm, tự hào về lịch sử dân tộc, nhìn từ góc độ công cuộc giữ gìn biển đảo, trách nhiệm của mỗi con người trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hôm nay.
- Câu 2.** Đoạn thơ mang đến cho người đọc nhận thức về Tổ quốc xưa và nay: Một đất nước luôn phải đối đầu với nạn ngoại xâm, nhân dân phải hi sinh máu xương để bảo vệ từng tấc đất, thước biển nhưng vẫn bất khuất, hiên ngang.
- Câu 3.** Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ là phép điệp cú pháp (*Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả/ Nếu Tổ quốc nhìn từ bao mắt mắt*). Hiệu quả nhấn mạnh cảm xúc tự hào, suy ngẫm lắng đọng về lịch sử đau thương mà hùng tráng của dân tộc.
- Câu 4.** Nội dung của đoạn văn bản (1) là tái hiện thái độ kính cẩn, tiếng khóc nghẹn ngào, sám hối, phục thiện của viên quản ngục ở phần cuối truyện ngắn *Chữ người tử tù*; đoạn văn bản (2) là tâm trạng buồn bã, tiếng khóc tuyệt vọng của nhân vật Chí Phèo khi bị từ chối quyền làm người trong truyện ngắn cùng tên; đoạn văn bản (3) là tâm trạng lo lắng, tuyệt vọng của nhân vật bà cụ Tứ khi nghe tiếng trống thúc thuế trong truyện ngắn *Vợ nhặt*? Câu văn khái quát đặt làm nhan đề cho các đoạn văn có thể là: *Những giọt nước mắt*.
- Câu 5.** Các đoạn văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Vì các đoạn văn đều xây dựng hình tượng (quản ngục, nhân vật Chí Phèo, nhân vật bà cụ Tứ); ghi dấu ấn riêng của mỗi nhà văn và truyền cảm xúc cho người đọc.
- Câu 6.** Viết một đoạn văn bày tỏ cảm nhận về tác động của hình ảnh những giọt nước mắt trong các đoạn văn bản trên đối với bản thân:
- Nội dung: Các đoạn văn bản là khơi gợi tình thương, sự cảm phục, nỗi xót xa trước những thân phận, cảnh đời... để từ đó, ta sống tốt hơn.
 - Hình thức: Viết đúng cấu trúc một đoạn văn: có câu mở đoạn, các câu thân đoạn và câu kết đoạn. Các phần liên kết chặt chẽ, văn có cảm xúc, diễn đạt tốt.

ĐỀ SỐ 31. CHUYÊN HÙNG VƯƠNG GIA LAI 2015 LẦN 1

Đọc đoạn trích sau:

“ Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy

những toa hạng trên sang trọng ló nhố những người, đồng và kèn lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm đỏ của chiếc đèn xanh trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

- Tàu hôm nay không đông nhỉ, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình khur kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Ti và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.”

(Trích “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam)

Cảnh được miêu tả trong đoạn trích có những hình ảnh tương phản, anh(chị) hãy chỉ ra những hình ảnh tương phản đó (1,0 điểm)

Tâm trạng của hai chị em Liên được miêu tả trong đoạn trích có niềm khao khát gì? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Những hình ảnh tương phản trong đoạn trích:

- Tương phản giữa đoàn tàu và phố huyện
- Tương phản giữa ánh sáng và bóng tối

Câu 2. Niềm khao khát của chị em Liên:

- Khao khát về một thế giới giàu sang, nhộn nhịp, rực rỡ...
- Muốn thoát khỏi cuộc sống buồn tẻ, tăm tối nơi phố huyện.

ĐỀ SỐ 32. CHUYÊN SƠN TÂY 2015 LẦN 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

Có những quá trình không phải hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa đen sinh học) nhưng rất khổ đau và nặng nhọc đèo bồng. Ngọc trai nguyên chỉ là một hạt cát, một hạt bụi biển xâm lăng vào vỏ trai, lòng trai. Cái bụi bặm khách quan nơi rón bể lên vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước dãi bọc lấy cái hạt buốt sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu, lấy rũi mình ra mà bao phủ lấy hạt đau, hạt xót. Tới một thời gian nào đó, hạt cát khối tình con, cộng với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trặn ánh ngời.

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên?(0,5 điểm)

Câu 2 . Hãy giải thích ý nghĩa của hình ảnh “hạt cát khối tình con” (0,25 điểm)

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ nghệ thuật của đoạn văn trên? (0,25 điểm)

Câu 4 .Từ đoạn văn trên anh (chị) có thể rút ra bài học gì trong cuộc sống? Trả lời 5- 7 dòng (0,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời câu hỏi từ câu 5 đến câu 8:

Ơi cơn mưa quê hương

*Đã ru hát tâm hồn ta từ thưở bé
Đã thấm nặng lòng ta những tình yêu chớm hé
Nghe tiếng mưa rơi trên tàu chuối bẹ dừa
Thấy mặt trời lên khi tạnh những cơn mưa
Ta yêu quá như lần đầu mới biết
Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết
Như tre, dừa như làng xóm quê hương
Như những con người biết mấy yêu thương.*
(Lê Anh Xuân)

Câu 5. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 6. Những hình ảnh nào thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả? Nêu nội dung chính của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 7. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong 4 dòng thơ cuối của văn bản trên. (0,25 điểm)

Câu 8. Anh (chị) hiểu như thế nào về 2 câu thơ sau : “*Oi cơn mưa quê hương - Đã ru hát tâm hồn ta từ thưở bé*”. Trả lời trong khoảng 5- 7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc các văn bản và trả lời câu hỏi:

- Câu 1.** Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: có những quá trình không phải hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và nghĩa đen sinh học) nhưng rất khổ đau và nặng nhọc, đèo bồng.
- Câu 2.** Ý nghĩa hình ảnh “*hạt cát khối tình con*” là kết quả của quá trình hình thành ngọc trai. Ý nghĩa sâu xa đó là để có được sự thành công trong cuộc sống thì con người phải trải qua rất nhiều gian nan, thử thách. Hoặc : để sinh thành ra đứa con thì bà mẹ phải trải qua sự vất vả, khó nhọc thậm chí sự hi sinh.
- Câu 3.** - Biện pháp tu từ nổi bật của đoạn văn trên là nhân hóa: (*Cái bụi bặm khách quan nơi rón bẻ lên vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước dãi bọc lấy cái hạt buốt sắc.....Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu, lấy rũi mình ra mà bao phủ lấy hạt đau, hạt xót*).
- Biện pháp ẩn dụ: *hạt cát khối tình con*
- Câu 4.** Bài học cuộc sống từ văn bản trên:
- + Chúng ta luôn phải nhớ tới công lao sinh thành, sự hi sinh của cha mẹ và biết thương cha mẹ.
 - + Để có được thành quả lao động thì con người phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách.

- Câu 5.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức tự sự/ biểu cảm.
- Câu 6.** - Những hình ảnh thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương của nhà thơ: tiếng mưa rơi trên tàu chuối bẹ dừa,, tre, làng xóm, những con người nơi quê hương tác giả.
- Nội dung của đoạn thơ: nhà thơ thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương qua những hình ảnh gần gũi, thân thuộc.
- Câu 7.** 2 biện pháp tu từ ở 4 dòng thơ cuối là điệp ngữ , so sánh.
- Câu 8.** Cách hiểu 2 câu thơ: cơn mưa quê hương đã gắn bó với nhà thơ, đó là lời ru ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn cho nhà thơ từ thuở ấu thơ.
Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục.

ĐỀ SỐ 33. CHUYÊN ĐẠI HỌC VINH 2015 LẦN 3

Văn bản 1: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

THI THỜI XÔI NẤU CƠM

“Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đình, Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Cuộc thi bắt đầu từ sáng tinh mơ ngày giáp tết. Hàng năm, dân làng phải tuyển 48 (trong số hàng trăm) trinh nữ cho đội đến Mã Cương. Sau tiếng trống lệnh, mỗi nữ sinh xuống một thuyền thúng (thúng trên đằm Giang Đình, mang theo kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rom ước và bã mía tươi). Các cô chèo ra giữa đằm, chuẩn bị bếp, vo gạo để chờ lệnh bắt đầu cuộc thi. Sau tiếng trống lệnh mới được nhóm lửa, các cô thổi cơm hay đồ xôi trước tùy ý, miễn là xong sớm để chèo thuyền vào nộp cơm và xôi cho Ban giám khảo. Nếu xong trước, xôi vẫn phải ngon, dẻo thì mới được điểm cao.

Khó khăn với các cô là ở chỗ nhóm bếp, thổi lửa. Phải giữ sao cho thuyền khỏi chòng chành, bếp lửa hướng ra phía gió để tắt. Các bà mẹ đã dạy các cô cách thức nhóm lửa bằng môi ước, thổi lửa mỗi khi bếp tắt, cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió, giữ lửa cháy đều hòa, cách ước lượng thời gian. Các cô đốt những nén hương và trông theo những đoạn hương cháy để biết nồi cơm, chõ xôi đã vừa chín chưa.

Nếu gặp mưa phùn gió bắc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả, còn nếu như mưa nặng hạt thì các cô sẽ được đưa lên bãi Giang Đình trú tài dưới những mái tranh. Cuộc thi diễn ra suốt buổi sáng.”

Câu hỏi:

1/ Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt gì? Dựa vào đâu để nhận ra phương thức ấy? (0,25 điểm)

2/ Đây là trò chơi dân gian truyền thống hay trò chơi hiện đại? Câu văn nào cho biết điều ấy? Kể tên các đồ dùng, vật liệu mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm mang theo? Trong những thứ ấy, có thứ gì khác thường? (0,25 điểm)

3/ Những khó khăn mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm gặp phải là gì? Điều đó đòi hỏi ở các cô gái những đức tính gì? (0, 5 điểm)

4/ Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của anh chị về việc phục hồi một số trò chơi dân gian trong những năm gần đây. (0,5 điểm)

Văn bản 2: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi từ 5 đến 8:

“Tỉnh dậy hẳn thấy già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hẳn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hẳn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hẳn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hẳn, đời rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đời rét và ốm đau.”

(Chí Phèo – Nam Cao)

Câu hỏi:

5/ Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Nêu nội dung của đoạn văn? (0,25 điểm)

6/ Nêu cụ thể những câu trần thuật, câu cảm thán, câu nghi vấn trong đoạn văn trên. Việc kết hợp sử dụng nhiều kiểu câu như vậy có tác dụng gì? (0,5 điểm)

7/ Hãy chỉ ra những hình ảnh ẩn dụ và hình ảnh so sánh được sử dụng trong đoạn văn trên? (0,25 điểm)

8/ Viết 1 đoạn văn ngắn về chủ đề: Sự thức tỉnh của Chí Phèo. (0, 5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Văn bản 1:

Câu a. Văn bản trên sử dụng phương thức thuyết minh. Dấu hiệu để nhận biết: văn bản giới thiệu đầy đủ về địa danh, thời gian, thành phần, nguyên vật liệu và các bước tiến hành một hội thi.

Câu b. Hội thi thổi xôi nấu cơm là một trò chơi dân gian truyền thống. Câu *“Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đình, Hoảng Hoá, Thanh Hoá”* cho ta biết điều đó. Những đồ dùng mà các cô gái mang theo khi thi thổi xôi nấu cơm gồm: *kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rom ướt và bã mía tươi*. Trong những thứ ấy, rom ướt, bã mía – nhiên liệu dùng để đun bếp là thứ khác thường.

Câu c. Những khó khăn mà các cô gái gặp phải trong trò chơi này là: một mình nôi lửa đun bếp trong một chiếc thuyền thúng chòng chành giữa đầm lộng gió, phải đun bếp bằng rom ướt và bã mía là những thứ rất khó cháy. Những điều đó đòi hỏi ở các cô gái sự thông minh, khéo léo, kiên trì, chịu khó.

Câu d. Đoạn văn phải được viết bằng những câu đúng ngữ pháp, các câu liên kết chặt chẽ với nhau để cùng làm nổi bật chủ đề. Chủ đề của đoạn văn có thể là: việc phục hồi những trò chơi dân gian trong thời gian gần đây đã có tác dụng tích cực trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

(Lưu ý: Thí sinh cũng có thể trình bày chủ đề khác, miễn là hợp lý).

Câu 2. Văn bản 2:

Câu a. Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Ý chính của đoạn văn: Chí Phèo thức tỉnh.

Câu b. - Những câu trần thuật trong đoạn: *Tỉnh dậy hần thấy hần già mà vẫn còn cô độc... Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hần đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hần, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, dày dạn cực nhọc, mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già, đời rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đời rét và ốm đau.*

- Những câu nghi vấn: *Có lí nào như thế được ? Hần đã già rồi hay sao ?*

- Câu cảm thán: *Buồn thay cho đời !*

Việc đan xen nhiều loại câu như vậy làm cho lời kể trở nên nhiều giọng (đa thanh), thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc. Cũng nhờ vậy, hiện trạng cuộc đời của Chí Phèo được soi từ nhiều góc nhìn khác nhau.

Câu c. - Trong đoạn văn, *cái dốc bên kia của đời, cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến* là những hình ảnh ẩn dụ.

- Cả câu *Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến* là một câu trúc so sánh. Như vậy, ở đây hình ảnh có tính ẩn dụ được dùng trong một câu văn sử dụng phép so sánh.

Câu d. Đoạn văn phải được viết bằng những câu đúng ngữ pháp, liên kết chặt chẽ với nhau để làm nổi bật chủ đề theo yêu cầu.

ĐỀ SỐ 34. CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG CÀN THỜ

Câu 1: (1,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÚC KHẢO BÀI THI

Kính gửi: Ban Giám Hiệu trường THPT X.

Em là A., học sinh lớp 12C

Thưa Ban Giám Hiệu, trong kì thi học kì I hồi thứ 6 tuần trước, môn Hóa học của em được có 4 điểm. Trong khi em dò kết quả trên mạng thì phải là 6 điểm mới đúng.

Vì vậy, em làm đơn này xin Ban Giám Hiệu xem xét chấm lại bài để em khỏi bị oan ức.

Em xin chân thành cảm ơn.

... ngày...tháng...năm....

Người làm đơn

LÊ NGỌC A.

a/ Anh/ chị hãy chỉ ra những lỗi sai về chính tả, về cách sử dụng từ ngữ, diễn đạt không phù hợp với phong cách ngôn ngữ hành chính trong lá đơn trên.

b/ Điều chỉnh những lỗi sai đó bằng cách viết lại hoàn chỉnh lá đơn trên.

Câu 2: (1,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng nên các bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ.

(Trích “*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003*”-

Cô-phi An-nan, SGK Ngữ văn 12 tập 1, trang 82)

a/ Khái niệm “chúng ta” và “họ” trong ngữ liệu trên chỉ những đối tượng nào?

b/ Giải thích ý nghĩa của câu nói “Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ.”?

ĐÁP ÁN

Đọc-hiểu văn bản

Câu 1. Đọc ngữ liệu và trả lời câu hỏi:

Câu a. Chỉ ra lỗi sai:

- Lỗi chính tả: Viết hoa tất cả các chữ trong phần tiêu ngữ:

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

- Lỗi từ ngữ, diễn đạt sai phong cách:

Thưa Ban Giám Hiệu, trong kì thi học kì I **hồi thứ 6 tuần trước**, môn Hóa học của em được **có 4 điểm. Trong khiem dò kết quả trên mạng thì phải là 6 điểm mới đúng.**

Vì vậy, em làm đơn này xin Ban Giám Hiệu xem xét **chấm lại bài để em khỏi bị oan ức.**

-> Diễn đạt kiểu phong cách sinh hoạt, khẩu ngữ trong văn bản hành chính.

Câu b. Viết lại: học sinh có thể diễn đạt khác nhau, nhưng phải đáp ứng được nội dung và hình thức của văn bản hành chính.

Câu 2. Đọc ngữ liệu và trả lời câu hỏi:

Câu a. Giải thích: “*chúng ta*”- những người không/chưa mắc HIV-AIDS; “*họ*” – những người mắc HIV-AIDS

Câu b. Ý nghĩa câu nói:

- Không có ai thực sự an toàn, miễn nhiễm với HIV-AIDS

- Dựng nên những rào chắn, kỳ thị người có HIV không thể bảo đảm cho chúng ta thoát khỏi HIV.

- Cần nhận thức đúng tầm nguy hiểm của căn bệnh và chống lại thái độ kì thị, xa lánh người có HIV.

ĐỀ SỐ 35. CHUYÊN HOÀNG LỆ KHA TÂY NINH

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4

Con đê dài hun hút như cuộc đời. Ngày về thăm ngoại, trời chợt nắng, chợt râm. Mẹ bảo:

- Nhà ngoại ở cuối con đê.

Trên đê chỉ có mẹ, có con. Lúc nắng mẹ kéo tay con:

- Đi nhanh lên kéo nắng vỡ đầu ra.

Con cố. Lúc râm con đi chậm, mẹ mắng:

- Đang lúc mát trời, nhanh lên kéo nắng bây giờ!

Con ngỡ ngàng: Sao nắng, sao râm đều phải vội?

Trời vẫn nắng vẫn râm...

Một mẹ cỏ xanh, con mới hiểu: Đời, lúc nào cũng phải nhanh lên.

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2.

“*Trên đê chỉ có mẹ, có con. Lúc nắng mẹ kéo tay con:*

- Đi nhanh lên kéo nắng vỡ đầu ra.”

Xác định biện pháp tu từ và hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng biện pháp đó?

Câu 3. Nêu nội dung chính của văn bản trên?

Câu 4. Viết một đoạn văn ngắn (3 - 5 câu) về bài học mà anh/ chị rút ra từ văn bản trên?

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 5 đến câu 7

Cuối năm nay, Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ chính thức được thành lập, theo đó các quốc gia thành viên phải thực hiện cam kết về tự do luân chuyển lao động. Việc lưu chuyển lao động trong khu vực là một yêu cầu tất yếu để tạo điều kiện thúc đẩy cho quá trình hợp tác và lưu thông thương mại giữa các nước. Như vậy, trong một cộng đồng gồm 660 triệu dân, các nhân sự có chuyên môn cao có thể tự do luân chuyển công việc từ quốc gia này tới bất kỳ quốc gia nào khác trong khối. Đây vừa tạo ra cơ hội lớn nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho lực lượng lao động Việt Nam trong công cuộc cạnh tranh khắc nghiệt với lao động trong khu vực.

(Báo Giáo Dục và Thời Đại, số 86, ngày 10/04/2015)

Câu 5. Xác định thao tác lập luận chủ yếu?

Câu 6. Văn bản nói về vấn đề gì?

Câu 7. Theo anh/ chị cơ hội và thách thức đối với lực lượng lao động Việt Nam là gì?

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu văn bản:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: phương thức biểu cảm/ biểu cảm.

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ: biện pháp nói quá/cường điệu/thậm xưng.

Hiệu quả nghệ thuật: *nắng vỡ đầu ra* làm tăng sức gợi hình, gây ấn tượng về cái nắng gay gắt.

Câu 3. Nội dung chính của văn bản: Những khó khăn, thử thách khắc nghiệt trong cuộc đời và những cơ hội, thuận lợi đến với mỗi người trong cuộc sống.

Câu 4. Bài học mà người con rút ra: Cần phải biết vượt qua những khó khăn, thử thách khắc nghiệt trong cuộc đời, đồng thời phải biết nắm bắt và tận dụng cơ hội để đạt đến đích.

Câu 5. Thao tác lập luận chủ yếu: thao tác lập luận phân tích/thao tác phân tích/phân tích.

Câu 6. - Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ chính thức được thành lập vào cuối năm 2015 và

việc cam kết thực hiện tự do luân chuyển lao động trong khối.

- Đây vừa là cơ hội lớn, cũng vừa là thách thức lớn cho lực lượng lao động Việt Nam.

Câu 7. - Cơ hội đối với lực lượng lao động Việt Nam: Có cơ hội tự do lao động ở nhiều nước trong khu vực.

- Thách thức đối với lực lượng lao động Việt Nam: Trong quá trình hội nhập, đòi hỏi cần phải có trình độ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

ĐỀ SỐ 36. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 6

Anh/ chị hãy đọc bài thơ sau rồi trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

VỊNH KHOA THI HƯƠNG

Nhà nước ba năm mở hội khoa

Trường Nam thì lẫn với trường Hà

Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ

Âm ọe quan trường miệng hét loa

Lọng cắm rợp trời quan sứ đến

Váy lê quét đáy bụi dầm ra

Nhân tài đất Bắc nào ai đó

Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.



(Trần Tế Xương)

Câu 1. Nêu chủ đề của bài thơ?

Câu 2: Từ “lẫn” ở câu thơ thứ hai có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3. Tìm và phân tích giá trị biện pháp tu từ trong câu luận (câu 5 – 6)

Câu 4. Theo anh/chị, tại sao khi quan tâm đến “cảnh nước nhà”, nhà thơ lại bắt đầu từ “nhân tài đất Bắc”?

Hãy đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi 5 và 6:

“Chúng ta cần suy nghĩ thêm về những yêu cầu cơ bản trong việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt. Tôi nghĩ rằng cơ bản nhất là phải qua việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và chuẩn hóa nó từng bước, một cách rất thận trọng và vững chắc, mà phát triển tốt tư duy của con người, con người Việt Nam ta: tư duy chính trị, tư duy kinh tế, tư duy nghệ thuật, tư duy khoa học.....Đó là một điểm rất quan trọng trong phương pháp tư tưởng của chúng ta. Giữ gìn sự trong

sáng của tiếng Việt và chuẩn hóa nó là để phục vụ sự phát triển của tư duy, sự phát triển của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Nếu không như thế, thì không thể hiểu được công việc này có ích chỗ nào, cần thiết chỗ nào”

[Phạm Văn Đồng, trích trong *Chuẩn hóa chính tả và nghệ thuật* NXB GD, 1983]

Câu 5. Đặt tiêu đề cho đoạn văn trên?

ĐÁP ÁN

- Câu** Chủ đề: Những cảnh chướng tai, gai mắt ở trường thi phản ánh tình trạng suy đồi của
- 1.** Nho học và sự xâm nhập ô sạt của thứ văn hóa lai căng (lúc chế độ thuộc địa nửa phong kiến mới được thiết lập” và nỗi lòng đau xót, phẫn uất của tác giả.
- Câu** Từ “lẫn” trong câu thơ phản ánh tình trạng lộn xộn, bát nháo ở trường thi – nơi vốn
- 2.** được coi là điển hình của sự tôn nghiêm.
- Câu** Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ là “đối”. Hiệu quả, tác dụng một sự
- 3.** đối lập vừa chướng tai gai mắt, vừa đau lòng, phản ánh một thực trạng “cười ra nước mắt”. Sự hiện diện của “quan sứ” và “mụ đầm” là quốc nhục.
- Câu** Sở dĩ Trần Tế Xương nhắc tới nhân tài đất Bắc là vì các cuộc thi được mở ra với mục
- 5.** đích tìm kiếm nhân tài cho đất nước nhưng cảnh thi cử lộn xộn, bát nháo như thế này thì không thể tìm được nhân tài. Câu thơ vừa có màu sắc trào phúng (châm biếm, chua chát) vừa đậm chất trữ tình (đau xót). Cũng có thể hiểu đó là tiếng gọi, là lời thức tỉnh của nhà thơ đối với những nhân tài đất Bắc thực sự: hãy làm gì đó để mà thay đổi “cảnh nước nhà.
- Câu** Có thể đặt: *Những yêu cầu cơ bản trong việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.*
- 5.**
- Câu** Phương thức biểu đạt trong đoạn văn: nghị luận.
- 6.**

ĐỀ SỐ 37. CHUYỆN NGUYỄN HUỆ LẦN 4

1. Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

(1) *Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác!
Khi bờ bãi dần lui, làng xóm khuất,
Bốn phía nhìn không một bóng hàng tre.*

(2) *Đêm xa nước đầu tiên, ai nữ ngủ?
Sóng vỗ dưới thân tàu đâu phải sóng quê hương!*

*Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở,
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương!*

*...(3) Có nhớ chăng, hơi gió rét thành Ba Lê?
Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân Đôn, người có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya?*

*...(4) Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa....*

(Trích Người đi tìm hình của nước - Chế Lan Viên)

Câu 1. Đoạn thơ gắn với sự kiện lịch sử nào? (0,25 điểm)

Câu 2. Tìm 01 bài thơ khác có cùng đề tài với đoạn thơ trên (Nêu rõ tên tác giả, tác phẩm - 0,25 điểm)

Câu 3. Đoạn thơ sử dụng những phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy chỉ ra những tình cảm nhà thơ thể hiện trong khổ thơ thứ 3 (0,5 điểm)

2. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Tuy nhiên, sự gia tăng của các phương tiện truyền thông công dân như vậy lại làm tăng thêm nỗi lo ngại về tính chính xác, lành mạnh của các thông tin được cung cấp từ các phương thức truyền thông mới, đặc biệt là từ các trang cá nhân. Thiết nghĩ, truyền thông mới, bản thân nó là một khái niệm trung lập và không ngừng biến đổi. Vì thế, nó trở nên tốt hay xấu là phụ thuộc vào mục đích và cách thức của mỗi cá nhân sử dụng. Trên thực tế chúng ta đã được chứng kiến việc nhiều người sử dụng mạng xã hội tỏ ra thiếu trách nhiệm khi cung cấp những thông tin sai sự thật, do họ không dành thời gian kiểm định tính chính xác của thông tin trước khi công bố. Bên cạnh thông tin sai sự thật là những thông tin, trò chơi thiếu lành mạnh, nhiều tính bạo lực, khiêu dâm... Chưa kể một số không nhỏ người sử dụng mạng xã hội nhằm cập nhật nhiều thông tin không khách quan, thậm chí mang đậm thiên kiến cá nhân. Những người sử dụng khác, nếu không có sự chọn lọc và cẩn trọng trước các thông tin kiểu như vậy, sẽ không tránh khỏi những cách nhìn sai lệch về nhiều vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Nghiêm trọng hơn, sự phát triển nở rộ và thịnh hành truyền thông mới nói chung và của mạng xã hội nói riêng vô hình trung có thể sẽ trở thành công cụ đắc lực góp phần làm nảy sinh các nguy cơ đối với an ninh, chính trị, xã hội và ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân người sử dụng, nhất là những người trẻ tuổi.

Cần khẳng định rằng, việc phát triển truyền thông mới là cần thiết, nhưng song hành với phát triển phải có sự quản lý, định hướng của các cơ quan chức năng đối với người sử dụng để khai thác truyền thông mới một cách có hiệu quả và có lợi ích thiết thực lành mạnh. Vì thế, để tránh được những sai lệch khi sử dụng các loại hình truyền thông mới,

(Dẫn theo

<http://www.nhandan.com.vn/>)

Câu 5. Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 6. Đặt tiêu đề cho đoạn trích trên (0,25 điểm)

Câu 7. Theo anh/chị, đoạn văn này có phải là đoạn mở đầu của bài viết không? Tại sao? (0,5 điểm)

Câu 8. Anh/chị hãy viết tiếp vào dấu (...) ở cuối đoạn nêu giải pháp “để tránh được những sai lệch khi sử dụng các loại hình truyền thông mới”. Phần viết tiếp trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản:

- Câu 1.** Đoạn thơ gắn với sự kiện Bác lên đường cứu nước (1911).
- Câu 2.** Bài thơ cùng đề tài viết về Bác, ví dụ: *Bác ơi* (Tố Hữu)
- Câu 3.** Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 4.** Những tình cảm nhà thơ thể hiện trong khổ thơ thứ 3 là sự xót xa, niềm ngưỡng mộ khi nhắc tới những khó khăn, gian khổ và nghị lực phi thường của Bác trên đường cứu nước.
- Câu 5.** Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí (hoặc chính luận)
- Câu 6.** Đặt tiêu đề phù hợp với nội dung đoạn trích. Ví dụ *Cẩn trọng trước một số tác hại của truyền thông mới.*
- Câu 7.** Đoạn văn này không phải là đoạn mở đầu của bài viết. Vì đầu đoạn văn có từ nối “Tuy nhiên”, thể hiện sự liên kết hồi hướng với ý đoạn ở trên.
- Câu 8.** Viết tiếp vào dấu [...] ở cuối đoạn giải pháp “để tránh được những sai lệch khi sử dụng các loại hình truyền thông mới” theo quan điểm riêng của bản thân. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục, hợp với văn cảnh.

ĐỀ SỐ 38. CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU LẦN 1

Xem bức ảnh và trả lời các câu hỏi sau:



- 1, Những “lời độc thoại” trên bức ảnh thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (1,0 điểm)
- 2, Bức ảnh trên gửi đến người xem thông điệp gì? (1,0 điểm)
- 3, Anh/ chị hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) nêu lên suy nghĩ của bản thân về hiện tượng trên?(3,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Xem ảnh và thực hiện yêu cầu:

Những “lời độc thoại” thuộc phong cách chức năng ngôn ngữ sinh hoạt.

Thông điệp của bức ảnh: phản ánh và cảnh tỉnh về căn “bệnh” thờ ơ, vô cảm của con người trong xã hội hiện đại.

Trình bày suy nghĩ về hiện tượng được phản ánh trong bức ảnh:

* Phân tích nội dung bức tranh:

- Bức ảnh vẽ một người đang nằm dưới đường, có thể bị ốm đau, bệnh tật hoặc say rượu, gặp tai nạn nên không thể tiếp tục đi lại... Việc này khiến họ có thể gặp nguy hiểm vì trên đường rất nhiều phương tiện lưu thông. Rất nhiều người qua đường, trông thấy nhưng mỗi người có một phán đoán riêng và không ai giúp họ, tất cả đều quay đi, để mặc người nằm đó.

- Đây là biểu hiện của “bệnh vô cảm” – một “căn bệnh” đang ngày càng phổ biến trong xã hội hiện đại ngày nay. Lấy ví dụ thực tế: vụ hôi bia ở Đồng Nai cuối năm 2013, em bé 3 tuổi bị ô tô cán giữa đường nhưng không ai dừng lại,...

* **Khái niệm “bệnh vô cảm”**: đó là sự thờ ơ trước niềm vui, nỗi buồn của những người xung quanh; là thái độ lạnh lùng đến tàn nhẫn trước những đau thương, mất mát của đồng loại; là thái độ dửng dưng hoặc cố tình né tránh giúp đỡ người khác...

* **Bàn luận về hiện tượng:**

- *Nguyên nhân của căn bệnh vô cảm:*

+ Nhịp sống gấp gáp, lối sống nhanh, sống vội, cuốn con người vào guồng quay của xã hội, khiến họ mãi miết chạy theo những lợi ích trước mắt, sống thực dụng, mà quên đi những giá trị đích thực, bền vững - đó là tình yêu thương con người.

+ Bản thân mỗi cá nhân được giáo dục chưa tốt, sống ích kỉ, không biết quan tâm, sẻ chia, giúp đỡ.

- *Hậu quả:*

+ Để lại những tổn thất lớn lao về vật chất, tinh thần cho những người gặp khó khăn.

+ Thử đặt một giả thiết: xã hội sẽ ra sao nếu mỗi người chỉ biết vun vén cho quyền lợi, hạnh phúc cá nhân? Nếu luôn quay lưng trước khó khăn của người khác thì khi ta cần sự giúp đỡ có thể nhận được sự sẻ chia của mọi người hay không?...

=> Đây là lối sống ích kỉ, hẹp hòi, cần đấu tranh loại bỏ.

- *Nêu phân đề và giải pháp:*

+ Bên cạnh những câu chuyện đáng buồn đó, ta vẫn thấy trong cuộc sống này những tấm lòng vàng, luôn sẵn sàng sẻ chia, yêu thương, cho đi mà không cần nhận lại.

+ Giải pháp: Giáo dục con người một cách toàn diện, nhấn mạnh tình yêu thương con người là hạt nhân cơ bản để duy trì sự sống, xã hội; một xã hội phát triển là xã hội mà ở đó con người biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Có những hình phạt thích đáng cho sự vô trách nhiệm, sự thờ ơ, vô cảm gây hậu quả nghiêm trọng. Tích cực nêu gương, biểu dương người tốt, việc tốt.

* **Bài học nhận thức và hành động:**

- Con người cần sống có tình yêu thương, biết sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống để hướng tới một xã hội văn minh, tiến bộ.

- Sẵn sàng giúp đỡ mọi người, nhất là khi họ gặp khó khăn.

- Đấu tranh, phê phán, loại bỏ những biểu hiện của lối sống ích kỉ, cá nhân, hẹp hòi, vô cảm.

Lưu ý: Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý chính như trên. Bài viết phải đủ 3 phần mở - thân - kết bài, bố cục mạch lạc, logic, dẫn chứng cụ thể, phong phú, không mắc lỗi diễn đạt.

ĐỀ SỐ 39. CHUYỀN NGUYỄN TÁT THÀNH HÀ NỘI

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa
Chúng nó chẳng còn mong được nữa
Chặn bàn chân một dân tộc anh hùng
Những bàn chân từ than bụi, lầy bùn
Đã bước dưới mặt trời cách mạng.
Những bàn chân của Hóc Môn, Ba Tơ, Cao Lạng
Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu
Những bàn chân đã vùng dậy đập đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!

Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp,
Rắn như thép, vững như đồng.
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chỉ ta lớn như biển Đông trước mặt!

Ta đi tới, không thể nào chia cắt
Mục Nam quan đến bãi Cà Mau
Trời ta chỉ một trên đầu
Bắc nam liền một biển

Lòng ta không giới tuyến
Lòng ta chung một cụ Hồ
Lòng ta chung một Thủ đô
Lòng ta chung một cơ đồ Việt Nam!

(Tố Hữu, Ta đi tới, trích Thơ Tố Hữu, NXB Giáo dục, 2003)

- 1/ Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ nào? (0,25 điểm)
- 2/ Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ thứ nhất. (0,5 điểm)
- 3/ Câu thơ “Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu” nhắc đến sự kiện lịch sử nào của dân tộc? Cảm xúc của tác giả khi nhắc đến sự kiện lịch sử này là gì? (0,5 điểm)
- 4/ Theo em, nhân vật trữ tình “ta” trong đoạn thơ là ai? (0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau đây và trả lời các câu hỏi từ 5 đến 8:

19.5.1970

Được thư mẹ... Mẹ của con ơi, mỗi dòng chữ, mỗi lời nói của mẹ thấm nặng yêu thương, như những dòng máu chảy về trái tim khao khát nhớ thương của con. Ôi! Có ai hiểu lòng con ao ước được về sống giữa gia đình, dù chỉ là giây lát đến mức nào không? Con vẫn hiểu điều đó từ lúc bước chân lên chiếc ô tô đưa con vào con đường bom đạn. Nhưng con vẫn ra đi vì lí tưởng. Ba năm qua, trên từng chặng đường con bước, trong muôn vàn âm thanh hỗn hợp của chiến trường, bao giờ cũng có một âm thanh dịu dàng tha thiết mà sao có một âm lượng cao hơn tất cả mọi đạn bom sấm sét vang lên trong lòng con. Đó là tiếng nói của miền Bắc yêu thương, của mẹ, của ba, của em, của tất cả. Từ hàng lim xào xạc bên đường Đại La, từ tiếng sóng sóng Hồng dào dạt vỗ đến cả âm thanh hỗn tạp của cuộc sống Thủ đô vẫn vang vọng trong con không một phút nào nguôi cả.

(Nhật kí Đặng Thùy Trâm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005)

5/ Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Trong đoạn văn có những phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

6/ “Lí tưởng” mà liệt sĩ – bác sĩ Đặng Thùy Trâm nhắc đến trong đoạn văn trên là gì? (0,25 điểm)

7/ Đọc đoạn nhật kí trên, điều gì khiến anh/chị xúc động nhất? (0,25 điểm)

8/ Anh/ chị nghĩ gì về sự hi sinh của những người trẻ tuổi trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc? (trình bày trong khoảng 7 dòng) (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu I. Đọc các văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Thể thơ tự do.

Câu 2. Chỉ ra phép nhân hóa/ hoán dụ “bàn chân một dân tộc” hoặc điệp ngữ “những bàn chân”

-> Nhân mạnh sự vững vàng và sức mạnh tiến công của dân tộc ta.

Câu 3. Câu thơ nhắc đến sự kiện chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (5/1954)

Cảm xúc của tác giả: niềm tự hào, tình cảm ngợi ca chiến thắng lẫy lừng của dân tộc.

Câu 4. Nhân vật trữ tình "ta" có thể hiểu là Quân dân ta/ Nhân dân/ Dân tộc/ Những người dân nước Việt.

Câu 5. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Phương thức biểu đạt biểu cảm, miêu tả, tự sự.

Câu 6. Lí tưởng mà liệt sĩ - bác sĩ Đặng Thùy Trâm nhắc đến là lí tưởng hi sinh tuổi xanh lên đường chiến đấu để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 7. Học sinh phát biểu cảm xúc, có thể là về nỗi nhớ mẹ, nhớ gia đình, nhớ Hà Nội, nhớ miền Bắc dồn nén, cảm xúc về Hà Nội của một cô gái trẻ...

Câu 8. Các ý chính:

- Họ đã hi sinh tuổi xanh, đời trẻ vì lí tưởng độc lập và thống nhất dân tộc.

- Thế hệ sau nể phục và biết ơn với các thế hệ đã quên mình, hi sinh để có Tổ quốc, cuộc đời hôm nay.

ĐỀ SỐ 40. THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN QUẢNG NAM

*“Nhớ bản swong giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!”*

*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”*

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1/ Cho biết những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của chúng (1,0 điểm)

2/ Chất suy tưởng triết lí được thể hiện qua những câu thơ nào? Từ triết lí trong đoạn thơ trên, anh(chị) rút ra bài học gì cho bản thân? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản.

Yêu cầu cụ thể:

Câu a. - Những biện pháp nghệ thuật được sử dụng:

+ Điệp từ “ nhớ” – “ khi” lặp lại 2 lần.

+ Câu hỏi tu từ: “ Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương”

+ Tương phản: “ khi ta ở < khi ta đi”, “ đất ở > đất hóa tâm hồn”.

+ So sánh chùng: “ anh nhớ em- đông về nhớ rét”, “ tình yêu ta- cánh kiến hoa vàng- xuân đến chim rừng lông trở biếc”

- Hiệu quả của biện pháp tu từ:

+ Diễn tả tình yêu, sự gắn bó tha thiết, sâu nặng của nhà thơ đối với mảnh đất Tây Bắc của Tổ quốc.

+ Tạo sự sinh động, truyền cảm cho lời thơ.

Câu b. - Chất suy tưởng, triết lí được thể hiện qua các câu thơ:

“ Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn”

“ Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”

- Bài học cho bản thân rút ra từ những triết lí đó:

+ Đó là những chân lí mang tính phổ quát, rút ra từ đời sống, từ quy luật tình cảm.

+ Mỗi một mảnh đất khi con người gắn bó dù cho không phải là quê hương đều sẽ trở thành một phần máu thịt, thành mảnh đất tâm hồn, mảnh đất kỉ niệm. Vì vậy, hãy biết yêu thương, trân trọng, sống thủy chung với quá khứ, với những miền đất đã đi qua.

ĐỀ SỐ 41. THPT CÙ HUY CẬN HÀ TĨNH

Đọc văn bản:

“Hãy nhìn dòng người đang cuộn chảy trên đường phố trong cái ngột ngạt của trưa hè nóng bức, ai cũng nghẹt thở vì chất thải của động cơ xe máy, ô tô cho dù khẩu trang che kín mũi miệng. Hậu quả sẽ ra sao với sức khỏe con người? Khó mà lường được. Nhưng trước mắt thì vẫn cứ phải tồn tại bằng cách thở hít vào phổi cái khói bụi độc hại đó để mà bươn chải với cuộc mưu sinh.

Ai đó mong có dịp về nông thôn để được hít thở không khí trong lành, sẽ khó tránh khỏi cảm giác thất vọng. Sự “trong lành” mà họ trông đợi đang bị hủy hoại nghiêm trọng bởi chất thải công nghiệp, chất thải vô tội vạ của làng nghề, chất thải từ “mạnh ai nấy được” trong nuôi trồng thủy sản, ... Sông Cầu tiếp nhận thêm ít nhất 180 000 tấn phân hóa học, 1500 tấn thuốc trừ sâu! Lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy bị nước thải xối thẳng trực tiếp làm nước sông đen ngòm và đang bốc mùi. Sông Thị Vải trong lưu vực sông Đồng Nai đã có đoạn bị chết kéo dài sau khu vực hợp lưu Suối Cỏ, Đồng Nai đến khu công nghiệp Mĩ Xuân...

Trở lại với chuyện thường ngày ở cái vạch dừng xe trên phố. Trong cái nóng thiêu đốt, tiếng gầm gào của các loại động cơ ô tô, xe máy làm cho bầu không khí càng thêm ngột ngạt. Rồi đây, “dân giàu” lên thêm, ô tô càng nhiều thêm, nơi cái vạch dừng xe của cái đường phố không thể mở rộng hơn để tương thích với sự phát triển đó sẽ càng thêm ngột ngạt và nghẹt thở.

Ở một số nước nghèo, bức xúc là chuyện tăng trưởng kinh tế để giảm nghèo cái đã, việc môi trường, tính sau. Người ta quên mất rằng, cái giá phải trả cho sự hủy hoại môi trường sẽ cao hơn nhiều cho những sản phẩm có được của sự tăng trưởng kia. Không thể chỉ đơn thuần quan tâm thúc đẩy sự tăng trưởng mà còn thường trực đặt ra câu hỏi tăng trưởng như thế nào. Chẳng thế mà người ta khuyến cáo sử dụng chỉ số mới mang tên Tổng sản phẩm quốc gia “thuần” và “xanh”, chứ không chỉ sử dụng GDP. “Thuần” là đòi hỏi phải điều chỉnh tổng sản phẩm sau khi đã khấu trừ các tài sản của đất nước bị hao hụt trong quá trình sản xuất. “Xanh”, nghĩa là phải chú ý đến mức tiêu hao nguồn tài nguyên thiên nhiên đã bị khai thác gắn với sự hủy hoại môi trường sống của con người khi tính GDP.”

(Báo điện tử Nguoidaibieu.com.vn)

1/ Văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản? (2,0 điểm)

2/ Tìm các ý chính của văn bản trên? Nhận xét về cách sắp xếp các ý trên? (2,0 điểm)

3/ Thái độ của người viết thể hiện như thế nào? Quan điểm của anh/chị về vấn đề trên? (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Vấn đề văn bản và phong cách ngôn ngữ của văn bản

Văn bản trên đề cập đến vấn đề: Tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng đến môi trường sống của con người.

Phong cách ngôn ngữ của văn bản: Báo chí (đáp án: Chính luận hoặc cả báo chí và chính luận)

Câu 2. Các ý chính và cách sắp xếp ý:

Các ý chính của văn bản

- Trên đường nghẹt thở vì khói bụi độc hại.
- Môi trường trong lành ở nông thôn đang bị hủy hoại nghiêm trọng
- Sự xuất hiện thêm nhiều ô tô, xe máy làm cho bầu không khí thêm ngột ngạt.
- Ở những nước nghèo, quan tâm tăng trưởng kinh tế phải quan tâm bảo vệ môi trường sống (Gắn liền với chỉ số tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc gia “thuần” và “xanh”)

Cách sắp xếp các ý: Các ý sắp xếp chặt chẽ, hợp lý. Các ý được sắp xếp từ thực trạng ô nhiễm môi trường đến giải pháp khắc phục.

Câu 3. Thái độ của người viết và quan điểm của bản thân

Thái độ của người viết: Thể hiện sự lo lắng về tình trạng ô nhiễm môi trường. Tăng trưởng kinh tế đang làm hủy hoại môi trường, ảnh hưởng cuộc sống của con người

Quan điểm về vấn đề trên: Tăng trưởng kinh tế cần gắn với bảo vệ môi trường sống. Môi trường sống của con người cũng quan trọng như tăng trưởng kinh tế.

ĐỀ SỐ 42. THPT N.T MINH KHAI HÀ TĨNH

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu”

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

a, Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của nó

trong việc thể hiện nội dung?(2 điểm)

b, Bốn câu thơ trên là lời đề từ của bài thơ “ Tiếng hát con tàu”, hãy xác định vị trí và tác dụng của nó trong tác phẩm? (2 điểm)

c, Ý nghĩa hình ảnh “ con tàu” và “ Tây Bắc” trong đoạn thơ? (2 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số

khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về khả năng sử dụng các biện pháp tu từ, các chi tiết có ý nghĩa biểu tượng.

Yêu cầu cụ thể:

Câu a. - Các biện pháp tu từ được sử dụng:

+ Câu hỏi tu từ: “*Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây bắc*”

+ Phép điệp từ: “*khi*” lặp lại 2 lần

+ Phép nhân hóa: “*Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*”

+ Phép ẩn dụ: “*con tàu*” - “*Tây bắc*”

- Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Việc sử dụng câu hỏi tu từ “*Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc*”, phép điệp từ “*Khi*”, phép nhân hóa “*Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*”, kết hợp với giọng thơ chính luận, nhịp thơ dồn dập có tác dụng mang đến bốn câu đề từ đầy nhiệt huyết, hào hứng và mê say về một “cuộc đi” đến những vùng miền xa xôi để cống hiến và dựng xây, kiến thiết.

+ Biện pháp nghệ thuật quan trọng nhất chính là ẩn dụ với các hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng. Tây Bắc, ngoài nghĩa cụ thể của một vùng đất, còn là biểu tượng gọi nghĩ đến mọi miền xa xôi của Tổ Quốc, nơi có cuộc sống gian lao mà nặng nghĩa tình của nhân dân. Lên Tây Bắc cũng chính là trở về với chính lòng mình. “*Con tàu*” là hình ảnh lãng mạn, là biểu tượng cho khát vọng lên đường, khát vọng tìm đến những ước mơ, những ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật.

+ Tăng sức tính hình tượng và sức gợi cảm cho đoạn thơ.

Câu b. Nhận xét:

- Vị trí của đoạn đề từ: ngay phần mở đầu tác phẩm.

- Tác dụng của lời đề từ: là một chỉ dẫn, một gợi ý để khám phá tác phẩm, là khúc dạo đầu giúp người nghe phán đoán được cái bông trầm trong một bản nhạc. Có thể xem bốn câu thơ đề từ của tác phẩm như là sự gói ghém trọn vẹn nỗi niềm của nhà thơ Chế Lan Viên, là sự trải nghiệm của một người có hơn hai mươi năm cầm bút để đi đến một chân lý giản đơn. Lời mời gọi lên Tây Bắc trở thành lời giục giã, lời mời gọi những tâm hồn hãy đến với đời sống cần lao và rộng lớn của nhân dân. Từ một vấn đề thời sự, bài thơ đã mở ra những suy tưởng về cuộc sống, về nghệ thuật.

Câu c. Ý nghĩa:

- *Tây Bắc*:

- + Là nghĩa cụ thể chỉ một địa danh, một vùng đất, nơi hướng tới của bao người đi xây dựng kinh tế miền núi những năm 1958-1960.
- + Là biểu tượng gọi nghĩ đến mọi miền xa xôi của Tổ Quốc, nơi có cuộc sống gian lao mà nặng nghĩa tình của nhân dân, nơi khắc ghi kỉ niệm của ngưỡng người đã trải qua kháng chiến, nơi vẫy gọi mọi người đi tới.
- + Là biểu tượng của hiện thực cuộc sống, cội nguồn của sáng tạo nghệ thuật.
- *Con tàu*:
- + Chế Lan Viên viết “Tiếng hát con tàu” vào thời điểm miền Bắc đang diễn ra cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới ở Tây bắc, Lúc này, chưa có đường tàu và con tàu lên Tây bắc. Con tàu là hình ảnh lãng mạn, là hình ảnh của tâm tưởng.
- + Là biểu tượng cho khát vọng lên đường, khát vọng đi xa, khát vọng hòa nhập vào cuộc đời lớn của nhân dân, đất nước.
- + Khát vọng tìm đến những ước mơ, những ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật.

ĐỀ SỐ 43. SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VĨNH PHÚC LẦN 1

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Trăng nở nụ cười (Tác giả: Lê Đình Cánh)

*Đâu Thị Nở, đâu Chí Phèo
 Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao
 Vãn vườn chuối gió lao xao
 Sông Châu vẫn chảy nô nao mạn thuyền
 Ả ngớ ngẩn
 Gã khùng điên
 Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người
 Vườn sông trăng nở nụ cười
 Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau
 Giữa đời vàng lẫn với thau
 Lòng tin còn chút về sau để dành
 Tình yêu nên vị cháo hành
 Đời chung bát vỡ thơm lành lúa đôi*

a) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Vì sao anh/chị biết? (1,0 điểm)

- b) Đọc bài thơ anh/chị liên tưởng đến tác phẩm nào, ai là tác giả? Kể thêm một số tác phẩm của nhà văn đó. (1,0 điểm)
- c) Câu thơ “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” có ý nghĩa gì? Từ đó, hãy liên hệ với nhân vật chính trong tác phẩm để làm rõ điều anh/chị đã giải thích. (2,0 điểm)
- d) Vị chao hành được nhắc đến trong bài thơ là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6 đến 8 câu) cảm nhận về chi tiết này. (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài
- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về khả năng sử dụng ngôn ngữ, sử dụng “đắt” các chi tiết có ý nghĩa biểu tượng.

Yêu cầu cụ thể

Câu a.

- Bài thơ được viết theo thể lục bát.
- Căn cứ vào số tiếng trong câu và cách hiệp vần ở tiếng thứ sáu của câu lục và tiếng thứ tám của câu bát.

Câu b.

- Bài thơ gợi liên tưởng đến tác phẩm Chí Phèo của nhà văn Nam Cao.
- Một số tác phẩm khác như: " Đời thừa", " Sống mòn", " Dì Hảo", " Một bữa no",...

Câu c.

- Câu thơ “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” cho thấy tình yêu có sức mạnh cảm hóa con người, làm cho con người trở nên thực sự người hơn.
- Trong tác phẩm, Chí Phèo là một người nông dân hiền lành, lương thiện nhưng bị đẩy vào bước đường cùng của sự tha hóa, bị tước đoạt quyền sống, quyền làm người.
- Cuộc gặp gỡ với thị Nở và tình yêu thương mộc mạc, chân thành của người đàn bà khốn khổ đã giúp Chí Phèo thức tỉnh. Sau bao nhiêu năm bán linh hồn cho quỷ dữ, Chí Phèo lại khao khát được sống, được làm người lương thiện, được hòa nhập vào xã hội bằng phẳng, thân thiện của loài người. Quả thực, khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người. Đó là sức mạnh kì diệu của tình yêu chân chính.

Câu d. Viết đoạn văn cảm nhận về chi tiết nghệ thuật vị cháo hành

- Hình thức: Viết đúng quy ước đoạn văn và số câu mà đề quy định.

- Nội dung: Học sinh có thể trình bày cảm nhận riêng của mình về chi tiết nghệ thuật, nhưng cần làm rõ:

+ Cháo hành là biểu hiện của tình yêu thương, chăm sóc ân cần; tình người mộc mạc, giản dị.

+ Với Chí Phèo, bát cháo hành của thị Nở giúp Chí cảm nhận được tình người đằm ấm, chân thực và thức tỉnh về quyền sống, quyền làm người. Cháo hành thực sự là liều thuốc giải độc.

+ Chi tiết nghệ thuật này giúp người đọc cảm nhận chiều sâu tâm hồn nhân vật hàng ngày vốn bị che lấp; đồng thời cho thấy tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao với niềm tin mãnh liệt của con người.

ĐỀ SỐ 44. SỞ GD VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH LẦN 1

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

“Ở các nước Âu – Mỹ, lấy ví dụ ở Pháp hiện nay, trung bình một người dân Pháp đọc tới 20 cuốn sách/năm, đối với người dân sống ở thành phố, tầng lớp tri thức, con số đó lên tới 30-50 cuốn/năm (Nguyễn Hương, bài “Người Việt ít đọc sách: Cần những chính sách để thay đổi toàn diện”). Ở Nhật, như đã nói ở trên, ngay từ thời Cải cách Minh Trị, chỉ với 30 triệu dân mà tiêu thụ tới hàng trăm ngàn cuốn sách dạng tinh hoa, “khó nhằn”. Ở một quốc gia gần hơn trong cộng đồng ASEAN, đó là Malaysia, số lượng sách được đọc trên đầu người là 10-20 cuốn/người/năm (2012, số liệu từ ông Trần Trọng Thành, công ty sách điện tử Aleeza). Và ở Việt Nam, theo con số do Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công bố ngày 12/04/2013 ngay trước thềm sự kiện “Ngày hội Sách và Văn hóa Đọc”, số lượng sách một người Việt đọc trong một năm là... 0,8 cuốn, nghĩa là người Việt Nam đọc chưa đầy một cuốn sách trong một năm

Có sự tương quan rõ ràng giữa văn hóa đọc và sự phát triển của một quốc gia. Với những con số ở trên, dễ hiểu vì sao nước Pháp lại có một nền kinh tế, văn hóa và nghệ thuật rạng rỡ như vậy. Và nước Nhật có thể đứng dậy thần kỳ sau Thế chiến 2 cũng như vươn lên quật khởi sau bao thiên tai liên miên, hiện đang là nền kinh tế đứng thứ hai thế giới với nền khoa học-công nghệ tiên tiến bậc nhất. Malaysia đang là ngôi sao mới ở khu vực ASEAN với những chính sách đổi mới và mở cửa đột phá gần đây. Và người Do Thái với câu chuyện ở đầu bài, “Một dân tộc 13 triệu dân nhưng sinh ra gần 40% chủ nhân của các giải Nobel; 1/3 trên tổng số các nhà triệu phú đang sống và làm việc tại Mỹ là người Do Thái; 20% giáo sư tại các trường đại học hàng đầu hiện nay; 3 nhân vật

sau Công nguyên cho đến hiện tại có tác động lớn nhất đến lịch sử nhân loại là Chúa Jesus, Karl Marx và Alber Einstein...là người Do Thái.

Mỗi người Việt chưa đọc nổi một cuốn sách/năm, ai có thể khẳng định không liên quan đến tình trạng suy thoái toàn diện từ kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội cũng như nhân cách con người hiện nay ở Việt Nam?

(Ngẫm về “ tử rợ ” của người Việt và “ tử sách ” của người Do Thái theo Báo mới)

1. Văn bản trên thuộc phong cách chức năng ngôn ngữ nào?
2. Nêu các ý chính của văn bản?
3. Nhận xét về cách lập luận của tác giả?
4. Những số liệu mà tác giả đưa ra trong văn bản cho anh/chị hiểu thêm điều gì về hiện trạng mà văn bản đề cập tới?
5. Văn bản trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa văn hóa đọc với lối sống và nhận thức của giới trẻ hiện nay?

ĐÁP ÁN

Ý

Nội dung

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu, phân tích các phong cách chức năng ngôn ngữ

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản với một số ý như sau:

Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Phong cách chức năng ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Các ý chính của văn bản:

- Tỷ lệ đọc sách trên một năm của người dân các nước Âu - Mỹ và một số nước khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

- Mối tương quan giữa văn hóa đọc và sự phát triển của một quốc gia.

- Suy ngẫm về thực trạng đọc sách của người Việt Nam trong tương quan với sự phát triển về mọi mặt của đất nước.

Câu 3. Nhận xét về cách lập luận của tác giả:

- Hệ thống lập luận chặt chẽ, xác đáng, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng chân thực, cụ thể.
- Tác giả sử dụng thao tác lập luận so sánh để người đọc thấy rõ sự khác biệt về văn hóa đọc giữa các nước trên thế giới: Trong khi các nước đều có thể sử dụng những thành tựu công nghệ cao để tích lũy kiến thức thì ở các nước phát triển, người dân vẫn giữ gìn văn hóa đọc, đọc thường xuyên và hiệu quả; ngược lại người Việt Nam ta rất lười đọc sách.

Câu 4. Việc sử dụng số liệu giúp:

- Có cái nhìn chính xác, chân thực về thực trạng văn hóa đọc giữa các quốc gia. Việc "người Việt chưa đọc nổi một cuốn sách/ năm" cho thấy văn hóa đọc của nước ta ở mức rất thấp. Đó là một điều đáng buồn, đáng suy ngẫm bởi văn hóa đọc có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển đất nước. Điều đó đi ngược với xu thế phát triển của đất nước.
- Từ đó, tác giả muốn thức tỉnh mỗi con người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước về việc hình thành thói quen đọc sách.

Câu 5. Những suy nghĩ được gợi lên từ mối quan hệ giữa văn hóa đọc và lối sống nhận thức, thái độ của giới trẻ là:

- Văn hóa đọc được hiểu là đọc sách một cách có văn hóa. Nghĩa là phải biết chọn lựa sách để đọc, đọc đúng cách để có hiệu quả, từ đó vận dụng vào cuộc sống. Để việc đọc sách trở thành một nét đẹp văn hóa cần hình thành thói quen đọc sách, sở thích và kĩ năng đọc sách ở mỗi cá nhân và trong cả cộng đồng.
- Hiện nay, văn hóa nghe - nhìn ngày càng thu hút giới trẻ, trong khi đó văn hóa đọc ở họ lại ngày càng trở nên yếu kém. Giới trẻ thường ít đọc sách, phần lớn đọc do đòi hỏi bắt buộc của công việc, học tập chứ không tự nguyện, ham thích.
- Sách và việc đọc sách có vai trò to lớn trong việc mở mang kiến thức, kĩ năng và bồi dưỡng tâm hồn, hoàn thiện nhân cách con người. Tuy nhiên, đa số bạn trẻ hiện nay không nhận thức được điều đó hoặc có nhưng cố tình phớt lờ, trong khi họ - những chủ nhân tương lai của đất nước rất cần học hỏi, trau dồi cả đức và tài. Hậu quả là họ rỗng nhiều kiến thức, kĩ năng thiếu và yếu, nhận thức sai lệch, không làm được việc,... Đó là một thực trạng đáng buồn, đáng báo động.
- Tuy nhiên, vẫn có không ít bạn trẻ yêu thích đọc sách và đang nỗ lực tuyên truyền, cho văn hóa đọc. Đặc biệt, từ năm 2013, ngày 21/4 hằng năm đã trở thành ngày hội Sách và văn hóa đọc. Đó là một nỗ lực to lớn để xây dựng văn hóa đọc

trong cộng đồng.

- Bài học:

+ Cần nâng niu, trân trọng sách, hình thành thói quen đọc sách, sở thích đọc sách, tránh sa vào các hình thức giải trí vô bổ, độc hại khác.+ Thông minh khi lựa chọn sách, lựa chọn cách đọc và vận dụng vào thực tế cuộc sống.

ĐỀ SỐ 45. TRIỆU SƠN THANH HÓA LẦN 1

“Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kỳ diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy. Câu thơ hay, có cái gì làm rung những chiếc cốc kia trên bàn, làm lay động ánh trăng kia trên bờ đê. “Chim hôm thoi thót về rừng..”. Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều như hơi thở tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gương chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vàng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp phấp phồng của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngón nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả chung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc chung quanh. Người xưa nói: Thi tại ngôn ngoại.”

(Trích *Mấy ý nghĩ về thơ*. Tuyển tác phẩm văn học Nguyễn Đình Thi. Tiểu luận-Bút kí. NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

Đọc đoạn trích văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau :

1. Nêu những ý chính của đoạn trích văn bản trên?
2. Người viết đã sử dụng kết hợp các thao tác lập luận nào trong đoạn trích trên? Xác định thao tác lập luận chính.
3. Xác định và chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau:
Mỗi chữ như một ngón nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung.
4. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: “Thi tại ngôn ngoại”? Hãy chỉ ra phần “Thi tại ngôn ngoại” trong 2 câu thơ:

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về

(Đất nước- Nguyễn Đình Thi)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Những ý chính của đoạn trích văn bản:

- Chữ và tiếng trong thơ phải có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Ngoài công dụng gọi tên sự vật, nó còn có khả năng gợi hình, gợi cảm cao.
- Nghĩa của câu thơ, bài thơ, không chỉ là nghĩa cộng của những chữ, những tiếng tạo nên câu thơ, bài thơ mà là nghĩa tổng hợp trong mối quan hệ đa chiều của những tiếng, những chữ tạo nên câu thơ, bài thơ ấy.

Câu 2. - Người viết đã sử dụng kết hợp các thao tác : Bình luận, chứng minh...

- Bình luận là thao tác lập luận chính

Biểu hiện: Có nhiều câu văn thể hiện quan điểm, ý kiến của người viết về vấn đề chữ và tiếng trong thơ như câu 3,4...

Câu 3. Các biện pháp tu từ

- Biện pháp so sánh: *Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy*

Hiệu quả nghệ thuật: Làm tăng tính gợi hình, gợi cảm. Có cảm giác mỗi chữ không còn là một cái vỏ ngôn ngữ vô hồn, bất động mà lung linh, sinh động, có sức sống đang toả nhiệt và truyền hơi ấm sang người đọc.

- Biện pháp ẩn dụ: *Hình ảnh một vùng sáng chung.*

Hiệu quả nghệ thuật: Đó là nghĩa của những tiếng, những chữ (nói chung là từ ngữ) trong mối quan hệ tương tác, hoà hợp, bổ sung lẫn nhau để tạo nên những ý nghĩa ngoài ý nghĩa riêng của mỗi tiếng, mỗi chữ. Phép ẩn dụ cũng làm tăng tính gợi hình gợi cảm cho câu văn.

Câu 4. - Thi tại ngôn ngoại nghĩa là : Ý thơ ở ngoài lời thơ

- Phần Thi tại ngôn ngoại trong hai câu thơ:

+ Tiếng nói thiêng liêng của lịch sử cha ông luôn vọng về nhắc nhở.

+ Sức mạnh truyền thống của lịch sử dân tộc tạo nên động lực, niềm tự hào cho thế hệ hiện tại trong cuộc đương đầu với thực

dân Pháp xâm lược.

ĐỀ SỐ 46. THPT NGHĨA HƯNG NAM ĐỊNH

Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:

Trái tim hoàn hảo

Có một chàng thanh niên đứng giữa thị trấn và tuyên bố mình có trái tim đẹp nhất vì chẳng hề có một tí vết hay rạn nứt nào. Đám đông đều đồng ý đó là trái tim đẹp nhất mà họ từng thấy. Bỗng một cụ già xuất hiện và nói: “Trái tim của anh không đẹp bằng trái tim tôi”. Chàng trai cùng đám đông ngẩng nhìn trái tim của cụ. Nó đang đập mạnh mẽ nhưng đầy những vết sẹo. Có những phần của tim đã bị lấy ra và những mảnh tim khác được đắp vào nhưng không vừa khít nên tạo một

bề ngoài sẵn sùì, lỏm chỏm; có cả những đường rãnh khuyết vào mà không hề có mảnh tim nào trạm thay thế. Chàng trai cười nói:

- Chắc là cụ nói đùa! Trái tim của tôi hoàn hảo, còn của cụ chỉ là những mảnh chấp vá đầy sẹo và vết cắt.

- Mỗi vết cắt trong trái tim tôi tượng trưng cho một người mà tôi yêu không chỉ là những cô gái mà còn là cha mẹ, anh chị, bạn bè... Tôi xé một mẩu tim mình trao cho họ, thường thì họ cũng sẽ trao lại một mẩu tim của họ cho tôi đắp vào nơi vừa xé ra. Thế nhưng những mẩu tim chẳng hoàn toàn giống nhau, mẩu tim của cha mẹ trao cho tôi lớn hơn mẩu tôi trao lại cho họ, ngược lại với mẩu tim của tôi và con cái tôi. Không bằng nhau nên chúng tạo ra những nếp sẵn sùì mà tôi luôn yêu mến vì chúng nhắc nhở đến tình yêu mà tôi đã chia sẻ. Thỉnh thoảng tôi trao mẩu tim của mình nhưng không hề được nhận lại gì, chúng tạo nên những vết khuyết. Tình yêu đôi lúc chẳng cần sự đền đáp qua lại. Dù những vết khuyết đó thật đau đớn nhưng tôi vẫn luôn hy vọng một ngày nào đó họ sẽ trao lại cho tôi mẩu tim của họ, lấp đầy khoảng trống mà tôi luôn chờ đợi.

Chàng trai đứng yên với giọt nước mắt lăn trên má. Anh bước tới, xé một mẩu từ trái tim hoàn hảo của mình và trao cho cụ già. Cụ già cũng xé một mẩu từ trái tim đầy vết tích của cụ trao cho chàng trai. Chúng vừa nhưng không hoàn toàn khớp nhau, tạo nên một đường lỏm chỏm trên trái tim chàng trai. Trái tim của anh không còn hoàn hảo nhưng lại đẹp hơn bao giờ hết vì tình yêu từ trái tim của cụ già đã chảy trong tim anh...

(Theo Trí Quyền – *Quà tặng cuộc sống*, NXB Trẻ TPHCM, 2006)

1. Nội dung chính của văn bản trên là gì?
2. Văn bản trên có sự kết hợp những phương thức biểu đạt nào?
3. Em hiểu như thế nào về nhan đề “*Trái tim hoàn hảo*”?
4. Hãy giải thích về “giọt nước lăn trên má” của chàng trai.



Độc câu chuyện và trả lời các câu hỏi:

- Câu 1.** Nội dung chính của đoạn văn trên là ca ngợi tình yêu, sự sẻ chia giữa con người với con người.
- Câu 2.** Văn bản trên có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 3.** Nhan đề “*Trái tim hoàn hảo*”: Một trái tim hoàn hảo không phải là trái tim nguyên vẹn, đẹp đẽ về hình thức mà nó chỉ hoàn hảo khi biết cho và nhận, khi được nhận yêu thương và biết sẻ chia yêu thương.
- Câu 4.** “*Giọt nước lăn trên má*” của chàng trai là giọt nước mắt cảm động, ngưỡng mộ trước trái tim, tấm lòng của cụ già. Đồng thời, nó còn là giọt nước mắt tủi hổ về bản thân mình vì trước nay chàng trai luôn ngộ nhận trái tim mình là hoàn hảo khi chưa hiểu đúng về nó.

ĐỀ SỐ 47. THPT HÒN GAI QUANG NINH

Cho đoạn trích sau đây:

*“Và bằng phép màu một tiếng
Tôi bắt đầu lại cuộc đời
Tôi sinh ra để biết em
Để gọi tên em
TỰ DO”*

1/ (1,0 điểm) Anh/chị hãy nêu xuất xứ trích đoạn, hoàn cảnh sáng tác văn bản trên?

2/ (2,0 điểm) Nêu ngắn gọn nội dung, ý nghĩa của trích đoạn thơ trên?

3/ (3,0 điểm) Xác định biện pháp tu từ nổi bật và phân tích hiệu quả tu từ trong trích đoạn? Theo anh/chị, tại sao trong câu cuối nhà thơ tách riêng và viết hoa hai chữ “TỰ DO”?

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản:

- Câu 1.** -Xuất xứ đoạn trích: được trích từ bài thơ “Tự do” của Paul Éluard, bản dịch của Tế Hanh.
- Hoàn cảnh sáng tác: bài thơ được viết vào mùa hè 1941, khi nước Pháp điêu tàn trong Đệ nhị Thế chiến dưới ách thống trị của Đức quốc xã.
- Câu 2.** Nội dung, ý nghĩa của trích đoạn: Đoạn thơ khẳng định sức mạnh nhiệm màu của tự do - sức mạnh tái sinh những cuộc đời. Từ đó bộc lộ tình yêu tự do và kêu gọi hi sinh cho tự do. Không thể sống trong cảnh đời nô lệ, Tự Do trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là lương tâm của thời đại. Vì thế bài thơ được coi là thánh ca của thơ ca kháng chiến Pháp.
- Câu 3.** -Biện pháp tu từ: nhân hóa, gọi “*tự do*” là “*em*”, xưng “*tôi*”
Tác dụng: tình yêu, sự trân trọng đối với “tự do”
-Trong câu cuối nhà thơ tách riêng và viết hoa hai chữ “TỰ DO” nhằm nhấn mạnh, khẳng định: TỰ DO - một từ, một lời đầy mãnh lực được tác giả đặt vào trung tâm - đã gói trọn tất cả, và hàm chứa sự phục sinh cho con người trong một thế giới mà tự do được ngự trị. Bởi thế, "TỰ DO" trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là lương tâm của thời đại, phải biết hi sinh cho tự do.

ĐỀ SỐ 48. NGUYỄN HUỆ YÊN BÁI

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

“...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

1. Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Của ai? Văn bản ra đời trong hoàn cảnh như thế nào? Hoàn cảnh ra đời giúp người đọc hiểu thêm điều gì về mục đích sáng tác của tác phẩm?
2. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?
3. Nội dung cơ bản của đoạn trích là gì? Chỉ ra những phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi

- Câu 1.**
- Đoạn trích trên thuộc văn bản “*Tuyên ngôn độc lập*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
 - Văn bản ra đời trong hoàn cảnh:
 - + Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Nhật đầu hàng đồng minh.
 - + Ngày 19/08/1945, cách mạng tháng Tám thành công ở Hà Nội. Ngày 26/08/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Người đọc bản “Tuyên ngôn độc lập”, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.
 - Mục đích sáng tác:
 - + Tuyên bố xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, khẳng định quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.
 - + Khẳng định khát vọng độc lập, tự do và quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.
- Câu 2.** Phong cách ngôn ngữ của văn bản: Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- Câu 3.**
- Nội dung cơ bản của đoạn trích là: Khẳng định quyền được hưởng tự do, độc lập; sự thật đã được tự do độc lập và quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập ấy của dân tộc Việt Nam.
 - Những phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích:
 - + Phép nối: Quan hệ từ “và”
 - + Phép lặp: Lặp lại cụm từ “*Tự do, độc lập*”
 - + Phép thế: Dùng từ ngữ mang ý nghĩa thay thế “*ấy*”.

ĐỀ SỐ 49. THPT MỸ ĐỨC LẦN 1

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

*Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...*

*Chiều nay con chạy về thăm Bác
Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!*

*Con lại lần theo lối sỏi quen
Đến bên thang gác, đứng nhìn lên
Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?
Phòng lạnh, rèm buông, tắt ánh đèn!*

*Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!*

*Trái bưởi kia vàng ngọt với ai
Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!
Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm
Quanh mặt hồ in mây trắng bay...*

1. Anh/ chị hãy nêu xuất xứ của đoạn trích, nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản?
2. Tìm và phân tích tác dụng của việc sử dụng các thán từ và câu cảm thán trong đoạn thơ trên?
3. Nêu nội dung tư tưởng của văn bản trên?

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Nêu xuất xứ của đoạn trích, nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản:

- Xuất xứ: Trích trong bài thơ “Bác ơi” của Tố Hữu.
- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết vào năm 1969, khi nhà thơ Tố Hữu nghe tin Bác Hồ mất.

Câu 2. Tìm và phân tích được tác dụng của việc sử dụng từ và câu cảm thán.

- Các từ cảm thán sử dụng trong đoạn thơ: "rồi sao" "ôi" "hỡi" "còn đâu"
- Các câu cảm thán được sử dụng trong đoạn thơ "Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!" "Phòng lạnh, rèm buông, tắt ánh đèn!" "Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!" "Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài!"
- Tác dụng: Bộc lộ niềm đau xót và nhớ thương Bác khôn nguôi của nhà thơ khi nghe tin Bác mất

Câu 3. Nội dung tư tưởng của văn bản.

Đoạn thơ nói là tiếng khóc đau đớn, xót xa, thảng thốt trước sự ra đi của Bác, qua đó ta thấy được tình cảm lớn lao của nhà thơ với "Vị Cha già dân tộc": niềm kính trọng, yêu mến, xót thương chân thành, sâu sắc, lớn lao.

ĐỀ SỐ 50. CẢM LÝ BẮC GIANG LẦN 1

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói: “Dạ bẩm, ngài cứ yên tâm, đã có tôi” rồi chạy xuống phía trại giam ông Huân, đấm cửa buồng giam, hớt hơ hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng viên quản ngục, và ngập ngừng bảo luôn cho ông Huân biết việc về kinh chịu án tử hình.

Ông Huân Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về báo với chủ người, tối nay, lúc nào lính canh về trại nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây ta cho chữ. Chữ thì quý thực. ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đòi ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

(Ngữ văn 11, tập 1, trang 113, NXBGD 2014)

- 1/ Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của ai? (1,0 điểm)
- 2/ “Lụa”, “mực”, “bút” thường được dùng trong nghệ thuật gì? (0,5 điểm)
- 3/ “Tấm lòng biệt nhỡn liên tài” nghĩa là gì? (0,5 điểm)
- 4/ Huân Cao coi quản ngục là “một tấm lòng trong thiên hạ”, em có đồng ý không? Vì sao? (1,0 điểm)



ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Đoạn văn trên được trích từ truyện ngắn “Chữ người tử tù” của nhà văn Nguyễn Tuân.
- Câu 2.** “Lụa”, “mực”, “bút” thường được dùng trong nghệ thuật viết chữ thư pháp.
- Câu 3.** “Tấm lòng biệt nhỡn liên tài” nghĩa là cái nhìn thể hiện sự kính trọng đặc biệt đối với người tài.
- Câu 4.** Đồng ý với việc Huân Cao coi quản ngục là "một tấm lòng trong thiên hạ" vì ngục quan có những phẩm chất đáng quý:
- Biết yêu, trân trọng cái đẹp, say mê nghệ thuật
 - Có lòng “biệt nhỡn liên tài”: thái độ sùng kính Huân Cao - hiện thân của cái tài, cái đẹp, cái “thiên lương” cao cả;
 - Biết hối cải qua hành vi vái người tù một vái, chấp tay nghẹn ngào nói: “ Kẻ mê muội này xin bái lĩnh” ở cuối tác phẩm.

ĐỀ SỐ 51. THPT QUÌ CHÂU

Đọc văn bản:

Mẹ ta không có yếm đào
nón mê thay nón quai thao đội đầu

*rối ren tay bí tay bầu
váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa*

*Cái cò...sung chát đào chua...
câu ca mẹ hát gió đưa về trời
ta đi trốn kiếp con người
cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.*

(“Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa” – Nguyễn Duy)

Thực hiện các yêu cầu sau:

- 1/ Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản? **(0,5 điểm)**
- 2/ Hình ảnh người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, chi tiết nào? **(0,5 điểm)**
- 3/ Văn bản thể hiện tâm tư, tình cảm gì của tác giả đối với người mẹ? **(1,0 điểm)**
- 4/ Chỉ ra hiệu quả biểu đạt của chất liệu ca dao được sử dụng trong văn bản? **(1,0 điểm)**
- 5/ Hai câu thơ: “*Ta đi trốn kiếp con người/Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru*” gợi suy nghĩ gì về lời ru của mẹ đối với những đứa con? **(1,0 điểm)**

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

- Câu 1.** Phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản:
Tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 2.** Hình ảnh người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, chi tiết: “*không có yếm đào*”, “*Nón mê thay nón quai thao đội đầu*”, “*Rối ren tay bí tay bầu*” “*váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa*”. Đó là một người mẹ nghèo, lam lũ, vất vả.
- Câu 3.** Tâm tư, tình cảm của tác giả:
Nỗi nhớ, lòng biết ơn sâu sắc và tình yêu thương to lớn dành cho người mẹ.
- Câu 4.** Hiệu quả biểu đạt của chất liệu ca dao được sử dụng trong văn bản:
Trong ca dao ta thường gặp: “*Con cò lặn lội bờ sông/ Gánh gạo nuôi chồng tiếng hát nỉ non*” hay “*Cái cò đậu cọc cầu ao /Ăn sung sung chát, ăn đào đào chua*” và “*Gió đưa cây cải về trời/ Rau răm ở lại chịu lời đắng cay*”. Chính những “cái cò”, “sung chát đào chua”, cây cải về trời đó lại hiển hiện trong kí ức bằng lạng, đẹp đẽ hồn nhiên của ngày thơ. Tác giả đã vận hình ảnh cánh cò vào đời “*mẹ ta*”, như một niềm tri ân thành kính trong nỗi xót xa thương cảm vô bờ. Nhờ đó hình ảnh người mẹ tảo tần, lam lũ hiện lên càng thấm thía và cảm động hơn.
- Câu 5.** Lời ru của mẹ không xa lạ trong thi ca như ta thường thấy, vậy mà những ngôn ngữ rất đời thường của Nguyễn Duy lại khiến ta xốn xang trước phận mình bởi nhà thơ

đã nhận ra “*kiếp con người*” để gì sánh được “*mấy lời mẹ ru*”. “*Mấy lời*” thôi nhưng là sự kết tinh của một cuộc đời và cả nhiều cuộc đời. Nó không chỉ chứa đựng tình mẹ bao la mà còn là những bài học làm người vô cùng quý giá mà chúng ta phải dành cả cuộc đời để học, để thấm và để biết ơn. Nói cách khác, hai câu thơ đã thức tỉnh muôn người, hãy nhìn lại mình trên nẻo về với cõi thiêng liêng.

ĐỀ SỐ 52. THPT HOÀNG HOA THÁM

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm.

(Trích “*Đất Nước*”, Nguyễn Khoa Điềm, NV12, tr118, NXB GD 2008)

- a. Trong đoạn thơ trên, tác giả cảm nhận đất nước về phương diện nào? Nhận xét cách định nghĩa của nhà thơ về Đất Nước.
- b. Chỉ ra và nhận xét cách sử dụng chất liệu văn học dân gian trong đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

- Câu a.**
- Trong đoạn thơ trên, tác giả cảm nhận đất nước ở phương diện không gian địa lý.
 - Bằng những câu thơ có cấu trúc: “*Đất là...*”, “*Nước là...*”, “*Đất Nước là...*” tác giả đã định nghĩa về Đất Nước. Đây là lối tư duy triết tự để giải thích, cắt nghĩa hai tiếng “*Đất Nước*” bằng tư tưởng luận lí chính xác và chân thực. Nếu tách ra làm thành tố ngôn ngữ độc lập thì Đất và Nước có ý nghĩa là không gian sinh tồn về mặt vật chất của con người cá thể. Nếu hợp lại thành một danh từ “*Đất Nước*” thì nó có ý nghĩa tinh thần thiêng liêng, gọi không gian sinh sống của cả một cộng đồng người như những người ruột thịt. Đó là cách nhìn mới mẻ, độc đáo và sâu sắc.
- Câu b.**
- Tác giả đã sử dụng chất liệu dân gian trong câu thơ: “*Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm.*”
 - Câu thơ đậm đà chất dân ca ca dao, đặc trưng của văn hóa Việt xa xưa, gợi nhắc cho ta bài ca dao nổi tiếng:

“Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai

Khăn thương nhớ ai

Khăn chùi nước mắt”.

Cách sử dụng chất liệu văn học dân gian khiến hình ảnh Đất Nước trở nên gần gũi, thân thuộc hơn.

ĐỀ SỐ 53. NGHĨA HÙNG NAM ĐỊNH

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Khi mạng xã hội ra đời, những người cổ xúy thường cho rằng chức năng quan trọng nhất của nó là kết nối. Nhưng trên thực tế phải chăng mạng xã hội đang làm chúng ta đang xa cách nhau hơn?

Tôi đi dự đám cưới, bữa tiệc được chuẩn bị chu đáo, sang trọng từ khâu tiếp khách, lễ nghi cho đến cách chọn thực đơn, loại nhạc biểu diễn trong suốt bữa tiệc. Vậy mà suốt buổi tiệc, nhìn quanh mình đâu đâu tôi cũng thấy có người chăm chú dán mắt vào màn hình điện thoại, mà khỏi nói tôi cũng biết họ đang xem gì qua cách họ tím tím thành từng nhóm vừa chỉ chỗ vào chiếc điện thoại, vừa bình luận, nói cười rôm rả.

(...) Trẻ trung có (số này chiếm đông hơn cả), tâm tâm cũng có. Nói đâu xa, ngay trong bàn tôi cũng thế, mọi người xúm lại chụp ảnh rồi “post” lên Facebook ngay tức thì “cho nó “hot”!”

(“Gần mặt...cách lòng”- Lê Thị Ngọc Vi – Tuổi trẻ Online 04/05/2014)

- 1/ Đoạn văn trên nói về thực trạng gì đang phổ biến hiện nay?
- 2/ Những người đi dự đám cưới ở đoạn văn trên quan tâm tới điều gì? Điều đó trái với sự tiếp đón của gia chủ ra sao?
- 3/ Tác giả đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì khi đặt nhan đề cho bài báo? Em hiểu nhan đề đó như thế nào?
- 4/ Viết một đoạn văn ngắn về cách sử dụng facebook hiệu quả.

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản đã cho:

- Câu 2.** **1.** Đoạn văn trên nói về "căn bệnh" "nghiện... mạng xã hội" của con người trong xã hội hiện đại và hệ quả của nó.
- Câu 2.** **2.** Những người đi dự đám cưới ở đoạn văn trên chỉ quan tâm tới chiếc điện thoại của mình, mạng xã hội, "post" ảnh lên Facebook mà không màng tới xung quanh,

không để tâm đến gia chủ và bữa tiệc mình đang tham dự, đối lập hoàn toàn với sự chuẩn bị chu đáo về mặt tiếp đón và mong muốn một bữa tiệc vui vẻ, thân mật của gia chủ.

Câu 3. **3.** Tác giả đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật đối lập khi đặt nhan đề cho bài báo.

Nhan đề đó được hiểu là: con người đang dần xa cách nhau, có thể ở ngay cạnh nhau nhưng không hề quan tâm đến nhau mà lại chú tâm vào việc khác (mạng xã hội)

Câu 4. Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu:

Về nội dung:

- Facebook là mạng xã hội phổ biến, tiện lợi cho con người nhưng nhiều người đang lạm dụng nó, gây ra nhiều hậu quả.

- Đề facebook phát huy được những lợi ích mà nó mang lại, con người cần:

+ Xác định mục đích sử dụng facebook: liên lạc với bạn bè, cập nhật tin tức...

+ Biết chọn lọc thông tin và kiểm soát được những thông tin mình chia sẻ

+ Dành một lượng thời gian vừa đủ cho nó

...

- Bài học: con người cần thông minh, tỉnh táo để là người điều khiển công nghệ chứ đừng để công nghệ điều khiển mình.

Về hình thức:

- Chỉ viết trong 1 đoạn văn, có câu chủ đề, các câu còn lại hướng vào đề tài.

- Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

ĐỀ SỐ 54. NGUYỄN TRUNG TRỰC LẦN 2

“Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh được bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùng beo đang hùng hục té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đồ ghè cương lái bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đồ vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông dè dặt lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến”

(Trích “Người lái đò sông Đà” – Nguyễn Tuân)

Đọc đoạn văn trên và thực hiện yêu cầu sau:

1. Nêu nội dung chính của đoạn văn?

2. Cụm từ “*cửa sinh*”, “*cửa tử*” trong đoạn văn trên có nghĩa là gì?
3. Xác định các biện pháp tu từ trong đoạn văn? Nêu tác dụng của các phép tu từ ấy?

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Nội dung chính của đoạn văn: Trận thủy chiến giữa ông lái đò và sông Đà (trùng vi thứ hai)
- Câu 2.** “*Cửa sinh*”: lối đi an toàn cho người lái đò
 “*Cửa tử*”: lối đi đầy khó khăn, bất trắc, thử thách ông lái đò.
- Câu 3.** -Các biện pháp tu từ trong đoạn văn và tác dụng:
 + Biện pháp so sánh: “*Cưỡi lên thác sông Đà... như là cưỡi hổ*”, “*dòng thác hùm beo*” cho thấy sự nguy hiểm khi chèo thuyền trên thác sông Đà.
 + Biện pháp nhân hóa: dùng những từ ngữ chỉ con người cho cảnh tượng thác nước sông Đà như: “*hùng hục*”, “*bọn thủy quân*”, “*đưa*”... giúp tác giả miêu tả sinh động, lôi cuốn hơn để người đọc thấy được mức độ cam go, nguy hiểm của “trận chiến”
 -Cùng với cách sử dụng các biện pháp tu từ trên, ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình: “*ghì cương*”, “*lái miết*”, “*đè sấn*”, “*chặt đôi*”... cũng là một đặc sắc nghệ thuật của đoạn này.
 Qua việc miêu tả sự cam go, nguy hiểm của trận chiến, tác giả đã tô đậm vẻ đẹp của người lái đò - ông không chỉ có sức mạnh của lòng dũng cảm mà có cả trí thông minh, bàn tay khéo léo, dẻo dai.

ĐỀ SỐ 55. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 5

Văn bản 1: Đọc bài thơ dưới đây rồi trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

MÙA XUÂN CHÍN

*Trong làn nắng ửng: khói mơ tan.
 Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
 Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
 Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.
 Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
 – Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
 Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.....*

*Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi
 Hồn hển như lời của nước mây.....*

*Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây.....*

*Khách xa vừa lúc mùa xuân chín,
Lòng trí băng khuôn sực nhớ làng.
– Chị ấy năm nay còn gánh thóc.
Đọc bờ sông trắng nắng chang chang ?
(Hàn Mặc Tử)*

Câu 1. Chủ đề của bài thơ trên là gì?

Câu 2. Câu thơ *Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời* gợi anh/chị liên tưởng tới câu thơ nào, của ai? Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai câu thơ.

Câu 3. Phân tích biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

*Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hồn hển như lời của nước mây*

Câu 4. Lý giải tại sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ là “*Mùa xuân chín*”?

Văn bản 2: Đọc văn bản dưới đây rồi trả lời các câu hỏi từ câu 5 đến câu 6:

Thưa quý ngài hội thẩm,

Người bạn tốt mà con người có được trên thế giới này có thể một ngày nào đó hóa ra kẻ thù quay lưng lại chống lại ta. Con cái mà ta nuôi dưỡng với tình yêu thương hết mực rồi có thể là một lũ vô ơn.

Những người gần gũi thân thiết ta nhất, những người ta gửi gắm hạnh phúc và danh dự có thể trở thành kẻ phản bội, phụ bạc lòng tin cậy và sự trung thành. Tiền bạc mà con người có được, rồi sẽ mất đi. Nó mất đi đúng vào lúc ta cần đến nó nhất. Tiếng tăm của con người cũng có thể tiêu tan trong phút chốc bởi một hành động sai lầm. Những kẻ phủ tục tôn vinh ta khi ta còn thành đạt có thể sẽ là những kẻ đầu tiên ném đá và tao khi ta sa cơ lỡ vận. Duy có một người bạn hoàn toàn không vụ lợi mà con người có được trong thế giới ích kỷ này, người bạn không bao giờ ta đi, không bao giờ tỏ ra vô ơn hay trá trở, đó là con chó của ta.

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như trong lúc bần hàn, khi khỏe mạnh, cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề chủ là được. Nó hôn bàn tay ta dù ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta hứng chịu khi ta va chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng dù ta có là một gã ăn mày. Dù khi ta đã tán

gia bại sản, thân bại danh liệt thì vẫn con chó trung thành với tình yêu của nó dành cho ta như thái dương trên bầu trời. Nếu chẳng may số phận đá ta ra rìa xã hội, không bạn bè, , vô gia cư thì con chó trung thành chỉ xin ta một ân huệ là cho nó được đồng hành, cho nó làm kẻ bảo vệ ta trước hiểm nguy, giúp ta chống lại kẻ thù. Và một khi trò đời hạ màn, thân chết rước linh hồn ta đi để lại thân xác ta trong lòng đất lạnh, khi tắt cả thân bằng quyển thuộc đã phui tay sau nắm đất cuối cùng và quay đi để sống tiếp cuộc đời của họ thì khi ấy còn bên nắm mồ ta con chó cao thượng của ta nằm gục mồm giữa hai chân trước, đôi mắt ướt buồn vẫn mở ra cảnh giác, trung thành ngay khi cả ta đã mất rồi.

Câu 5. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt đại chính là gì? Nêu chủ đề văn bản

Câu 6. Chỉ ra phương tiện liên kết văn bản trong đoạn văn sau: “Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như trong lúc bần hàn, khi khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề bên chủ là được. Nó hôn bàn tay ta dù khi ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta hứng chịu khi vạm chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng dù ta có là một gã ăn mày”.

ĐÁP ÁN

Câu 1. Chủ đề: Bức tranh mùa xuân đẹp, xanh tươi, đầy sức sống qua tình yêu tha thiết, mãnh liệt và một nỗi nhớ nhung khắc khoải, da diết của nhân vật trữ tình về một thế giới tươi đẹp giờ chỉ còn trong kí ức.

Câu 2. Câu thơ Hàn Mạc Tử gợi liên tưởng đến hai câu thơ Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

- Điểm giống nhau: đều miêu tả hình ảnh có mùa xuân với không gian rộng mở đến chân trời.

- Khác nhau: Câu thơ Hàn Mạc Tử động hơn, ở đó sắc xanh của trời và màu xanh của cỏ hòa vào làm một với nhau.

Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ là: nhân hóa, so sánh. Học sinh cần nêu được tác dụng của những biện pháp tu từ này: thể hiện được thần thái của tiếng hát màu xuân vừa hồn nhiên trong trẻo vừa thiết tha rạo rục.

Câu 4. Tác giả đặt tên cho bài thơ là “*Mùa xuân chín*” với ý nghĩa: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân trong bài thơ đang ở độ tươi đẹp nhất, viên mãn nhất. Nhưng trạng thái đó cũng đồng nghĩa với việc mùa xuân đang và sẽ trôi qua, cái đẹp không tồn tại vĩnh

hằng, mãi mãi, để lại trong lòng nhà thơ sự nuối tiếc khôn nguôi.

Câu 5. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận. Chủ thể văn bản: sự trung thành tuyệt đối, lối sống đặc biệt nghĩa tình đáng để cho con người suy ngẫm của loài chó.

Câu 6. Phương thức liên kết được sử dụng trong đoạn văn bản là: thế và lặp.

+ Phép thế: "Nó" thay cho "Con chó"

+ Phép lặp: "Nó", "ta"

ĐỀ SỐ 56. YÊN DŨNG BẮC GIANG

*“Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Tỏa nắng xuống lòng sông lấp loáng”*

(Trích “*Nhớ con sông quê hương*”-Tế Hanh)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1/ Xác định phương thức biểu đạt của đoạn thơ

2/ Nội dung chính của đoạn thơ

3/ Tìm và phân tích hiệu quả biểu đạt của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ trong bài “*Nhớ con sông quê hương*” của Tế Hanh và thực hiện các yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú, nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, hiểu được giá trị biểu đạt của tiếng Việt, thấy được tác dụng của biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích.

Yêu cầu cụ thể:

Câu 1. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

Câu 2. Nội dung chính của đoạn thơ: Miêu tả hình ảnh con sông quê hương trong tâm tưởng của nhà thơ - đẹp hiền hòa, êm dịu; đồng thời bày tỏ tình cảm gắn bó với

quê hương của ông.

Câu 3.

- Các biện pháp tu từ trong đoạn thơ:

+ Ẩn dụ hình thức: “*Nước gương trong*”

+ Nhân hóa: “*soi tóc những hàng tre*”

+ So sánh: “*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè*”

- Hiệu quả: Tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, làm nổi bật hình ảnh một dòng sông hiền hòa, thơ mộng và giúp tác giả bày tỏ tình cảm của mình một cách tự nhiên, sinh động, mượt mà.

ĐỀ SỐ 57. NGUYỄN VĂN NGUYỄN CÀ MAU

Cho văn bản sau:

“*Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như đời Lí, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh núi đồi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khối ánh cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lạnh: “Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên “Dải sông Đà bọt nước lênh đênh - Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc”.*

(Trích “*Người lái đò sông Đà*” - Nguyễn Tuân)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1/ Nêu nội dung chính của đoạn trích trên? **(0,5 điểm)**

2/ Trong đoạn văn “*Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa...*” tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác dụng của của biện pháp tu từ đó. **(0,5 điểm)**

3/ Viết một văn ngắn (*không quá 10 dòng*) trình bày cảm nhận của anh (chị) về hình tượng sông Đà qua ngòi bút Nguyễn Tuân trong đoạn văn trên? **(1,0 điểm)**

ĐÁP ÁN

Đọc và bản và thực hiện các yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học để làm bài.
- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú, nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, hiểu được giá trị biểu đạt của tiếng Việt, thấy được tác dụng của biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích.

Yêu cầu cụ thể:

Câu 1. Nội dung chính của đoạn trích:

Đây là đoạn văn tiêu biểu cho phong cách tùy bút Nguyễn Tuân

Nhà văn miêu tả vẻ đẹp trữ tình thơ mộng của sông Đà

ở đoạn hạ lưu.

Câu 2. Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn:

- So sánh: "bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử", "bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa"

Tác dụng:

Những hình ảnh so sánh, liên tưởng mới lạ, độc đáo, bất ngờ giúp nhà văn khắc họa những vẻ đẹp hết sức đa dạng, thơ mộng, trữ tình của cảnh vật ven sông Đà nơi hạ lưu.

Câu 3. Đoạn văn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Về hình thức: viết đúng 1 đoạn văn - tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm qua hàng; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi sai về từ, câu,...

- Về nội dung, cần nêu được các ý:

+ Vẻ đẹp thơ mộng, lãng mạn, trữ tình của sông Đà - một vẻ đẹp vừa tĩnh lặng, yên ả, thanh bình, hoang sơ, cổ kính vừa tươi mới, tràn trề nhựa sống của cảnh vật ven sông Đà.

+ Cách cảm nhận, miêu tả và liên tưởng tài hoa, phóng túng kết hợp miêu tả và bộc lộ cảm nhận chủ quan: "*Thuyền tôi trôi trên Sông Đà...Chao ôi, thấy thêm được giật mình...*". Ngôn từ chọn lọc, tinh tế: "*Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương...*"

ĐỀ SỐ 58. THPT VINH BẢO HẢI PHÒNG

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: "Chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiêng rặng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết..."

(Trích "Chí Phèo" – Nam Cao)

- Nêu vị trí và nội dung cơ bản của đoạn trích?
- Những kiểu câu nào được tác giả sử dụng trong đoạn trích trên?
- Đoạn văn bản trên kể theo giọng của ai?
- Tiếng chửi của Chí Phèo hướng đến đối tượng nào? Tiếng chửi của Chí có ý nghĩa gì?
- Theo em ai đã biến Chí Phèo thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại?

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

- Câu a.** - Vị trí và nội dung cơ bản của đoạn trích: Đoạn trích trên nằm ở đầu tác phẩm.
- Đoạn trích viết về tiếng chửi của Chí Phèo, gây ấn tượng mạnh với người đọc về một Chí Phèo say khướt.
- Câu b.** Những kiểu câu được tác giả sử dụng trong đoạn trích: câu kể, câu hỏi, câu cảm thán.
- Câu c.** Đoạn văn bản trên kể theo giọng của tác giả - ngôi kể thứ ba.
- Câu d.** - Tiếng chửi của "Chí Phèo" hướng đến đối tượng: trời, đời, tất cả làng Vũ Đại, đứa nào không chửi nhau với hắn, đứa chết mẹ nào đẻ ra hắn.

-> đối tượng không cụ thể và ngày càng thu hẹp.

- Tiếng chửi của Chí có ý nghĩa:

+ Bộc lộ bản chất lưu manh, côn đồ, tha hóa của Chí Phèo từ khi đi tù về.

+ Thể hiện nỗi đau khổ, tuyệt vọng và khao khát giao tiếp của một con người cô độc, khốn khổ, bị cộng đồng xa lánh, hắt hủi, khát khao được hòa nhập với cuộc đời, được đối thoại, được coi như một người bình thường trong cộng đồng ấy.

e. Chính giai cấp thống trị, xã hội thực dân phong kiến đã biến Chí Phèo thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

ĐỀ 59. THPT LƯƠNG TÀI 2 BẮC NINH

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Chẳng dại gì em ước nó bằng vàng
Trái tim em anh đã từng biết đấy
Anh là người coi thường của cái
Nên nếu cần anh bán nó đi ngay.*

*Em cũng không mong nó giống mặt trời
Vì sẽ tắt khi bóng chiều đổ xuống
Lại mình em với đêm dài câm lặng
Mà lòng anh xa cách với lòng em.*

*Em chờ về đúng nghĩa trái tim
Biết làm sống những hồng cầu đã chết,
Biết lấy lại những gì đã mất.
Biết rút gần khoảng cách của yêu, tin.*

*Em chờ về đúng nghĩa trái tim em
Biết khao khát những điều anh mơ ước
Biết xúc động qua nhiều nhận thức
Biết yêu anh và biết được anh yêu...*

(Tự hát – Xuân Quỳnh)

1. Phát hiện và chữa các lỗi chính tả trong bài?
2. Những thông tin sau đây đúng hay sai? (Đánh chữ S hoặc Đ vào ô đáp án)

- Bài thơ thuộc đề tài tình yêu
 - Tác giả là một nhà thơ thời chống Pháp.
 - Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú..
 - Bài thơ viết theo ngôn ngữ tự sự.
3. Trong bài thơ, hình ảnh “*Trái tim*” được dùng với ý nghĩa gì?
4. “*Một túp lều tranh hai trái tim vàng*” hay “*Tám lòng vàng*” là những thành ngữ thường dùng để chỉ điều gì? Từ “*vàng*” trong câu thơ đầu có cùng nghĩa với từ “*vàng*” trong các câu thành ngữ trên hay không?

ĐÁP ÁN

Câu 1. Các lỗi chính tả trong bài:

- Chở về -> trở về
- Súc động -> xúc động

Câu 2.

- Bài thơ thuộc đề tài tình yêu -> Đúng
- Tác giả là một nhà thơ thời chống Pháp -> Sai
- Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú -> Sai
- Bài thơ viết theo ngôn ngữ tự sự. -> Đúng

Câu 3.

Trong bài thơ, hình ảnh “*Trái tim*” được dùng với ý nghĩa là tình yêu, tấm lòng của người phụ nữ dành cho “anh”.

Câu 4.

“*Một túp lều tranh hai trái tim vàng*” hay “*Tám lòng vàng*” là những thành ngữ thường dùng để chỉ tình yêu đích thực, chân thành, xuất phát từ hai phía mà không màng vật chất hay lòng tốt của con người.

Từ “*vàng*” trong câu thơ đầu không cùng nghĩa với từ “*vàng*” trong các câu thành ngữ trên, bởi nó chỉ một loại chất liệu.

ĐỀ SỐ 60. THPT ĐỒNG ĐẠU VĨNH PHÚC

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“...Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn...”

(Trích “*Tuyên ngôn độc lập*” – Hồ Chí Minh)

1. Đoạn văn trên viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Em hãy đặt tiêu đề phù hợp cho đoạn văn. **(1,0 điểm)**
2. Nội dung cơ bản của đoạn trích trên? Biện pháp nghệ thuật cơ bản được sử dụng, tác dụng? **(1,0 điểm)**

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

- Câu 1.** - Đoạn văn trên viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận.
- Tiêu đề : Tội ác của thực dân Pháp
- Câu 2.** - Nội dung cơ bản của đoạn trích: nói về những biện pháp, chính sách cai trị, bóc lột, đàn áp dã man của thực dân Pháp đối với nhân dân ta trong suốt gần một trăm năm đô hộ.
- Biện pháp nghệ thuật cơ bản được sử dụng, tác dụng:
+ Điệp từ “*chúng*” và phép lặp cấu trúc câu “*Chúng + cụm động từ*” xuất hiện dày đặc, lồng trong những câu văn song hành -> vạch trần lớp vỏ bọc hoa mỹ bọn thực dân vẫn tuôn ra bấy lâu, nhấn mạnh và khắc sâu ghi nhớ, chỉ rõ kẻ thù của ta cũng như sự đối lập giữa chúng và dân tộc ta.
+ Nghệ thuật liệt kê, hình ảnh ẩn dụ cách thức “*Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*” có tác dụng định tội rắn rỏi, tố cáo toàn diện tội ác của bọn cướp nước, khơi dậy trong lòng mỗi người dân Việt Nam niềm căm giận sâu sắc trước những tội ác man rợ ấy.

ĐỀ SỐ 61. TRẦN QUỐC TUẤN QUẢNG NGÃI

“... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng”

Đọc đoạn văn trên và thực hiện các yêu cầu sau:

- a, Đoạn văn trên được trích từ trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?
- b, Xác định phương thức biểu đạt chính và thể loại của đoạn văn?
- c, Nhà văn đã tập trung sử dụng những từ loại, biện pháp tu từ gì để miêu tả thác nước? Phân tích hiệu quả nghệ thuật của chúng.
- d, Thái độ, tình cảm của tác giả qua việc miêu tả thác nước sông Đà?

ĐÁP ÁN

Ý

Nội dung

Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về tác giả, tác phẩm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích.

Yêu cầu cụ thể

Câu a. Đoạn văn trên trích từ tác phẩm: “ *Người lái đò sông Đà*”.

Tác giả: Nguyễn Tuân

Câu b. Phương thức biểu đạt chính: miêu tả.

Thể loại: tùy bút.

Câu c. * Đoạn văn tập trung sử dụng từ loại là: các động từ mạnh (*réo, van xin, gằn giọng, rống, ...*)

* Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn là:

- Nhân hóa: *Âm thanh tiếng thác nước- rống lên, van xin, gằn giọng*

- So sánh: *Âm thanh tiếng thác nước- như tiếng một ngàn con trâu mộng.*

* Ý nghĩa: góp phần diễn tả âm thanh của thác nước sông Đà, thể hiện tính cách dữ

dội và hung bạo của dòng sông.

- d. Thái độ và tình cảm của tác giả: sự say mê, hứng khởi, khám phá vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội của con sông.

ĐỀ SỐ 62. THPT LÊ QUÍ ĐÔN ĐÔNG ĐÀ

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Hạnh phúc cho dân”, đó là điều Người đã nêu lên trong bản Tuyên ngôn Độc lập: “dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Hạnh phúc mà Người muốn đem lại cho dân là một niềm hạnh phúc trọn vẹn. Hạnh phúc đó không chỉ ở những thành quả mà hôm nay cách mạng vừa đem lại cho toàn dân. Hạnh phúc đó còn đang tiếp tục đến với nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh để tiêu diệt tận cùng nguồn gốc mọi khổ đau của con người, xây dựng nên một xã hội mà mọi hiện tượng người bóc lột người đều hoàn toàn bị xóa bỏ. Trong cuộc đấu tranh vĩ đại ấy, Đảng và Hồ Chủ tịch đã chọn cho nhân dân ta một con đường ngắn nhất.

“Hạnh phúc cho dân”, đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững, bảo vệ chính quyền ấy. Đó là lí tưởng của Người. Đó cũng là tâm lòng của Người.

(Trích “*Những năm tháng không thể nào quên*” – Võ Nguyên Giáp, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2010, tr.209)

- Những từ ngữ được gạch chân thuộc loại ngôn ngữ nào trong các ngôn ngữ sau:
A: Ngôn ngữ sinh hoạt
B: Ngôn ngữ chính luận
C: Ngôn ngữ khoa học
D: Ngôn ngữ báo chí
- Việc sử dụng từ “*hạnh phúc*” trở đi trở lại nhiều lần có ý nghĩa gì?
- Văn bản gợi nhắc đến văn kiện lịch sử trọng đại nào của dân tộc? Nêu ý nghĩa lịch sử của văn kiện đó.
- Hình tượng con người được nhắc đến trong văn bản trên là ai? Ấn tượng sâu sắc nhất của anh/chị về con người ấy sau khi đọc văn bản?
- Văn bản thể hiện tình cảm gì của tác giả Võ Nguyên Giáp?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi:

- Câu 1. Đáp án B

- Câu 2.** Việc sử dụng từ “*hạnh phúc*” trở đi trở lại nhiều lần nhằm nhấn mạnh, làm nổi bật lí tưởng cao đẹp của Người là đem lại “*hạnh phúc cho dân*”.
- Câu 3.** - Văn bản nhắc đến văn kiện lịch sử trọng đại của dân tộc: “*Tuyên ngôn Độc lập*”.
- Ý nghĩa của văn kiện:
+ Tuyên bố xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, khẳng định quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.
+ Khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - hoàn toàn độc lập, tự chủ.
+ Khẳng định khát vọng độc lập, tự do và quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.
- Câu 4.** Hình tượng con người được nhắc đến trong văn bản trên là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ấn tượng về Người sau khi đọc văn bản: một con người có lí tưởng và tấm lòng cao cả, đẹp đẽ, luôn hết lòng vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc nói riêng và giải phóng con người cần lao trên thế giới nói chung.
- Câu 5.** Văn bản thể hiện sự kính trọng, ngợi ca, ngưỡng mộ, biết ơn của đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

ĐỀ SỐ 63. HỒNG LĨNH HÀ TĨNH

Đọc văn bản:

“Liệu bạn có hạnh phúc hơn nếu bạn giàu có hơn? Nhiều người tin rằng “có”. Nhưng các nhà nghiên cứu trong nhiều năm qua chỉ ra rằng người có nhiều tiền bạc dồi dào hơn chỉ hạnh phúc hơn rất ít so với những người có thu nhập thấp. Thậm chí chưa chắc đã hạnh phúc hơn.

Tính trung bình, dân Mỹ giàu hơn dân Niu Di-lân nhưng họ không hạnh phúc hơn. Người dân ở những nước giàu có như Áo, Pháp và Đức dường như cũng chẳng hạnh phúc hơn là bao so với những người dân ở các nước nghèo hơn như Bra-xin, Cô-lôm-bi-a và Phi-líp-pin.

Tuy nhiên, so sánh giữa các nước có nền văn hóa khác nhau thì rất khó. Song nếu so sánh các mức thu nhập ở cùng một nước trong các thời điểm khác nhau thì cũng cho thấy tăng thu nhập không làm thay đổi đáng kể hạnh phúc của con người (trừ mức thu nhập quá thấp). Ngày nay, dân Mỹ giàu có hơn so với năm mươi năm trước nhưng họ không hạnh phúc hơn. Một gia đình Mỹ thu nhập trung bình vào khoảng 50000 – 90000 USD/năm có mức hạnh phúc gần giống với những gia đình Mỹ khá giả, thu nhập hơn 90000 USD/năm. Theo khảo sát mới đây của tờ Nam Phương cuối tuần (Quảng Châu, Trung Quốc), những triệu phú ở Trung Quốc (có mức tài sản trung bình là 2,2 tỉ nhân dân tệ, tương đương 275 triệu USD) vẫn cảm thấy bất an và lo lắng mặc dù họ có vị thế xã hội và được hưởng cảm giác thỏa mãn mà tài sản của họ mang lại.

...Tất nhiên, ý tưởng tiền bạc không mua được hạnh phúc thì “xưa như trái đất” rồi. Nhiều tôn giáo cũng khuyên con người rằng sự gắn bó với những sở hữu vật chất khiến chúng ta không hạnh

phúc. Ban nhạc Bít-ton cũng nhắc nhở chúng ta là tiền không thể mua được tình yêu (“money can’t buy me love) và những điều tốt đẹp nhất trên đời lại không mất tiền mua (“The best things in life are free”)...

Tuy nhiên, dường như có gì đó rất mâu thuẫn về điều này. Nếu tiền bạc không mang lại hạnh phúc thì tại sao tất cả chính phủ các nước lại tập trung vào việc tăng thu nhập quốc dân theo đầu người? Tại sao rất nhiều người trong chúng ta lại phải cố gắng sức để kiếm nhiều tiền hơn nếu tiền bạc không làm chúng ta hạnh phúc hơn?

Có lẽ câu trả lời nằm ở bản chất của chúng ta là con người luôn sống có mục đích. Chúng ta phải làm việc để kiếm ăn, tìm bạn đời và nuôi dạy con. Tích lũy tiền đến một mức nào đó để mang lại một sự bảo đảm cho những thời kì khó khăn. Tiền cũng là một cách thức đo độ thành công của chúng ta. Và tiền là một mục tiêu cần cầu viện đến khi chúng ta chán làm bất cứ việc gì và không thể nghĩ ra lí do nào khác để làm việc. Kiếm tiền khiến chúng ta phải làm việc gì đó để cảm thấy mình có ích, khi chúng ta không biết rõ tại sao chúng ta đang làm việc”.

(Theo Thương Vũ, “Hạnh phúc và tiền bạc”, tuoitreonline, 13 – 5- 2007)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Văn bản bàn về vấn đề gì? Quan điểm của tác giả về vấn đề đó như thế nào? (1,0 điểm)
2. Tìm các ý chính của văn bản. Nhận xét về cách sắp xếp các ý đó. (1,0 điểm)
3. Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả không? Vì sao? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Câu 1.**
- Văn bản bàn về vấn đề hạnh phúc và tiền bạc.
 - Quan điểm của tác giả về vấn đề đó: Không phải nhiều tiền bạc sẽ làm chúng ta hạnh phúc hơn, nhưng chúng ta vẫn ra sức kiếm tiền bởi điều đó khiến ta thấy mình có ích hơn.
- Câu 2.**
- Các ý chính của văn bản:
 - + Người có tiền bạc dồi dào hơn chỉ hạnh phúc hơn rất ít so với người có mức thu nhập thấp, thậm chí chưa chắc đã hạnh phúc hơn (đoạn văn 1,2,3)
 - + Tiền bạc không mua được hạnh phúc là quan điểm đã có từ lâu. (đoạn văn 4)
 - + Lí giải mục đích con người muốn kiếm nhiều tiền ngay cả khi tiền bạc không mang lại hạnh phúc. (đoạn văn 5,6)
 - Nhận xét cách sắp xếp các ý:
 - + Cách sắp xếp các ý chính theo lối diễn dịch [đoạn 1,2,3] rất khoa học, logic, khiến tác giả đưa ra lí lẽ, quan điểm một cách thuyết phục.
 - + Câu hỏi phản đề ở đoạn 5 vừa tạo sự liên kết vừa gây ấn tượng mạnh, thu hút,

lôi cuốn người đọc.

Câu 3. Học sinh trình bày quan điểm cá nhân, đưa ra các lí lẽ, dẫn chứng phù hợp để bảo vệ quan điểm ấy.

ĐỀ SỐ 64. THPT LÊ HỒNG PHONG HỒ CHÍ MINH

Người đứng trên đài, lặng phút giây,

Trông đàn con đó, vẫy hai tay,

Cao cao vầng trán... Ngời đôi mắt,

Độc lập bây giờ mới thấy đây!

(Trích “*Theo chân Bác*” – Tố Hữu)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

a/ Xác định phương thức biểu đạt của đoạn thơ.

b/ Nội dung chính của đoạn thơ là gì?

c/ Khi đọc “*Tuyên ngôn Độc Lập*”, Hồ Chí Minh đã “*lặng phút giây*”. Anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn lý giải vì sao Bác có cảm xúc đó.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ: tự sự, miêu tả và biểu cảm.

Câu 2. Nội dung chính của đoạn thơ: khắc họa giây phút Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc Lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

Câu 3. - Hình thức:

+ Viết đúng hình thức của một đoạn văn, có câu chủ đề, các câu còn lại hướng vào chủ đề của các đoạn.

+ Không mắc lỗi diễn đạt, đảm bảo liên kết câu.

- Nội dung: Lý giải nguyên nhân Bác đã “lặng phút giây”: Đất nước Việt Nam đã phải trải qua biết bao khó khăn, thử thách mới giành được độc lập. Hai chữ “độc lập” ấy là lí tưởng cao cả mà Người đã dành cả cuộc đời để theo đuổi. Hai chữ “độc

lập" ấy được đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt và biết bao máu của người dân Việt Nam. Bởi vậy, “lặng phút giây” là sự xúc động, nghẹn ngào của Bác trước niềm vui, niềm hạnh phúc sau bao tháng ngày gian khổ của toàn dân.

ĐỀ SỐ 65. THPT HƯƠNG SƠN HÀ TĨNH

Câu I (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời theo nội dung câu hỏi dưới:

“Vào ngày 04/12 tại Đồng Nai, tài xế Hồ Kim Hậu (30 tuổi, quê Bình Định) lái xe tải chở khoảng 1500 thùng bia Tiger gặp tai nạn. Lập tức những người “hôi của” tranh nhau giành giật các thùng còn nguyên bị rớt xuống và thu gom các lon bia văng ra khỏi thùng. Trong đó, nhiều người lấy cả những thùng bia nguyên vẹn, một số người thì lấy túi đựng lon bia lẻ... Đông nghịt người tập trung kín tại hiện trường để “hôi của” và không ai dừng lại hành vi đáng xấu hổ này dù tài xế van xin, gào khóc thảm thiết. Một số còn dọa đánh khi bị tài xế ngăn lại. Hậu quả là chỉ sau khoảng 15 phút, số lượng lon bia bị rớt xuống đường đã bị mọi người hốt sạch”

1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? Nêu những đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ đó?(1,0 điểm)
2. Từ “ hôi của” được sử dụng trong văn bản có ý nghĩa gì?(0,5 điểm)
3. Mục đích chính tác giả viết văn bản này là (0,5 điểm)
 - a, Nêu một hiện tượng xã hội
 - b, Cung cấp thông tin thời sự và bày tỏ thái độ
 - c, Bàn về hiện tượng giao thông
 - c, Khẳng định sự phổ biến của hiện tượng
4. Từ nội dung chính của văn bản trên, anh/ chị hãy viết 3 câu văn, bình luận về sự vô cảm (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản trữ tình để làm bài
- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về tác giả, tâm tình của tác phẩm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử

dụng trong đoạn trích

Yêu cầu cụ thể

- Câu 1.** - Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí.
- Những đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ báo chí:
+ Tính thông tin, thời sự: kể lại sự việc có thật diễn ra trong ngày là sự việc bà con Đồng Nai "hôi" bia của một người tài xế chở bia thuê.
+ Tính ngắn gọn: Toàn bộ sự việc được phản ánh lại chỉ trong một tin văn khoảng 100 từ. Trong đó, tác giả đã cung cấp cho người đọc đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, các đối tượng trong vụ việc, diễn biến, thái độ của các đối tượng...
+ Tình sinh động, hấp dẫn: Lời văn bày tỏ thái độ phản đối rất rõ ràng của người viết "không ai dừng lại hành vi đáng xấu hổ này..."
- Câu 2.** Từ "ôi của" trong văn bản trên được sử dụng với ý nghĩa: ăn cướp (lợi dụng lúc người bị nạn lâm vào hoàn cảnh khó khăn để biến tài sản của người thành của mình)
- Câu 3.** Mục đích chính mà tác giả viết văn bản này đó là: Nêu một hiện tượng xã hội.
- Câu 4.** - Về hình thức: đảm bảo 3 câu văn
- Về nội dung cần trình bày được một số ý như sau:
+ Vô cảm là căn bệnh tràn lan trong xã hội với những biểu hiện như: dửng dưng, thờ ơ, mặc kệ, điển hình là thái độ của không ít người dân Đồng Nai trong sự việc trên.
+ Nguyên nhân: Do cách sống vị kỉ của mỗi con người, thờ ơ với tất cả mọi thứ xung quanh; do nhịp sống, guồng quay hối hả, đầy tốc độ của xã hội thời hiện đại.
+ Tác hại, hậu quả: đánh mất đi lương tâm, phẩm chất đạo đức, gây ra những mất mát thiệt hại to lớn về tiền bạc, của cải...

ĐỀ SỐ 66. PHAN ĐĂNG LƯU THỪA THIÊN HUẾ

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

"...Trời ơi! Hấn thèm lương thiện, hấn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hấn. Thị có thể sống yên ổn với hấn thì làm sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hấn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ lại nhận hấn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện. Hấn bản khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn. Hấn thấy tự nhiên nhẹ người. Hấn bảo thị:

- *Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?*

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hấn thấy thế cũng không có gì là xấu".

- 1/ Xác định phương thức biểu đạt chính và phong cách ngôn ngữ của trích đoạn văn bản (0,5 điểm)
- 2/ Lược lời Chí Phèo “Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?” có hàm ý gì? (0,5 điểm)
- 3/ Ngôn ngữ kể chuyện trong đoạn trích có điểm gì đặc sắc? Nêu ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tâm trạng Chí Phèo. (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn trích trong tác phẩm “Chí Phèo” của Nam Cao và thực hiện các yêu cầu:

Yêu cầu chung:

Câu này kiểm tra năng lực đọc – hiểu của học sinh, đòi hỏi phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu văn bản tự sự để làm bài

Cảm nhận của học sinh có thể phong phú nhưng cần nhận ra phương thức biểu đạt và kiểu loại phong cách ngôn ngữ, nắm bắt được tâm trạng nhân vật, ngôn ngữ kể chuyện của nhà văn.

Yêu cầu cụ thể:

- Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm
Phong cách ngôn ngữ: Nghệ thuật
- Câu 2.** Lược lời Chí Phèo: “*Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?*” có hàm ý: Chí Phèo đang hạnh phúc vì nhận được sự chăm sóc ân cần và đầy tình người của thị Nở, khát vọng hạnh phúc muốn được kéo dài với thị, được ở mãi bên thị.
- Câu 3.** - Ngôn ngữ kể chuyện đặc sắc ở sự hòa quyện giữa lời nhân vật Chí Phèo và lời người kể tạo được lời trần thuật nửa trực tiếp
- Ý nghĩa : Giúp nhà văn đi sâu khám phá diễn biến tâm lí nhân vật một cách biện chứng; diễn tả được niềm hi vọng, khát vọng lương thiện đang bùng lên mãnh liệt trong Chí Phèo.

ĐỀ SỐ 67. SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

...(1) Kì thực thời gian nhàn rỗi là vô cùng quý báu. Đó là thời gian để mỗi người sống cuộc sống của riêng mình. Đó là thời gian để đọc sách báo, tự học, xem ti vi, chơi thể thao, đàn hát, múa nháy, vẽ tranh, làm thơ, đi mua sắm, giao lưu với bạn bè, thăm viếng những người ruột thịt... Thời gian nhàn rỗi làm cho con người ta giàu có hơn về mặt trí tuệ, tăng cường thêm về mặt sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ. Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nàn, thậm chí không còn cuộc sống riêng nữa!

...(2) *Đánh giá đời sống mỗi người cao hay thấp hãy nhìn vào thời gian nhàn rỗi của họ. Có người làm việc “đầu tắt mặt tối” không có lấy chút nhàn rỗi. Có người phung phí thời gian ấy vào những cuộc nhậu nhẹt triền miên. Có người biết dùng thời gian ấy để phát triển chính mình. Phải làm sao để mỗi người có thời gian nhàn rỗi và biết sử dụng hữu ích thời gian ấy là một vấn đề lớn của xã hội có văn hóa.*

...(3) *Đánh giá đời sống xã hội cũng phải xem xã hội ấy đã tạo điều kiện cho con người sống với thời gian nhàn rỗi của mình như thế nào. Công viên, bảo tàng, thư viện, nhà hát, câu lạc bộ, sân vận động, điểm vui chơi... là những cái không thể thiếu. Xã hội càng phát triển thì các phương tiện ấy càng nhiều, càng đa dạng và hiện đại.*

(Phỏng theo Hữu Thọ)

Câu 1: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên? Đặt tiêu đề cho văn bản (0,5 điểm)

Câu 2: Tác giả đã sử dụng thao tác lập luận chủ yếu nào trong đoạn văn bản trên? (0,25 điểm)

Câu 3: Theo tác giả của bài viết thời gian nhàn rỗi có liên quan gì đến những vấn đề trong xã hội? (0,5 điểm)

Câu 4: Anh/chị hãy nêu quan điểm riêng của mình về vấn đề thời gian nhàn rỗi của giới trẻ ngày nay trong khoảng 5-7 dòng (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xào xác, gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chấp chôn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ mẹ tôi, thuở thiếu thời
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi,
\
Hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ
Hãy còn mừng tượng lúc vào ra;
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.

(*Nắng mới* – Lưu Trọng Lư, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học)

Câu 5: Trong đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 6: Theo tác giả, yếu tố nào của ngoại cảnh đã khơi gợi dòng hồi tưởng về mẹ? (0,25 điểm)

Câu 7: Nêu nội dung chính của đoạn thơ? (0,5 điểm)

Câu 8: Nhận xét của em về mối quan hệ giữa nắng mới và mẹ tôi trong bài thơ? (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu văn bản:

- Câu 1.** - Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên: *“Kì thực thời gian nhàn rỗi là vô cùng quý báu”*.
- Đặt tiêu đề cho văn bản: Thời gian nhàn rỗi – thứ tài sản quý báu.
- Câu 2.** Thao tác lập luận được tác giả sử dụng chủ yếu trong đoạn văn bản trên là thao tác lập luận phân tích.
- Câu 3.** Theo tác giả của bài viết, thời gian nhàn rỗi là yếu tố để đánh giá đời sống cao hay thấp của mỗi con người, *“để mỗi người có thời gian nhàn rỗi và biết sử dụng hữu ích thời gian ấy là một vấn đề lớn của xã hội có văn hóa”*.
- Câu 4.** Quan điểm riêng về vấn đề thời gian nhàn rỗi của giới trẻ ngày nay:
- Một bộ phận giới trẻ biết sử dụng hợp lí và hữu ích thời gian nhàn rỗi để giải tỏa căng thẳng, đồng thời nâng cao hiểu biết, tri thức cho bản thân.
- Bên cạnh đó còn tồn tại một bộ phận không nhỏ các bạn trẻ chưa biết tận dụng thời gian rảnh rỗi của mình, lãng phí nó vào những việc làm vô bổ, thậm chí mang lại những ảnh hưởng xấu cho bản thân.
- Câu 5.** Trong đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 6.** Theo tác giả, yếu tố ngoại cảnh đã khơi gợi dòng hồi tưởng về mẹ đó chính là sự xuất hiện của nắng mới.
- Câu 7.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ: Những dòng hồi tưởng đẹp mà đầy xúc động về mẹ, qua đó thể hiện tình yêu mẹ của tác giả.
- Câu 8.** Mối quan hệ giữa nắng mới và mẹ tôi trong bài thơ: Nắng mới là hình ảnh gắn liền với những kí ức về mẹ, gần gũi, thân thuộc, dường như là hình ảnh tượng trưng cho mẹ, mỗi lần nhìn thấy nắng mới là tác giả liên tưởng tới mẹ của mình.

ĐỀ SỐ 68. NGUYỄN BÌNH KHIÊM VĨNH LONG

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Đọc, trong nghĩa đó là một trò chơi. Nơi mỗi người đọc có ba nhân vật chồng lên nhau, tác động lên nhau. Một là người đọc bằng xương bằng thịt, hai chân đứng đất, vẫn còn ý thức liên hệ với thế giới bên ngoài. Hai là, người đọc bị lôi cuốn, đang ngao du trong thế giới tưởng tượng của cảm xúc. Đó là người đang chơi. Ba là, người đọc suy tư, đưa vào trò chơi sự chú ý, sự suy nghĩ, sự

phán đoán của tri thức. Đó là phút giây của trí tuệ có khả năng đưa người đọc lùi ra khỏi bài văn, mở một khoảng cách để diễn dịch. Người đọc vẫn ý thức rằng mình đang chơi nhưng biết phán đoán. Ba tay chơi là một trong việc đọc, chơi với nhau một trò chơi tinh tế khiến người đọc vừa bị lôi cuốn vừa biết dừng lại, vừa tham dự vừa cách biệt với bài văn. Tư thế của người đọc văn là vậy: tham dự và cách biệt qua lại không dứt quãng.”

(Trích “Chuyện trò” – Cao Huy Thuần, NXB Trẻ, 2013)

1. Xác định thao tác lập luận chính trong đoạn văn? (0.25 điểm)
2. Đoạn văn được viết theo kiểu nào? (0.25 điểm)
3. Nêu nội dung chính của văn bản? (0.5 điểm)
4. Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? (0.5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

(...)

*“Tuổi thơ chân đất đầu trần
Từ trong lấm láp em thâm lớn lên
Bây giờ xinh đẹp là em
Em ra thành phố dần quên một thời*

*Về quê ăn Tết vừa rồi
Em tôi áo chèn, em tôi quần bò
Gặp tôi, em hỏi hững hờ
“Anh chưa lấy vợ, còn chờ đợi ai?”*

*Em đi để lại chuỗi cười
Trong tôi vỡ... một khoảng trời pha lê.*

*Trăng vàng đêm ấy bờ đê
Có người ngồi gỡ lời thề cỏ may...”*

(Phạm Công Trứ)

5. Xác định các phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ? (0.5đ)
6. Anh/chị hiểu như thế nào về hai câu thơ: (0.5đ)

“Em đi để lại chuỗi cười

Trong tôi vỡ... một khoảng trời pha lê”?

7. Anh/chị nhận xét như thế nào về hai nhân vật trữ tình “tôi” và “em” trong đoạn thơ ? (0.5đ)

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu văn bản :

- Câu 1.** Xác định thao tác lập luận chính trong đoạn văn: Phân tích.
- Câu 2.** Đoạn văn được viết theo kiểu: Diễn dịch
- Câu 3.** Nêu nội dung chính của văn bản: Cách đọc, tư thế của một người đọc văn thật sự.
- Câu 4.** Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ: Phong cách ngôn ngữ khoa học.
- Câu 5.** Xác định các phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ : Tự sự, biểu cảm
- Câu 6.** Trình bày cách hiểu của bản thân về hai câu thơ :

“Em đi để lại chuỗi cười

Trong tôi vỡ... một khoảng trời pha lê”

- Sự vô tâm, vô tình của “em”

- Tâm trạng nuối tiếc, hụt hẫng, ngỡ ngàng của “tôi” trước sự thay đổi của

“em”

Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, chặt chẽ, có cơ sở từ văn bản thơ.

- Câu 7.** Nêu nhận xét về hai nhân vật trữ tình “tôi” và “em” trong đoạn thơ :

+ “Tôi”: giàu tình cảm, thủy chung, hồn nhiên tin yêu và đợi chờ.

+ “Em”: vô tâm, vô tình, dễ đổi thay.

ĐỀ SỐ 69. NGUYỄN DU ĐẮC LẮC

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

Trong dòng đời vội vã có nhiều người dường như đã quên đi tình nghĩa giữa người với người. Nhưng đã là cuộc đời thì đâu phải chỉ trải đầy hoa hồng, đâu phải ai sinh ra cũng có được cuộc sống giàu sang, có được gia đình hạnh phúc toàn diện mà còn đó nhiều mảnh đời đau thương, bất hạnh cần chúng ta sẻ chia, giúp đỡ. Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác. (Đó chính là sự “cho” và “nhận” trong cuộc đời này)

“Cho” và “nhận” là hai khái niệm tưởng chừng như đơn giản nhưng số người có thể cân bằng được nó lại chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Ai cũng có thể nói “Những ai biết yêu thương sẽ sống tốt đẹp hơn” hay “Đúng thế, cho đi là hạnh phúc hơn nhận về”. Nhưng tự bản thân mình, ta đã làm được những gì ngoài lời nói? Cho nên, giữa nói và làm lại là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình. Đâu phải ai cũng quên mình vì người khác. Nhưng xin đừng quá chú trọng đến cái tôi của chính bản thân mình. Xin hãy sống vì mọi người để cuộc sống không đơn điệu và để trái tim cỏ những nhịp đập yêu thương.

Cuộc sống này có qua nhiều điều bất ngờ nhưng cái quan trọng nhất thực sự tồn tại là tình yêu thương. Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi. Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất.

(Trích “Lời khuyên cuộc sống...”)

[Nguồn: radiovietnam.vn/.../xa.../loi-khuyen-cuoc-song-suy-nghi-ve-cho-va-nhan]

Câu 1. Trong văn bản trên, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)

Câu 2. Nêu nội dung chính của văn bản trên? (0,25 điểm)

Câu 3. Hãy giải thích vì sao người viết cho rằng: “Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình”? (0,5 điểm)

Câu 4. Cho biết suy nghĩ của anh/chị về quan điểm của người viết: “Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất”. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Đêm sao sáng

*Đêm hiện dần lên những chòm sao
Lòng trời đương thấp bỗng nhiên cao
Sông Ngân đã tỏ đôi bờ lạnh
Ai biết cầu Ô ở chỗ nào?*

(...) *Chùm sao Bắc Đẩu sáng tinh khôi*

*Lộng lẫy uy nghi một góc trời
Em ở bên kia bờ vĩ tuyến
Nhìn sao sao thức mấy năm rồi!*

*Sao đặc trời, sao sáng suốt đêm
Sao đêm chung sáng chẳng chia miền*

*Trời còn có bữa sao quên mọc
Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.*

Nguyễn Bính, Tháng 12 – 1957.

Câu 5. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ? (0,25 điểm)

Câu 6. Đoạn thơ trên được viết theo thể loại nào? (0,25 điểm)

Câu 7. Nêu tác dụng nghệ thuật của hai biện pháp tu từ được sử dụng ở cuối của đoạn thơ (0.5 điểm)

Câu 8. Cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật trữ tình được gửi gắm trong đoạn thơ trích?
Trả lời trong khoảng 5-7 dòng (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu văn bản:

Câu 1. Trong văn bản trên, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận: phân tích

Câu 2. Nội dung chính của đoạn văn: bàn về “cho” và “nhận” trong cuộc sống.

Câu 3. Người viết cho rằng: “*Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình*” bởi vì đó là sự “cho” xuất phát từ tấm lòng, từ tình yêu thương thực sự, không vụ lợi, không tính toán hơn thiệt.

Câu 4. Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng phải nhấn mạnh được đó là quan điểm hoàn toàn đúng đắn, đúng với mọi người, mọi thời đại, như là một quy luật của cuộc sống, khuyên mỗi người hãy cho đi nhiều hơn để được nhận lại nhiều hơn.

Câu 5. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

Câu 6. Đoạn thơ được viết theo thể thơ 7 chữ.

Câu 7. - Hai biện pháp tu từ được sử dụng ở cuối của đoạn thơ: Cấu trúc câu “*chẳng...chẳng...*” và nghệ thuật đối lập tương phản trong hai câu thơ:

“Trời còn có bữa sao quên mọc

Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.”

- Tác dụng: Khẳng định, nhấn mạnh, khắc sâu nỗi nhớ mà anh dành cho em là thường trực, đều đặn ngày này qua ngày khác, vượt qua cả hiện tượng thiên nhiên (sao có đêm không mọc nhưng nỗi nhớ mà anh dành cho em thì đêm nào cũng hiển hiện)

Câu 8. Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng phải nhấn mạnh được tâm trạng

của nhân vật trữ tình được gửi gắm trong đoạn thơ trích đó là nỗi nhớ thương khắc khoải, khôn nguôi đối với người con gái trong xa cách.

ĐỀ SỐ 70. CHUYỆN TRẦN PHÚ HẢI PHÒNG

"... Thời gian đã lùi xa, nhưng Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

Đó là bài học về tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa chống giặc đói, giặc dốt, vừa chống giặc ngoại xâm, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù cho chúng có mạnh tới đâu.

Bài học về phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Bài học về phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và sáng tạo, tìm tòi, xác định đúng đường lối cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Bài học về xây dựng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. "

(Trích Diễn văn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Lễ mít tinh, diễu binh, diễu hành kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 7/5/1954 - 7/5/2014)

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0.25 điểm) ^ X. V

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó. (0.5 điểm)

Câu 3. Cụm từ “*một mốc son chói lọi trong lịch sử*” nói lên điều gì? (0.25 điểm)

Câu 4. Đặt tiêu đề cho văn bản trên. (0.25 điểm)

Câu 5. Anh/chị hãy bày tỏ cảm xúc của bản thân về Chiến thắng Điện Biên Phủ. Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng. (0.25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 6 đến Câu 8:

Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa

Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa

Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh.

Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh

(Trích *Chợ tết* - Đoàn Văn Cừ)

Câu 6. Chỉ ra các phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên. (0.5 điểm)

Câu 7. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0.25 điểm)

Câu 8. Xác định các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên. Nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ đó. (0.75 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2. - Biện pháp nghệ thuật được sử dụng nhiều nhất trong văn bản: biện pháp điệp cấu trúc câu “*bài học về...*” kết hợp với biện pháp liệt kê.

- Tác dụng: Nhấn mạnh những bài học to lớn, quý giá mà chiến thắng Điện Biên Phủ mang lại.

Câu 3. Cụm từ “*một mốc son chói lọi trong lịch sử*” nói lên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ mang ý nghĩa to lớn, vĩ đại, để lại dấu ấn quan trọng trong lịch sử dân tộc.

Câu 4. Đặt tiêu đề cho văn bản: *Những bài học quý báu từ chiến thắng Điện Biên Phủ.*

Câu 5. Cảm xúc của bản thân về Chiến thắng Điện Biên Phủ: Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau song cần nhấn mạnh cảm xúc tự hào về chiến thắng của dân tộc, lòng biết ơn đối với các thế hệ đi trước, đồng thời có ý thức học tập rèn luyện để xứng đáng với công lao của ông cha.

Câu 6. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ: miêu tả, biểu cảm.

Câu 7. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ bát ngôn.

Câu 8. - Các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ: so sánh, nhân hóa.
- Hiệu quả nghệ thuật: Làm cho bức tranh mùa xuân hiện lên thật tươi sáng, đầy sức sống, vừa duyên dáng vừa sinh động, giàu sức gợi hình gợi cảm.

ĐỀ SỐ 71. CHUYÊN LONG AN TỈNH LONG AN

Đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3:

Ngày xưa, Trần Hưng Đạo khuyên vua chước giữ nước hay hơn cả là “lúc bình thời, khoan sức cho dân để kế sâu rễ, bền gốc”. Nguyễn Trãi chê Hồ Quý Ly để mất nước vì chỉ biết ngăn sông

cán giặc, mà không biết lấy sức dân làm trọng. Các đảng anh hùng dân tộc đều lập nên công lớn, đều rất coi trọng sức dân để giữ nước, chống giặc.

Ngày nay, Hồ Chủ Tịch kêu gọi: “Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm”. Người nói: phải “dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân”. Khác với người xưa, Hồ Chủ Tịch chỉ rõ: Làm những việc đó là “để mưu cầu hạnh phúc cho dân”.

(Những ngày đầu của nước Việt Nam mới – Võ Nguyên Giáp)

Câu 1. Đặt nhan đề cho phân trích trên? (0,5 điểm)

Câu 2. Phần trích trình bày ý theo trình tự nào? (0,25 điểm)

Câu 3. Tác giả đưa những nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly vào đoạn văn thứ nhất để tạo hiệu quả lập luận như thế nào? Trả lời trong khoảng 4-6 dòng. (0,25 điểm)

Đọc hai đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 4 đến Câu 8:

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.*

(Mẹ và quả - Nguyễn Khoa Điềm)

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

(Trong lời mẹ hát – Trương Nam Hương)

Câu 4. Nêu hai phương thức biểu đạt nổi bật trong đoạn thơ thứ nhất. (0,25)

Câu 5. Xác định thể thơ của đoạn thơ thứ hai. (0,25 điểm)

Câu 6. Xác định nghệ thuật tương phản trong từng đoạn thơ trên? (0,5 điểm)

Câu 7. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa trong câu thơ “Thời gian chạy qua tóc mẹ”? (0,5 điểm)

Câu 8. Những điểm giống nhau về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ trên là gì? Trả lời trong khoảng 6-8 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1.

Nhan đề: Lấy dân làm trọng/ Vì dân/ Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh.

Câu 2.

Phần trích trình bày ý theo trật tự thời gian/ ngày xưa –ngày nay.

Câu 3.

Tác giả đưa những nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly vào đoạn văn thứ nhất nhằm làm nổi bật những điểm kế thừa và khác biệt với truyền thống trong tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh – được nói đến ở đoạn văn thứ hai. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, chặt chẽ.

Câu 4.

Hai phương thức biểu đạt nổi bật trong đoạn thơ thứ nhất: Miêu tả, biểu cảm.

Câu 5.

Thể thơ của đoạn thơ thứ hai: thơ sáu tiếng hiện đại/ thơ tự do sáu tiếng/ thơ sáu tiếng.

Câu 6.

Xác định nghệ thuật tương phản trong đoạn thơ thứ nhất: tương phản giữa “*Lũ chúng tôi... lớn lên*” và “*bí và bầu lớn xuống*”; trong đoạn thơ thứ hai: tương phản giữa “*Lung mẹ... còng dần xuống*” và “*con ngày một thêm cao*”.

Câu 7.

Hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa trong câu thơ “*Thời gian chạy qua tóc mẹ*”: Nhân hóa “*Thời gian*” qua từ “*chạy*”, cho thấy thời gian trôi nhanh làm cho mẹ già nua và người con xót xa thương mẹ.

Câu 8.

Hai đoạn thơ trên có điểm giống nhau về nội dung: Bộc lộ niềm xót xa và lòng biết ơn của con trước những hi sinh thầm lặng của mẹ; về nghệ thuật: ngôn ngữ tạo hình, biểu cảm, biện pháp tương phản, nhân hóa. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

ĐỀ SỐ 72. CHUYÊN HÙNG VƯƠNG PHÚ THỌ LẦN 2

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

“Nhiều người An Nam thích bấp bẹ năm ba tiếng Tây hơn là diễn tả ý tưởng cho mạch lạc bằng tiếng nước mình. Hình như đối với họ, việc sử dụng Pháp ngữ là một dấu hiệu thuộc giai cấp quý tộc, cũng như sử dụng nước suối Pê-ri-ê (Perrier) và rượu khai vị biểu trưng cho nền văn minh châu Âu. Nhiều người An Nam bị Tây hóa hiện nay tưởng rằng khi cóp nhặt những cái tầm thường của phong hóa châu Âu họ sẽ làm cho đồng bào của mình tin là học đã được đào tạo theo kiểu Tây phương”.

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*, SGK Ngữ văn 11 Nâng cao, Tập hai, NXB Giáo dục, 2007, tr116)

Câu 1: Hãy xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích? (0,25 điểm)

Câu 2: Trong đoạn trích tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? Vì sao? (0,5 điểm)

Câu 3: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích? (0,25 điểm)

Câu 4: Qua đoạn văn trên tác giả đã phê phán hiện tượng gì? Hãy chỉ ra giá trị thời sự của vấn đề trong giai đoạn hiện nay? (0,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Xin chấp tay nguyện cầu cho người dân Nepal...

Mặt đất lặng im

Mặt đất đang bình yên chim hót

Những gương mặt người

Nhập nhong những buồn vui

Rời bỗng nhiên

Mặt đất cựa mình

Mặt đất rùng lên trong đau đớn

Núi

Gãy

Vỡ

Rặng rác

Kêu rào

Ầm ầm những trận cuồng phong

Ầm ầm núi tuyết chảy tan

Nháo nhào những tiếng kêu than

Quáng quàng những bàn tay vùi

Nát vụn rồi những ngôi nhà

Tan hoang rồi những đèn đài

Đất mang bao phận người

Nằm xuống mà khôn nguôi sợ hãi

Có em bé nào trên đường đi học

Cặp sách trên vai và mơ ước trong tim

Sáng nay còn lú lo như bầy chim

Về những sợi nắng không bao giờ biết khóc

Có bà mẹ nào chở buồn vui trong tóc

Dọc đường mưu sinh dằng dặc khổ đau

Vẫn không quên giấu nước mắt tuôn mau

Mơ về ngày mai cuộc đời toàn tiếng hát

(Đỗ Nhật Nam - theo Dân trí ngày 01/05/2015)

Câu 5: Xác định những phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 6: Chỉ ra hai biện pháp nghệ thuật chủ yếu trong đoạn thơ. (0,25 điểm)

Câu 7: Những câu thơ trước có tương quan như thế nào với câu cuối đoạn “*Mơ về ngày mai cuộc đời toàn tiếng hát*”? Ý nghĩa? (0,5 điểm)

Câu 8: Đoạn thơ thể hiện tình cảm sâu sắc của một cậu bé mới 14 tuổi. Đó là tình cảm gì? Viết 5-7 dòng thể hiện những suy nghĩ của anh/chị trước tình cảm của cậu bé. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu

- Câu 1.** Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích: phong cách ngôn ngữ chính luận.
- Câu 2.**
- Trong đoạn trích, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận bình luận.
 - Đoạn trích đưa ra ý kiến đánh giá, bàn luận về một vấn đề: chỉ ra vấn đề đúng sai, tốt xấu và mang tính đối thoại.
- Câu 3.** Câu văn khái quát chủ đề của đoạn trích: *“Nhiều người An Nam thích bập bẹ năm ba tiếng Tây hơn diễn tả ý tưởng mạch lạc bằng tiếng nước mình.”*
- Câu 4.**
- Qua đoạn văn trên tác giả đã phê phán hiện tượng học đòi Tây hóa của một bộ phận trí thức, quan lại ở Việt Nam (trong những năm đầu của thế kỉ XX – 1925)
 - Tính thời sự của vấn đề trong giai đoạn hiện nay:
 - + Biết tiếng nước ngoài, học tiếng nước ngoài là một yêu cầu trong quá trình hội nhập nhưng phải song song với việc trau dồi tiếng mẹ đẻ.
 - + Tránh sử dụng ngôn ngữ lai căng, pha tạp để bảo vệ tiếng mẹ đẻ.
- Câu 5.** Các phương thức biểu đạt trong đoạn thơ: tự sự, miêu tả, biểu cảm
- Câu 6.** Hai biện pháp nghệ thuật chủ yếu trong đoạn thơ: liệt kê và nhân hóa
- Câu 7.**
- Những câu thơ trước có ý nghĩa đối lập với câu cuối đoạn *“Mơ về ngày mai cuộc đời toàn tiếng hát”*
 - Ý nghĩa: Làm nổi bật những mất mát, đau đớn mà người dân Nepal phải gánh chịu, đồng thời thể hiện ước mong về một cuộc sống yên bình của họ.
- Câu 8.** Đoạn thơ thể hiện tình cảm sâu sắc của một cậu bé mới 14 tuổi: sự xúc động, xót thương trước những bất hạnh của người dân Nepal và ước muốn cuộc sống tươi đẹp cho họ của cậu bé -> Đó là tình cảm nhân văn, cao đẹp mà ai cũng cần có.

ĐỀ SỐ 73. CHUYÊN ĐẠI HỌC VINH LẦN 4

Câu I (3,0 điểm)

1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

“Dầu trời nổi, dầu cực khổ thế nào mặc lòng, miễn là có kẻ mang đai đội mũ ngất ngưỡng ngồi trên, có kẻ áo rộng khăn đen lúc nhúc lay dưới, trăm nghìn năm như thế cũng xong! Dân khôn mà chi! Dân ngu mà chi! Dân lợi mà chi! Dân hại mà chi! Dân càng nô lệ, ngôi vua càng lâu dài, bọn quan lại càng phú quý! Chẳng những thế mà thôi, “một người làm quan một nhà có phước”, dầu tham, dầu những, dầu vợ vét, dầu rút tía của dân thế nào cũng không ai phảm bình; dầu lấy của dân mua vườn sấm ruộng, xây nhà làm cửa cũng không ai chê bai. Người ngoài thì khen đắc thời, người nhà thì dựa hơi quan, khiến những kẻ ham mỗi phú quý không đưa chen vào đám quan trường sao được!”

(Phan Châu Trinh, *Về luân lí xã hội ở nước ta*, **Ngữ văn 11**, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, trang 86 – 87)

- a) Nêu ý chính và xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn văn. (0,5 điểm)
- b) Những phương thức biểu đạt nào đã được tác giả sử dụng trong đoạn văn? Dựa vào đâu để khẳng định điều đó? (0,25 điểm)
- c) Chỉ ra biện pháp điệp trong đoạn văn và nêu tác dụng của nó. (0,25 điểm)
- d) Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề được chí sĩ Phan Châu Trinh đề cập ở trên (viết một đoạn văn không quá 10 câu). (0,5 điểm)

2. Đọc đoạn thơ sau:

*“Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

*Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay...”*

(Hoàng Cầm – *Bên kia sông Đuống*, **Ngữ văn 12 nâng cao**,
NXB Giáo dục Việt Nam 2014, tập một, trang 72)

- a) Xác định đề tài, thể thơ của đoạn thơ trên. Dựa vào đâu để biết được những điều đó? (0,25 điểm)
- b) Hãy chỉ ra những từ láy được tác giả sử dụng trong đoạn thơ. Từ láy nào trong số đó đã góp phần tạo nên một hình ảnh thơ lạ? (0,5 điểm)
- c) Nêu ý nghĩa của phép so sánh được sử dụng trong đoạn thơ. (0,25 điểm)
- d) Từ gợi ý của đoạn thơ, hãy viết một đoạn văn (không quá 10 câu) về chủ đề *Tình yêu quê hương*. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Đọc hiểu một đoạn văn trong bài *Về luân lí xã hội ở nước ta*:

- a. Ý chính của đoạn văn: bày tỏ sự bất bình về tình trạng vô cảm của số đông trước

những đau khổ của người dân, trước sự nhũn nhẽ của bọn quan lại – một sự vô cảm có khả năng tiếp tay cho cái ác.

Phong cách ngôn ngữ của đoạn văn là phong cách chính luận.

b. Đoạn văn đã sử dụng hai phương thức biểu đạt chính:

- Phương thức nghị luận: tác giả rất chú ý chỉ ra mối liên hệ nhân quả giữa các hiện tượng, sự việc, nhằm thuyết phục người đọc tin vào điều ông khẳng định.

- Phương thức biểu cảm: đoạn văn thể hiện rõ tình cảm thống thiết của tác giả khi nói tới sự thối nát của đám quan trường, nỗi khổ của dân chúng và sự vô cảm của các công dân.

c. Đoạn văn đã sử dụng thường xuyên biện pháp điệp:

- Điệp từ: *dầu, dẫu*.

- Điệp cú pháp (điệp mô hình câu): *có kẻ... ngất ngưỡng ngồi trên, có kẻ... lúc nhúc lay dưới; dân... mà chi; dẫu... cũng không ai...; người ngoài thì..., người nhà thì...*

Tác dụng của biện pháp điệp: nhấn mạnh tình trạng thê thảm của hoàn cảnh; bộc lộ nỗi đau và nỗi căm giận của tác giả một cách trực diện, nhằm gây hiệu quả tác động một cách nhanh chóng.

d. Đoạn văn phải viết gọn, không quá số câu quy định, các câu phải đúng ngữ pháp, tập trung làm nổi bật một trong các ý: sự thối nát của lũ quan lại, sự đua chen kiếm mồi phú quý của người đời, sự vô cảm trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, thí sinh cũng có thể bày tỏ suy nghĩ về các vấn đề khác được gợi ra trong đoạn được trích dẫn.

Câu 2. Đọc hiểu một đoạn trong bài thơ Bên kia sông Đuống:

Đề tài của đoạn thơ (nêu một trong các “khả năng” sau đây đều được): quê hương, đất nước; nỗi nhớ sông Đuống quê hương; vẻ đẹp của con sông Đuống; sông Đuống ngày xưa... Căn cứ vào hình tượng được miêu tả, thể hiện trong 10 câu trích, ta có thể xác

a định được đề tài của đoạn thơ như trên.

Thể thơ được dùng trong đoạn thơ là thể thơ tự do. Căn cứ để khẳng định điều này: số tiếng trong các câu không bị quy định chặt chẽ; vần thơ được gieo khá linh hoạt, không nằm ở những vị trí cố định...

Những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ: *lấp lánh, nghiêng nghiêng, xanh xanh, biêng biếc*.

b Chính từ láy *nghiêng nghiêng* đã góp phần tạo nên một hình ảnh thơ rất lạ: *Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

c So sánh: *Đứng bên này sông sao nhớ tiếc/ Sao xót xa như rụng bàn tay* đã diễn tả được nỗi đau ghê gớm của nhân vật trữ tình – một nỗi đau không trừu tượng mà cụ

thể, từ nỗi đau tinh thần đã chuyển hóa thành nỗi đau thể chất. Qua so sánh, ta hiểu được sự gắn bó máu thịt giữa nhân vật trữ tình và con sông Đuống.

- d** Đoạn văn phải viết gọn, không quá số câu quy định, các câu phải đúng ngữ pháp, liên kết chặt chẽ với nhau để làm nổi bật chủ đề đã cho.

ĐỀ SỐ 74. CHUYÊN HOÀNG VĂN THỤ HÒA BÌNH LẦN 5

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Lá đỏ

- Nguyễn Đình Thi -

Gặp em trên cao lộng gió

Rừng lạ ào ào lá đỏ

Em đứng bên đường như quê hương

Vai áo bạc quàng súng trường.

Đoàn quân vẫn đi vội vã

Bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa.

Chào em, em gái tiền phương

Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.

Em vẫy tay cười đôi mắt trong.

(Trường Sơn, 12/1974)

Câu 1: Dựa vào những thông tin trong tác phẩm, hãy nêu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

(0,25đ)

Câu 2: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? **(0,25đ)**

Câu 3: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ *Em đứng bên đường như quê hương*?

(0,25đ)

Câu 4: Chỉ ra các hình ảnh miêu tả thiên nhiên. Các hình ảnh đó tạo nên bức tranh rừng Trường Sơn như thế nào? **(0,5đ)**

Câu 5: Không khí hành quân hào hùng, thần tốc được gợi lên qua hình ảnh nào? Từ hình ảnh này, anh/chị có thể liên tưởng đến hình ảnh nào trong một bài thơ đã học? **(0,5đ)**

Câu 6: Hình ảnh “em gái tiền phương” được khắc họa như thế nào? Hình ảnh đó gợi lên cho anh/chị suy nghĩ gì về sự góp mặt của những người phụ nữ trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc? **(0,5đ)**

Câu 7: Bài thơ từng được cho là có những dự cảm, dự báo về thắng lợi tất yếu của dân tộc. Theo anh/ chị điều đó được thể hiện qua câu thơ hoặc hình ảnh thơ nào? **(0,25đ)**

Câu 8: Nêu những biểu hiện của không khí sử thi và lãng mạn được thể hiện trong bài thơ **(0,5đ)**.

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: tháng 12/1974. Đó là thời điểm cuộc chiến tranh chống Mỹ ở giai đoạn gấp rút. Tất cả quân và dân đang dồn sức cho tiền tuyến, tiến về Sài Gòn. Bài thơ được tác giả viết giữa rừng Trường Sơn.
- Câu 2.** Bài thơ viết theo thể thơ tự do.
- Câu 3.** Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: so sánh (*em (đứng bên đường)- quê hương*)
- Câu 4.** - Các hình ảnh miêu tả thiên nhiên: đỉnh trường Sơn *lộng gió, rừng lá ào ào lá đỏ*. (0,25đ). Các hình ảnh vẽ lên khung cảnh rừng Trường Sơn khoáng đạt, đầy ấn tượng với những vẻ đẹp lạ lùng của rừng lá đỏ, những trận mưa lá đỏ ào ào trong gió...
- Câu 5.** Không khí hành quân hào hùng thần tốc được thể hiện qua hình ảnh *đoàn quân đi vội vã; bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa*.
Thí sinh có thể liên hệ với hình ảnh trong bài thơ khác nhau, ví dụ bài Việt Bắc (*quân đi điệp điệp trùng trùng. Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*)
- Câu 6.** - Hình ảnh “em gái tiền phương”: nhỏ bé giữa rừng Trường Sơn bạt ngàn, lộng gió nhưng lại mang đến cảm giác thân thương, gần gũi *vai áo bạc, quàng súng trường - như quê hương*; với dáng đứng vững vàng bên đường khi làm nhiệm vụ
- Hình ảnh ấy là một biểu tượng về cuộc chiến tranh nhân dân – “*em gái tiền phương*”, nữ chiến sĩ giao liên hay cô gái thanh niên xung phong. Sự có mặt của cô gái trên đỉnh Trường Sơn nơi tuyến đầu Tổ quốc đã nhắc với mai sau về cuộc chiến đấu toàn dân tham gia, trong đó có sự đóng góp những người con gái trẻ trung xinh đẹp mảnh mai nhưng vô cùng dũng cảm, gan dạ.
- Câu 7.** Bài thơ từng được cho là có những dự cảm, dự báo về thắng lợi tất yếu của dân tộc. điều đó được thể hiện qua câu thơ *chào em, em gái tiền phương. Hẹn gặp nhé, giữa Sài Gòn*.
- Câu 8.** - Không khí sử thi: Khung cảnh cuộc hành quân hào hùng, thần tốc. Trên nền của bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, và những đoàn quân hành quân vội vã kéo dài không dứt là hình ảnh của em gái tiền phương gan dạ, dũng cảm

- Cảm hứng lãng mạn: vẻ đẹp của thiên nhiên rừng Trường Sơn; vẻ đẹp của người con gái trẻ trung, tươi tắn; niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến.

ĐỀ SỐ 75. THPT ĐỨC HÒA LONG AN

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

[...] Trong lĩnh vực tai nạn giao thông, thần chết là một kẻ mù lòa, không hề phân biệt người tốt và kẻ xấu khi đưa ngang lưỡi hái vào mạng sống của ai đó. Nhất là khi thần chết đồng hành cùng những “sát thủ” trên đường phố.

Thần chết trao lưỡi hái cho những trai tráng đi xe máy hung hăng đánh võng, lạng lách, vượt ẩu trên đường phố. Những kẻ hoặc không biết luật hoặc không thêm biết đến luật giao thông. Những kẻ đầu óc trống rỗng không còn gì để tự tin và tự hào ngoài việc “khủng bố” người đi đường bằng những cú vượt phải, tạt qua sát sạt trên đầu xe người đi đường khác, gây ón lạnh sống lưng và lấy nỗi khủng khiếp của kẻ khác làm khoái cảm,...

Rõ ràng, ngoài những hạn chế khách quan thì ý thức còn hết sức non kém của một số người dân Việt Nam khi tham gia giao thông đang là nguyên nhân quan trọng cướp đi sinh mạng của nhiều người.

Tiếc thay, đó hầu hết lại là những trai tráng. Theo thống kê của UNICEF năm 2004, hầu hết các ca tử vong ở tuổi 15 - 19 đều là người đi xe máy! Đó là sự tổn thương quá lớn cho lực lượng lao động của đất nước. Lực lượng ấy lẽ ra phải bắt đầu gánh lấy trách nhiệm công dân và gia đình, làm ra của cải và đem lại sự phồn vinh cho gia đình và xã hội.

Nếu chúng ta muốn có hạnh phúc và gặt hái được nhiều quả ngọt, nếu chúng ta tự hào rằng Việt Nam mến khách, thì mỗi người hãy tự điều chỉnh mình, trước hết là tự cứu mình và cứu người, đem sự an toàn ra dãi mình và dãi khách bằng sự cẩn trọng khi tham gia giao thông.

Chúng ta cần một chương trình truyền thông hiệu quả hơn để “những lưỡi hái tử thần” không còn nghênh ngang trên đường phố!

(Theo Võ Thị Hảo, báo điện tử Vietnamnet, ngày 12 - 12 - 2006)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích trên, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)

Câu 3. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: “Trong lĩnh vực tai nạn giao thông, thần chết là một kẻ mù lòa” khi đồng hành cùng những “sát thủ” trên đường phố? (0,5 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, học sinh nói riêng và giới trẻ hiện nay nói chung cần có những hành động thiết thực nào để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25

điểm)

Đọc bài thơ sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

THỜI GIAN

Thời gian qua kẽ tay

Làm khô những chiếc lá

Kỉ niệm trong tôi

Rơi

như tiếng sỏi

trong lòng giếng cạn

Riêng những câu thơ

còn xanh

Riêng những bài hát

còn xanh

Và đôi mắt em

như hai giếng nước.

(Văn Cao, Lá, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1998)

Câu 5. Xác định phương thức biểu đạt chính trong bài thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 6. Chỉ ra hai biện pháp nghệ thuật chủ yếu trong bài thơ. (0,5 điểm)

Câu 7. Theo anh chị, các câu thơ sau đây hàm chứa ý nghĩa gì? (0,5 điểm)

- *Kỉ niệm trong tôi*

Rơi

như tiếng sỏi

trong lòng giếng cạn

- *Riêng những câu thơ*

còn xanh

Riêng những bài hát

còn xanh

- *Và đôi mắt em*

như hai giếng nước.

Câu 8. Qua bài thơ *Thời gian*, Văn Cao định nói lên điều gì? Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng. (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu:

- Câu 1.** Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: “*Trong lĩnh vực tai nạn giao thông, thân chết là một kẻ mù lòa, không hề phân biệt người tốt và kẻ xấu khi đưa ngang lưỡi hái vào mạng sống của ai đó*”
- Câu 2.** Thao tác lập luận bình luận/ thao tác bình luận/ lập luận bình luận/ bình luận.
- Câu 3.** Tác giả cho rằng “*Trong lĩnh vực tai nạn giao thông, thân chết là một kẻ mù lòa*” khi đồng hành cùng những “*sát thủ*” trên đường phố bởi vì khi tham gia giao thông thì nguy hiểm luôn rình rập ta bất cứ lúc nào khi người tham gia giao thông, đặc biệt là *những trai tráng đi xe máy hung hăng đánh võng, lạng lách, vượt ẩu trên đường phố*... Tai nạn có thể xảy đến với bất kì ai, không phân biệt người tốt, kẻ xấu.
- Câu 4.** Nêu được hành động cụ thể của học sinh và tuổi trẻ hiện nay để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.
- Câu 5.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức miêu tả.
- Câu 6.** Các biện pháp tu từ: so sánh và ẩn dụ (ở các dòng thơ *Kỉ niệm trong tôi/ Roi/như tiếng sỏi/ trong lòng giếng cạn, ...*), hoán dụ (*đôi mắt em*), nhân hóa (*Kỉ niệm – roi*), Phép điệp (*Riêng những câu thơ – còn xanh – Riêng những bài hát còn xanh*).
- Câu 7.** - *Kỉ niệm trong tôi – Roi - như tiếng sỏi - trong lòng giếng cạn*: những kỉ niệm đời người cũng sẽ rơi vào quên lãng trước quy luật khắc nghiệt của thời gian.
- *Riêng những câu thơ - còn xanh - Riêng những bài hát - còn xanh - Và đôi mắt em - như hai giếng nước*: riêng chỉ có văn học, nghệ thuật là vẫn có sức sống

mãnh liệt, vẫn tươi xanh mãi mãi, vẫn tồn tại bất chấp thời gian. Cũng như văn học và nghệ thuật, hình ảnh người yêu và tình yêu (Và đôi mắt em - như hai giếng nước) cũng mãi mãi ngọt ngào vượt qua mọi lớp bụi thời gian.

Câu 8. Qua bài thơ *Thời gian*, Văn Cao muốn nêu lên ý tưởng: thời gian làm xóa nhòa tất cả, thời gian tàn phá cuộc đời con người. Duy chỉ có văn học, nghệ thuật và tình yêu của con người là có sức sống lâu dài.

ĐỀ SỐ 76. TRẦN PHÚ HẢI PHÒNG LẦN 3

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

“Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chưa dừng đây tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng...”

(*Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* – Vũ Khoan)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì? (0,25 điểm)

Câu 2: Phần gạch chân trong đoạn văn trên thực hiện phép liên kết nào? (0,25 điểm)

Câu 3: Nội dung chính của đoạn văn trên là gì? (0,5 điểm)

Câu 4: Theo anh (chị), con người Việt Nam còn có điểm yếu nào mà tác giả chưa nói tới? Nêu hướng khắc phục điểm yếu ấy. (0,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

“- Chị ơi...

Chỉ gọi được thế thôi

Anh chiến sĩ đưa đường bỗng thấy ghen lời

Không làm sao anh còn nói nổi:

Chị đặt hoa nhâm rồi

Mộ anh ấy ở bên tay trái

Chỉ một vòng hoa chị mang từ quê lại

Hoa viếng mộ bên này đã có chúng tôi!

- *Chị hiểu ý em rồi*

Xin cho chị đặt hoa bên mộ đó

Cả cánh rừng chỉ có hai ngôi mộ

Viếng mộ anh có chị đến đây rồi”

(*Viếng chồng* – Trần Ninh Hồ)

Câu 5: Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 6: Lời người vợ liệt sĩ được dẫn theo cách nào? (0,25 điểm)

Câu 7: Nêu nội dung chính của bài thơ (0,5 điểm)

Câu 8: Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về cách ứng xử của người vợ liệt sĩ trong bài thơ. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu

- Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là phương thức nghị luận.
- Câu 2.** Phần gạch chân trong đoạn văn trên thực hiện phép liên kết thế. “*sự thông minh, nhạy bén với cái mới*” – “*Bản chất trời phú ấy*”
- Câu 3.** Nội dung chính của đoạn văn trên: Những cái mạnh, cái yếu của người Việt Nam cần được nhận thức rõ trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới.
- Câu 4.** Thí sinh có thể đưa ra ý kiến của riêng mình về điểm yếu của con người Việt Nam mà tác giả chưa nói tới. Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Có thể nêu ra một vài điểm yếu như: chưa có tác phong công nghiệp; thói ganh ghét, đố kỵ...
Biện pháp khắc phục: chủ yếu là phụ thuộc vào bản thân mỗi người, mỗi cá nhân cần thay đổi ý thức, nhận thức của mình sao cho tích cực....
- Câu 5.** Bài thơ trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- Câu 6.** Lời người vợ liệt sĩ được dẫn theo cách trực tiếp.
- Câu 7.** Nội dung chính của bài thơ: Bài thơ kể về việc người vợ vào thắp hương cho chồng ở Trường Sơn. Qua đây ngợi ca tình người, tình nhân ái cùng trái tim nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam.
- Câu 8.** Suy nghĩ về cách ứng xử của người vợ liệt sĩ trong bài thơ: ở đây không có sự nhầm lẫn nào cả, mà đó là sự tự nguyện, tự ý thức của người phụ nữ. Hành động của chị là sự ngợi sáng của tình người ấm áp, là nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

ĐỀ SỐ 77. THPT LÝ TỰ TRỌNG BÌNH ĐỊNH

Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi sau:

Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên

Bão thổi chưa ngưng trong những vành tang trắng

Anh đứng gác. Trời khuya. Đáo vắng

Biển một bên và em một bên

Vòm trời kia có thể sẽ không em
Không biển nữa. Chỉ mình anh với cỏ
Cho dù thế thì anh vẫn nhớ
Biển một bên và em một bên...

(Trích “*Thơ tình người lính biển*” – Trần Đăng Khoa)

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ. Hình ảnh nhân vật *anh* trong câu thơ “*Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng*” hiện lên như thế nào?
2. Câu thơ “*Biển một bên và em một bên*” trong đoạn thơ được viết với biện pháp nghệ thuật nào? Nêu ý nghĩa tác dụng của việc sử dụng của việc sử dụng nghệ thuật ấy.
3. Theo anh, chị “*Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên*” vì những nguyên nhân nào? Suy nghĩ về hình ảnh người lính đang canh giữ biển đảo quê hương? (Viết khoảng 5 – 7 dòng)

Đọc các đoạn văn sau đây và thực hiện các yêu cầu từ 4 đến 7:

(1) “*Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa. Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!...*”

(Trích “*Rừng xà nu*” – Nguyễn Trung Thành)

(2) “*Câu hò nổi lên giữa ban ngày, bắt đầu cất lên như một hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, rồi kéo dài, từng tiếng một vỡ ra, nhấn nhủ, thiết tha, cuối cùng ngắt lại như một lời thề dõ dạt*”.

(Trích “*Những đứa con trong gia đình*” – Nguyễn Thi)

4. Xác định nội dung của từng đoạn văn bản?
5. Nhận xét gì về cách sử dụng câu trong đoạn (1) và ý nghĩa biện pháp tu từ trong đoạn (2)?
6. Các đoạn văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Lí giải?
7. Qua hai đoạn văn bản trên, anh/chị có cảm nghĩ gì về những bậc cao niên ở Việt Nam thời chiến tranh? (Viết khoảng 5 – 7 dòng)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** - Nội dung chính của đoạn thơ: người lính biển vượt mọi gian lao, quyết tâm bảo vệ từng vùng đất thiêng liêng của Tổ Quốc, là tình yêu quê hương, đất nước thiết tha.
- Hình ảnh nhân vật *anh* trong câu thơ “*Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng*” hiện lên nhỏ bé giữa thiên nhiên rộng lớn, vắng vẻ nhưng vẫn hiên ngang và tư thế hào hùng.
- Câu 2.** - Câu thơ “*Biển một bên và em một bên*” trong đoạn thơ được viết với biện pháp

nghệ thuật : lặp câu và ẩn dụ “*biển một bên*” – tình yêu đất nước, quê hương.

- Ý nghĩa, tác dụng của việc sử dụng của việc sử dụng nghệ thuật ấy: nhấn mạnh tình yêu đất nước và tình yêu đôi lứa hòa quyện.

Câu 3.

- “*Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên*” vì những nguyên nhân:

+ Vì chiến tranh, vì kẻ thù luôn gây chiến.

+ Vì thiên tai bão lụt khắc nghiệt.

+ Vì những khó khăn thử thách.

- Suy nghĩ về hình ảnh người lính đang canh giữ biển đảo quê hương:

+ Họ đang ngày đêm làm nhiệm vụ thiêng liêng cho Tổ Quốc

+ Họ hi sinh thầm lặng để canh giữ biển trời Tổ Quốc.

+ Họ đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách để giữ vững chủ quyền.

+ Họ là những người lính kiên cường đối mặt với quân thù và bão tố. Họ có tình yêu lí tưởng và tình yêu đất nước, yêu Tổ Quốc thiết tha.

+ Chúng ta cảm thông, chia sẻ, cảm phục, trân trọng, biết ơn những người lính biển.

Câu 4.

Nội dung của từng đoạn văn bản:

- Giáo dục con cháu bài học đấu tranh cách mạng: Dùng vũ trang chống lại bạo tàn.

- Điều hò của chú Năm như một mệnh lệnh, như nhấn nhủ, như lời thề giục giã con cháu quyết tâm đấu tranh “*đền nợ nước trả thù nhà*”.

Câu 5.

- Cách sử dụng câu trong đoạn (1): Câu ngắn, câu dài, ngắt nhịp rõ ràng mang đặc trưng tính cách của già làng, là lời hiệu triệu, lời răn dạy đầy uy nghiêm và thuyết phục của cụ Mết.

- Biện pháp tu từ trong đoạn (2): so sánh “*như hiệu lệnh... như nhấn nhủ... như lời thề...*” -> tâm trạng, tính cách, lời động viên, nhắc nhở thấu lý, đạt tình của chú Năm cho con cháu.

Câu 6.

- Cả 2 đều viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Văn bản còn viết theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

- Vì: Là lời của hình tượng nhân vật, có tính răn dạy, tính truyền cảm.

Câu 7.

Cảm nghĩ về những bậc cao niên ở Việt Nam thời chiến tranh:

+ Họ là thế hệ đi trước với nhiều trải nghiệm, giáo dục, nhắc nhở con cháu nhiều bài học quý trong cuộc sống và đấu tranh.

+ Họ là chỗ dựa và là tấm gương cho con cháu khâm phục, noi theo.

+ Họ luôn tự hào về truyền thống và dân tộc.

+ Chúng ta có quyền tự hào về truyền thống cha anh.

ĐỀ SỐ 78. CHUYÊN LÊ QUÍ ĐÔN NINH THUẬN

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới (từ câu 1 đến câu 5):

(1) Trong ẩm thực Việt Nam, bún là loại thực phẩm dạng hơi tròn, trông mềm, được làm từ tinh bột gạo tẻ, tạo sợi qua khuôn và được luộc chín trong nước sôi. Là một nguyên liệu, thành phần chủ yếu để chế biến nhiều món ăn mà tên món ăn thường có chữ bún ở đầu (như bún cá, bún mọc, bún chả, bún thang, v.v) bún là một trong những loại thực phẩm phổ biến nhất trong cả nước, chỉ xếp sau các món ăn dạng cơm, phở.

(Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

(2) Người Việt Nam chúng mình đã chẳng còn xa lạ gì với những sợi bún trắng tinh, thoang thoang hương thơm rồi. Dù là miền Bắc, miền Nam hay miền Trung, ở nơi đâu sợi bún cũng tạo nên những món ăn độc đáo, đặc trưng cho mỗi vùng miền. Nhưng ở xứ Huế, người ta càng ưa chuộng bún hơn bởi cái tính “kiểu Huế” của nó. Kiểu Huế là nghèo mà vẫn sang, là sự thanh tao, cầu kỳ, tỉ mỉ từ hương đến sắc khiến cho người thưởng thức không chỉ cảm nhận được cái ngon của món ăn mà còn cảm nhận được cái hồn của người chế biến.

Tô bún bò Huế trông có vẻ đậm bạc nhưng lại rất thanh lịch với nước bún trong, để lộ những sợi bún trắng nằm xếp lớp, vài lát ớt màu đỏ nổi bật trên nền xanh pha trắng của rau hành, quện với những vàng sao của tinh dầu nhưng vẫn không che được miếng giò heo trắng ngả vàng với lớp da mỏng, ôm khoanh thịt nạc và miếng xương tròn ở giữa. Nhìn bát bún cứ ngỡ như bông hoa có nhụy vàng, ẩn trong tấm rèm màu nâu đỏ, với những đường vân màu vàng nhạt của những lát thịt bò bấp. Lấy đầu đũa gắp ít ớt tương hoặc ớt ruốc, nhúng vào tô bún, ớt sẽ từ từ tỏa bung ra như hoa nở trên mặt nước bún và chất cay cũng thông thả lan tỏa quanh tô bún khiến thực khách, dù chưa ăn, cũng phải hít hơi. Nếu cảm thấy chưa “đã”, có thể cầm lên trái ớt xanh, căng mọng cắn một miếng, sẽ biết thế nào là cái “hiền” của Huế, cái hiền đậm thắm, nhẫn nhịn đó khiến bao tao nhân mặc khách phải giọt ngắn giọt dài.

(Theo Báo Tổ Quốc – Huế xưa và nay)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính và phong cách ngôn ngữ của mỗi văn bản đã cho. (1,0 điểm)

Câu 2: Mỗi văn bản được viết về nội dung gì? (0,5 điểm)

Câu 3: Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản (2) có đặc điểm gì? (0,5 điểm)

Câu 4: Trong hai văn bản đã cho, anh/chị thích văn bản nào hơn? Vì sao? (0,5 điểm)

Câu 5: Hai văn bản đã khơi gợi trong anh/chị những cảm xúc gì? Trả lời khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. - Văn bản 1: Phương thức biểu đạt thuyết minh; phong cách ngôn ngữ khoa học.

- Văn bản 2: Phương thức biểu đạt miêu tả và phong cách ngôn ngữ báo chí/ nghệ thuật.

Câu 2. Văn bản (1) viết về món bún nói chung. Văn bản (2) nói về món bún của riêng xứ Huế.

- Câu 3.** Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản (2) mang đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, đặc biệt là tính thẩm mỹ [hoặc PCNN báo chí - tính sinh động hấp dẫn].
- Câu 4.** Thí sinh có thể chọn 1 trong 2 văn bản, phải có lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục.
- Câu 5.** Hai văn bản đã khơi gợi niềm yêu, niềm tự hào đối với nền ẩm thực của quê hương nói chung và món bún nói riêng.

ĐỀ SỐ 79. SỞ GD VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

“Như những con chim kỳ diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý hơn đến vô số những chuyện bực bội trong cuộc sống.

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để tiến gần tới con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất, và về sự thèm khát cuộc sống ấy...”

(Tôi đã học tập như thế nào - MacXim Gorki)

Câu 1. Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. (0,25 điểm)

Câu 2. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng “Mỗi cuốn sách là những bậc thang nhỏ mà khi bước lên tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người”. (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 4. Từ một quyển sách đã đọc, anh/ chị hãy nêu ít nhất 02 tác dụng mà quyển sách đó đã đem đến cho anh/ chị. Trình bày trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm)

Đọc bài thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

TIẾNG THU

Lưu Trọng Lư

Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thôn thức?

Em không nghe rạo rục

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ?

*Em không nghe rìng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?*

(*Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học 2000, tr.289)

Câu 5. Chỉ ra những âm thanh được Lưu Trọng Lư cảm nhận trong bài thơ và nhận xét về những âm thanh ấy. (0,5 điểm)

Câu 6. Tìm các từ láy trong bài thơ. Cảm nhận về cái hay của việc sử dụng các từ láy ấy trong bức tranh thu? (0,5 điểm)

Câu 7. Tác dụng của hình thức câu hỏi tu từ và điệp ngữ “*em không nghe*” được sử dụng trong bài thơ. (0,25 điểm)

Câu 8. Trình bày ngắn gọn cảm nhận của anh/chị về bức tranh thu trong bốn dòng thơ cuối. Trình bày trong khoảng từ 5 đến 7 dòng. (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Tự sự.
- Câu 2.** Giải thích: Sách mang lại tri thức, mở mang trí tuệ cho con người; sách bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cho con người; giúp cuộc sống con người có ý nghĩa hơn trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp.
- Câu 3.** Nội dung chính của đoạn trích: Bàn về tác dụng của việc đọc sách.
- Câu 4.** Từ một quyển sách đã đọc, nêu được 02 tác dụng mà quyển sách đó đã đem đến cho bản thân. Câu trả lời phải xác định cụ thể tên sách, nêu tác dụng hợp lý, trình bày chặt chẽ, thuyết phục.
- Câu 5.** Chỉ ra những âm thanh được Lưu Trọng Lư cảm nhận trong bài thơ và nhận xét về những âm thanh ấy:
- * Âm thanh:
- Tiếng mùa thu trong đêm trăng mờ.
 - Tiếng lòng của người cô phụ nhớ chồng đi chinh chiến.
 - Tiếng lá khô rơi, tiếng chân nai giẫm trên lá nơi rừng thu.
- * Nhận xét: đó là những xao động nhẹ nhàng, tinh tế của đất trời thiên nhiên và lòng người lúc sang thu; những âm thanh mơ hồ, mong manh, xa vắng, hư thực.
- Câu 6.** Các từ láy: *thổn thức, rạo rục, xào xạc, ngơ ngác*; thể hiện tâm trạng, thái độ; có tác dụng tạo nên cái hồn, nét sống động cho bức tranh thu.
- Câu 7.** Tác dụng của hình thức câu hỏi tu từ và điệp ngữ “*em không nghe*” được sử dụng

trong bài thơ:

- Tạo nên sự liền mạch, liên kết giữa các khổ thơ và âm điệu nhẹ nhàng, triền miên, da diết của bài thơ.

- Nhấn mạnh sự mơ hồ của những âm thanh mùa thu.

Câu 8. Cảm nhận về bức tranh thu trong bốn dòng thơ cuối: Bức tranh thu thơ mộng, êm đềm, có hình ảnh, sắc màu, âm thanh, chuyển động, tâm trạng; giàu chất nhạc, chất họa, chất thơ; thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ.

ĐỀ SỐ 80. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 7

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Anh/chị hãy đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 2:

“Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của Châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Bất cứ người An Nam vào vút bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hy vọng giải phóng giống nòi.... Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình.

.....Chúng ta không thể né tránh châu Âu vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu. Nhưng những kiến thức thu nhập được, họ không được giữ riêng cho mình. Đồng bào của họ cũng được thông phần nữa. Tuy nhiên, sự cần thiết phải biết một ngôn ngữ châu Âu hoàn toàn không kéo theo chuyện từ bỏ tiếng mẹ đẻ. Ngược lại thứ tiếng nước ngoài mà mình học được phải làm giàu cho ngôn ngữ nước nhà”.

[*“Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức”, Nguyễn Anh Ninh, Ngữ văn 11, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam*]

Câu 1. Đoạn văn bản trên thuộc thể loại nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Nêu khái quát nội dung chính của đoạn văn bản trên bản trên (0,5 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi từ câu 4 đến câu 7

*“Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh
Những luồng run rẩy rung rinh lá
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh”*

(*Đây mùa thu tới, Xuân Diệu, Ngữ văn 11, tập 2 NXB giáo dục Việt Nam*)

Câu 3. Phân tích ý nghĩa cách dùng từ “rũa” của Xuân Diệu trong câu thơ “*Trong vườn sắc đỏ rũa màu xanh*” (0,5 điểm)

Câu 4. Nhận xét ngắn gọn về ngôn ngữ thơ Xuân Diệu ở đoạn thơ? (0,5 điểm)

Câu 5. Bút pháp nghệ thuật nào được miêu tả sử dụng hiệu quả nhất trong đoạn thơ (0,5 điểm)

Câu 6. Khái quát nội dung và đặc sắc phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu được thể hiện qua đoạn thơ (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Đoạn văn bản thuộc thể loại văn bản chính luận.
- Câu 2.** Đoạn văn bản khẳng định tầm quan trọng của tiếng nói đối với vận mệnh một dân tộc, quốc gia và thể hiện nhận thức đứng đắn của người viết về mối quan hệ giữa việc học ngôn ngữ nước ngoài và ngôn ngữ nước mình.
- Câu 3.** Dùng từ “rũa”, Xuân Diệu đã diễn tả tinh tế sự chuyển màu của lá trong vườn khi thiên nhiên bắt đầu sang thu, qua đó diễn tả tài tình sự vận động của thời gian từ mùa hạ sang mùa thu, biến cái không thể nhìn thấy – thời gian thành cái có thể tri giác được – màu sắc. Cái hay của cách dùng từ là người viết đã thu cả một chuyển mùa lớn lao vào từng tế bào điệp lục – một cách cảm nhận và diễn tả cảm nhận về thiên nhiên mới mẻ, độc đáo, tinh tế, tài hoa.
- Câu 4.** Đoạn thơ cho thấy cách dùng từ mới lạ, rất Tây (*hơn một, rụng cành*) và cũng rất tài hoa tinh tế “ điệp âm “r”; tổ chức ngôn từ độc đáo (dòng thơ “*Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh*”).
- Câu 5.** Bút pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng hiệu quả nhất: bút pháp Tương giao đã được tác giả sử dụng một cách điêu luyện; tài hoa.
- Câu 6.** Đoạn thơ tái hiện một bức tranh thiên nhiên mùa thu lúc giao mùa trong không gian vườn thật gợi cảm, thi vị bằng cảm nhận của một cái tôi yêu sống tha thiết nhạy cảm đặc biệt trước những bước đi của thời gian, đồng thời thể hiện được nét đặc sắc phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám 1945: Làm chủ bút pháp Tương giao; sử dụng ngôn ngữ thơ rất mới mẻ, táo bạo.

ĐỀ SỐ 81. CHUYÊN LÊ QUÍ ĐÔNG QUẢNG TRỊ

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Ta chào Việt Bắc, ta xuôi,

Quê hương cách mạng muôn đời suy tôn

*Mẹ nghèo vẫn cố nuôi con:
Lúc bùi măng nứa, khi ngon củ mài.
Sẻ từng hạt muối cắn đôi.
Nhà sàn chung ở. chăn sui đắp cùng.*

(Xuân Diệu - *Ta chào Việt Bắc, về xuôi*)

Câu 1. Hãy cho biết đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ gì? Trình bày ngắn gọn nội dung đoạn thơ trên? (0,5 điểm)

Câu 2. Đọc đoạn thơ trên, anh/chị liên tưởng tới đoạn trích nào đã học trong chương trình Ngữ văn 12? Chỉ ra điểm tương đồng của đoạn trích đã học với đoạn thơ này? (0,5 điểm);

Câu 3. Xác định nhân vật giao tiếp của đoạn thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 4. Cảm nhận về đoạn thơ trên, một học sinh đã viết như sau: “Qua những dòng thơ viết về Việt Bắc đã cho người đọc thấy được tình cảm tha thiết, sâu nặng của thi nhân đối với mảnh đất này.” Hãy chỉ ra lỗi sai của bạn học sinh và sửa lại cho đúng. (0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi từ 5 đến 8:

Thời gian trôi qua kẽ tay, đưa mùa hạ cuối chợt về ngắn ngo chẳng cho ai kịp giữ. Tuổi học trò trôi đi trên từng trang lưu bút. mùa phượng cuối ủa về cho ai tiếc những tà áo dài trắng bay...

Một thời áo trắng trong veo và tinh khôi đến thế, ôm sao cho hết. ôm sao để được tròn đầy cho những gì đã qua...

Con mưa cuối chiều chở nhớ và thương, những vòng xe quay đều rồi cuộn những tháng năm hóa thành kỉ niệm.

Ghé đá tảng im không nói, những ô gạch lát buồn tênh không muốn cất lời...

Tiếng riu rít ve sầu kêu trên vòm lá, tiếng mùa hè tại đến, tiếng một mùa học trò nữa lại đi...

Mùa phượng cuối gọi buồn về cho nhưng luyến tiếc thời gian... Mùa không ai bảo ai, mắt buồn ngán lệ...

Có những mùa yêu chưa xa đã nhớ, có những mùa chở thương nhớ vội quá chẳng kịp về...

Góc sân trường, một cánh hoa rơi mong manh cho mùa hạ cuối... Và còn mãi trong tim ta, những dấu yêu một thời...

(Lạc Hi – *Viết cho mùa phượng cuối*)

Câu 5. Hãy cho biết đoạn văn trên viết theo kiểu phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm);

Câu 6. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn này là gì? (0,25 điểm);

Câu 7. Xác định và phân tích hiệu quả thẩm mỹ của biện pháp tu từ ở câu văn: "Ghé đá lặng im không nói, những ô gạch lát buồn tênh không muốn cất lời..." (0,5 điểm);

Câu 8. Đoạn văn tách dòng khá linh hoạt, sử dụng tương đối nhiều dấu chấm lửng (...), theo anh/chị những biểu hiện nghệ thuật đó chứa đựng ý gì của người viết? (0,5 điểm).

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** - Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ lục bát:
- Nội dung: Cảm xúc băng khuâng và tình cảm biết ơn sâu nặng với đồng bào Việt Bắc của cán bộ chiến sĩ khi Trung ương Đảng rời chiến khu về thủ đô Hà Nội.
- Câu 2.** - Đoạn thơ gọi người đọc liên tưởng tới đoạn trích Việt Bắc của Tố Hữu;
- Điểm tương đồng:
- + Hình thức: đều viết bằng thể thơ lục bát.
- + Nội dung: Thể hiện tình cảm lưu luyến, bịn rịn, lòng biết ơn của những chiến sĩ cách mạng với đồng bào Việt Bắc.
- Câu 3.** Nhân vật giao tiếp của đoạn thơ trên: Ta/ Việt Bắc (Mẹ nghèo)
- Câu 4.** - Lỗi bạn học sinh mắc phải trong câu văn là lỗi về ngữ pháp: Câu thiếu chủ ngữ (nhầm lẫn giữa trạng ngữ và chủ ngữ)
- Sửa lại: thêm từ làm chủ ngữ (thí sinh có thể sửa theo nhiều cách để làm cho câu đủ thành phần ngữ pháp): Ví dụ: Qua những dòng thơ viết về Việt Bắc, Xuân Diệu đã cho người đọc thấy được tình cảm thiết tha sâu nặng của thi nhân đối với mảnh đất này.
- Câu 5.** Đoạn văn được Lạc Hi viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- Câu 6.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là biểu cảm.
- Câu 7.** - Câu văn "*Ghế đá lặng im không nói, những ô gạch lát buồn tênh không muốn cất lời...*" được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa.
- Hiệu quả thẩm mỹ: nghệ thuật nhân hóa khiến sự vật (ghế đá, những ô gạch) trở nên gần gũi, thân thiết, gắn bó; câu văn vì thế cũng trở nên ấn tượng, đặc sắc hơn.
- Câu 8.** Đoạn văn tách dòng khá linh hoạt, sử dụng tương đối nhiều dấu chấm lửng thể hiện sự băng khuâng, rối bời, sự xúc động, nghẹn ngào của người viết.

ĐỀ SỐ 82. CHUYÊN THÁI NGUYÊN

Văn bản 1: Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“Nhiều người An Nam thích bập bẹ năm ba tiếng Tây hơn là diễn tả ý tưởng cho mạch lạc bằng tiếng nước mình. Hình như đối với họ, việc sử dụng Pháp ngữ là một dấu hiệu thuộc giai cấp

quý tộc, cũng như sử dụng nước suối Pê – ri – ê (Perrier) và rượu khai vị biếu trưng cho nền văn minh châu Âu. Nhiều người An Nam bị Tây hóa hiện nay tưởng rằng khi cóp nhặt những cái tầm thường của phong hóa châu Âu họ sẽ làm cho đồng bào của mình tin là họ đã được đào tạo theo kiểu Tây phương”.

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*, SGK Ngữ văn 11 Nâng cao, Tập hai, NXB Giáo dục, 2007, tr116)

Câu 1: Hãy xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích (0,25 điểm)

Câu 2: Trong đoạn trích, tác giả sử dụng chủ yếu thao tác lập luận nào? Vì sao? (0,5 điểm)

Câu 3: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích (0,25 điểm)

Câu 4: Qua đoạn văn trên tác giả đã phê phán hiện tượng gì? Hãy chỉ ra giá trị thời sự của vấn đề trong giai đoạn hiện nay. (0,5 điểm)

Văn bản 2: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi từ câu 5 đến câu 8:

Anh ra khơi

Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng

Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng

Biển một bên và em một bên

Biển ồn ào em lại dịu êm

Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ

Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía

Biển một bên và em một bên

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn

Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc

Thăm thẳm nước trời nhưng anh không cô độc

Biển một bên và em một bên

Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên

Bão táp chưa ngưng trong những vành tang trắng

Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng

Biển một bên và em một bên

(*Thơ tình người lính biển* – Trần Đăng Khoa)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên (0,25 điểm)

Câu 2: Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ: “*Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía - Biển một bên và em một bên*” (0,5 điểm)

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai? (0,25 điểm)

Câu 4: Nêu nội dung chính của đoạn thơ (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích: phong cách ngôn ngữ chính luận.
- Câu 2.**
- Trong đoạn trích, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận bình luận.
 - Đoạn trích đưa ra ý kiến đánh giá, bàn luận về một vấn đề: chỉ ra vấn đề đúng sai, tốt xấu và mang tính đối thoại.
- Câu 3.** Câu văn khái quát chủ đề của đoạn trích: “*Nhiều người An Nam thích bập bẹ năm ba tiếng Tây hơn diễn tả ý tưởng mạch lạc bằng tiếng nước mình.*”
- Câu 4.**
- Qua đoạn văn trên tác giả đã phê phán hiện tượng học đòi Tây hóa của một bộ phận trí thức, quan lại ở Việt Nam (trong những năm đầu của thế kỉ XX – 1925)
 - Tính thời sự của vấn đề trong giai đoạn hiện nay:
 - + Biết tiếng nước ngoài, học tiếng nước ngoài là một yêu cầu trong quá trình hội nhập nhưng phải song song với việc trau dồi tiếng mẹ đẻ.
 - + Tránh sử dụng ngôn ngữ lai căng, pha tạp để bảo vệ tiếng mẹ đẻ.
- 1 Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: phương thức biểu cảm.
- 2 Hai biện pháp tu từ: so sánh (*Anh như con tàu*), đối (*Biển một bên – em một bên*)
- 3 Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: người lính biển
- 4 Đoạn thơ nói về cuộc chia tay giữa một người lính biển và người con gái anh yêu. Từ đó, bộc lộ tình yêu lứa đôi lồng trong tình yêu Tổ quốc.

ĐỀ SỐ 83. THPT YÊN LẠC VĨNH PHÚC

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 3:

Hãy gập máy tính, tắt điện thoại để nói và cười

Chúng ta đang sống trong một thế giới số, nơi mọi hoạt động từ những sinh hoạt thường ngày đến những sự kiện đặc biệt, từ công việc đến vui chơi giải trí, chúng ta đều tự gắn chặt với thế giới số.

F.A (Forever Alone) là một khái niệm ám chỉ những người hướng nội, ít hoặc không có bạn bè, thích tận hưởng cảm giác cô đơn một mình.

Bởi vì rất dễ hiểu, tự thỏa hiệp với bản thân bao giờ cũng dễ hơn thỏa hiệp với những người khác. Biểu hiện của những người F.A là luôn kêu ca về tình trạng độc thân của mình, nhưng lại luôn gắn chặt cuộc sống với môi trường ảo Internet, bất kể ngày hay đêm, bất kể ngày thường hay lễ tết.

Cuộc sống của chúng ta đang diễn ra trên Facebook, Twitter, Youtube,... chúng ta đang tự cô lập mình với thế giới thực, chúng ta đang tự biến mình thành F.A.(...)

Ở Việt Nam hiện nay, vợ gọi chồng xuống ăn cơm qua Facebook, hai người hẹn nhau đi ăn tối, mỗi người dán mắt vào một cái smartphone, bạn bè hội họp, lại mỗi người ôm khư khư một cái smartphone. Chúng ta mất dần nhu cầu giao tiếp thực tế.(...). Không những vậy, giờ đây mọi người không cần tìm hiểu, tán tỉnh trực tiếp nhau nữa, tất cả đã có Facebook hay các trang mạng xã hội khác. Và khi cần tỏ tình, hãy để Facebook giúp bạn!(...)

Khái niệm F.A đã dịch chuyển từ những người cô đơn, sang cả những người có đôi có cặp. Với tình trạng hai người hẹn hò nhau mà mỗi người tự nói chuyện với cái smartphone của mình, thì thực ra cũng chả khác gì F.A.

Nguy hiểm hơn nữa là khi chính người lớn làm lây lan tình trạng này sang cho trẻ em. Khi các bậc phụ huynh còn đang mê mải với thế giới riêng của mình và bỏ mặc con cái với những chiếc máy tính bảng, thì hoàn toàn dễ hiểu khi con trẻ cũng tự thu mình vào thế giới riêng của chúng. Và điều sau đây hoàn toàn có thể xảy ra: một thế hệ F.A mới sẽ ra đời thừa kế lại chính hội chứng F.A của cha mẹ chúng.

Vì vậy, các thanh niên hãy thôi phàn nàn hay đề cập đến tình trạng F.A của mình. Gập máy tính lại, tắt điện thoại đi. Hãy giao tiếp nhiều hơn với xã hội và tận hưởng cuộc sống thực tại. Các bạn sẽ hết F.A.

(Theo ICTnews/ Techinasia)

Câu 1. Văn bản trên được viết theo cấu trúc nào? (0,25điểm)

- A. Diễn dịch C. Song hành B. Quy nạp D. Tổng- phân- hợp

Câu 2. Trong văn bản trên, F.A là khái niệm dùng để chỉ những người nào? (0,5điểm)

Câu 3. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm của người viết “gập máy tính lại, tắt điện thoại đi. Hãy giao tiếp nhiều hơn với xã hội và tận hưởng cuộc sống thực tại. Các bạn sẽ hết F.A” không? Vì sao? (Trả lời trong khoảng 5- 7 dòng) (0,5điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ câu 4 đến câu 7

Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ
Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát

Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh
Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy

Một tiếng vườn rợp bóng lá cành vươn

Nghé mát lịm ở đâu môi tiếng suối

Tiếng heo may gọi nhớ những con đường...



vndoc

(Lưu Quang Vũ, Tiếng Việt)

Câu 4. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ? (0,5 điểm)

Câu 5. Phân tích hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ: (0,5 điểm)

Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa

Óng tre ngà và mềm mại như tơ

Câu 6. Qua đoạn thơ trên, anh (chị) hiểu gì về tình cảm của nhà thơ với tiếng Việt? Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm).

Câu 7. Cùng nhắc đến tiếng Việt có nhà nghiên cứu viết: "... Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa bạch hững hờn bao thế hệ đã qua...".

Hãy cho biết những câu văn trên nằm trong tác phẩm nào, của ai? "Họ" trong cách diễn đạt của tác giả là đối tượng nào? (0, 5 điểm).

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Đáp án D. Tổng- phân- hợp
- Câu 2.** Trong văn bản trên, F.A là khái niệm dùng để chỉ những người hướng nội, ít hoặc không có bạn bè, thích tận hưởng cảm giác cô đơn một mình.
- Câu 3.** Có đồng tình với quan điểm của người viết "...". Vì sự giao tiếp, tương tác thực tế sẽ đưa lại mối quan hệ thực, nhận được tình cảm thực cũng như khẳng định được giá trị thực của bản thân... Khi đó, chúng ta sẽ không còn cô độc nữa.
- Câu 4.** Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ là: miêu tả, tự sự và biểu cảm (trả lời được 1-2 phương thức được 0,25đ)
- Câu 5.** - Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai câu thơ. Tiếng Việt được so sánh với *đất cày, lúa, tơ*- những sự vật gắn liền với cuộc sống của người dân lao động chốn thôn quê.
- Cách so sánh khiến ý thơ trở nên gợi hình, gợi cảm: tiếng Việt gắn với thôn quê, gần gũi với người quê, tình quê, mang đậm dáng dấp và linh hồn quê hương Việt Nam, giản dị, thuần hậu mà tinh tế và giàu chất thơ.
- Câu 6.** Đoạn thơ đã thể hiện những tình cảm chân thành của nhà thơ với tiếng Việt. Đó là tình yêu và cảm xúc tự hào về vẻ đẹp của tiếng Việt. Trong cảm nhận của nhà thơ, tiếng Việt rất gần gũi, thân thương; đó là tiếng nói của nhân dân ta từ xưa, mang theo cả bề dày của lịch sử văn hóa dân tộc.
- Câu 7.** - Những câu văn trên nằm trong tiểu luận *Một thời đại trong thi ca* của Hoài Thanh. (Chấp nhận phương án HS nêu tên tác phẩm là *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, Hoài Chân).
- “Họ” trong cách diễn đạt của tác giả là chỉ các nhà thơ mới.

ĐỀ SỐ 84. CHUYÊN CHU VĂN AN HÀ NỘI

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì
Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

*Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay...*

(*Bên kia sông Đuống*- Hoàng Cầm)

1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ trên .(0.5)
2. Cảm nhận về đẹp của dòng sông qua câu thơ: *Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*. (0.5)
3. Từ hình ảnh sông Đuống của ngày xưa và ngày nay nói rõ xúc cảm của nhân vật trữ tình dành cho miền quê yêu dấu. (1.5)
4. Vì sao những dòng thơ viết về quê hương lại mở đầu bằng lời tâm tình với nhân vật "em"? (0.5)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Đoạn thơ sử dụng các phương thức biểu đạt là : tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 2.** Câu thơ gợi tả một sông Đuống duyên dáng trữ tình như dáng hình gợi cảm, tràn đầy sức thanh xuân của người thiếu nữ Kinh Bắc. Đồng thời gợi lên vẻ đẹp của một sông Đuống trầm mình trong dòng chảy của thời gian lịch sử...
- Câu 3.** Sông Đuống ngày xưa là miền quê yên ả, thanh bình, trù phú... Sông Đuống hôm nay là ranh giới chia lìa giữa quá khứ và hiện tại, giữa bình yên và chiến tranh. Sông Đuống là niềm hướng vọng đau đáu thiết tha trong tâm khảm đứa con xa quê.... Sông Đuống gợi thức niềm yêu tha thiết và nỗi đau quặn thắt...
- Câu 4.** " Em" là một nhân vật phiếm chỉ, một thủ pháp trữ tình để nhà thơ tâm sự sẻ chia. Đó một nhân vật vừa hữu hình vừa vô hình để lắng nghe dòng cảm xúc miền man bắt tận ngân lên từ cõi lòng thi sĩ .

ĐỀ SỐ 85. CHUYÊN HÀN THUYỀN BẮC NINH LẦN 3

Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Báo điện tử Dân trí ra ngày 21/8/2014 đưa tin:

Sáng ngày 21/8, cây cầu mang tên “Khuyến học và Dân trí” bắc qua thượng nguồn sông Gianh tại xã Trọng Hóa, huyện miền núi Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình chính thức khánh thành trong niềm vui khôn tả của bà con nhân dân hai bản Ông Tú và bản Hưng.

Phát biểu tại Lễ khánh thành cầu “Khuyến học và Dân trí” tại bản Ông Tú, nhà báo Phạm Huy Hoàn, Tổng biên tập báo điện tử Dân trí, Giám đốc quỹ khuyến học Việt Nam bày tỏ lời cảm ơn chân thành về sự hiện diện của các vị đại biểu và các em học sinh tại buổi lễ.

Tổng biên tập báo điện tử Dân trí, Phạm Huy Hoàn nhấn mạnh, tại nơi đây, từ nhiều năm qua chúng ta đã chứng kiến cảnh các cháu học sinh phải bơi qua sông tới trường, rất nguy hiểm đến tính mạng. Qua cuộc vận động trên báo, bạn đọc báo Dân trí đã đóng góp được số tiền hơn 1,3 tỉ đồng. Đây là nguồn đóng góp tự nguyện của đồng đảo bạn đọc báo Dân trí, trong đó có cả nguồn tiết kiệm của rất nhiều học sinh đồng lứa với các cháu có mặt trong buổi lễ hôm nay. Số tiền trên đã được chuyển giao tới Hội Khuyến học tỉnh Quảng Bình và ủy ban nhân dân huyện Minh Hóa để bổ sung vào nguồn vốn thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ trong ngân sách của huyện Minh Hóa cho dự án xây cầu và làm đường lên từ hai bờ sông tại bản Ông Tú và bản Hưng.

Tổng biên tập báo Dân trí Phạm Huy Hoàn cũng cho biết, đây là cây cầu thứ 7 có sự đóng góp của bạn đọc báo điện tử Dân trí, được chính quyền địa phương đồng thuận cho mang tên “Khuyến học và Dân trí”. Trước đó, đã có 6 cây cầu “Khuyến học và Dân trí” được xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng tại các tỉnh Kiên Giang, Hậu Giang, Quảng Nam, Cần Thơ và Thanh Hóa.

(Dẫn theo câu “Khuyến học và Dân trí” thứ 7 được khánh thành tại Quảng Bình, <http://www.dantri.com.vn>)

Câu 1: Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0.25 điểm)

Câu 2: Văn bản trên nói về sự kiện gì? Sự kiện ấy đã được những người trong cuộc đón nhận ra sao? (0.5 điểm)

Câu 3: Tại sao cây cầu lại được mang tên là “Khuyến học và Dân trí”? (0.25 điểm)

Câu 4: Từ sự kiện được nêu trong văn bản, anh (chị) hãy suy nghĩ về tinh thần trách nhiệm với cộng đồng của tất cả chúng ta (trả lời trong khoảng 10-12 dòng) (0.5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Anh ra khơi

Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng

Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng

Biển một bên và em một bên.

Biển ồn ào, em lại dịu êm

Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ

Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía

Biển một bên và em một bên.

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn

Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc

Thăm thẳm nước trời nhưng anh không cô độc

Biển một bên và em một bên...

1981. (Trích *Thơ tình người lính biển* – Trần Đăng Khoa)

Câu 5. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 6. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ: “*Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía. Biển một bên và em một bên*”? (0,25 điểm)

Câu 7. Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai? Nêu nội dung chính của đoạn thơ? (0,5 điểm)

Câu 8. Anh/chị hãy nhận xét về dòng thơ cuối cùng ở mỗi khổ? Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ: báo chí.
- Câu 2.** Bản tin nói về sự kiện khánh thành cầu “Khuyến học và Dân trí” bắc qua thượng nguồn sông Gianh tại xã Trọng Hóa, huyện miền núi Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Sự kiện ấy đã được những người trong cuộc (dân bản Ông Tú và bản Hưng, các em học sinh, những người đại diện của báo Dân trí và Quỹ Khuyến học Việt Nam...) đón nhận với niềm vui khôn tả, vì kế hoạch xây cầu đã được hoàn tất và niềm mơ ước về cây cầu đã thành hiện thực.
- Câu 3.** Cầu được mang tên là “Khuyến học và Dân trí” vì đơn vị khởi xướng xây cầu và góp vốn đầu tiên là Quỹ Khuyến học Việt Nam và báo Dân trí.
- Câu 4.** Sự kiện được nêu trong bản tin gợi nhiều suy nghĩ về tinh thần trách nhiệm với cộng đồng của tất cả chúng ta:...(Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách nhưng phải hợp lí, chặt chẽ)
- Câu 5.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức biểu cảm/biểu cảm.
- Câu 6.** Trả lời đúng 2 biện pháp tu từ: so sánh (ở dòng thơ *Anh như con tàu...*), ẩn dụ/điệp ngữ (trong câu *Biển một bên...*).
- Câu 7.**
- Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là anh - người lính.
 - Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ kể về phút chia tay của nhân vật anh, của tác giả với nhân vật em để lên đường làm nhiệm vụ của người lính biển. Phút giây đó có sự hòa quyện tình yêu đôi lứa với tình yêu quê hương; đồng thời, nhấn nhủ anh không cô độc vì được sống trong tình em và tình biển, tình quê hương.
- Câu 8.** Nhận xét về các dòng thơ cuối cùng ở mỗi khổ: Biển một bên và em một bên.
- + Nghệ thuật: Có thể trả lời theo các cách: lặp câu/ điệp khúc/ láy lại/ láy nguyên vẹn ý
 - + Nội dung: Nhấn mạnh tình cảm cá nhân hòa vào tình cảm cộng đồng.
- Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, thuyết phục.

ĐỀ SỐ 86. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

“*Bất thần, từ một chỗ ít ai ngờ tới nhất bùng lên một tiếng nổ cùng với những cột đất dựng lên mù mịt. Hiện ra sau những đám khói ấy, bên những ngọn lửa ấy là cô gái mà tôi thường nghĩ đến và đồng đội của cô, là những người thân yêu, những chiến sĩ giữ đường gan góc. Đọc con đường này, họ đã trở nên thân thuộc với anh em lái xe, có khó khăn nào mà chúng tôi không cùng họ san sẻ, có chuyến đi nào mà chúng tôi không cùng ăn dăm ba bữa cơm với họ. Có người chúng tôi gặp luôn, có người chưa bao giờ thấy mặt, nhưng tất cả đều trở nên gần gũi và dễ hiểu, đều trở thành một vẻ đẹp chung gắn bó với mỗi chúng tôi. Một dáng người đứng bên đường vẫy tay chào, một khuôn mặt trầm tư lướt qua cửa xe, một nụ cười của ai mà ta gặp ở đâu rồi, một giọng nói nào*”

giống như giọng nói của người quen mà không kịp nhớ và những đôi mắt của lòng tin cậy biết nói cho ta nghe những chuyện đâu đó hôm nay đã nói hết được thành lời”

(Đỗ Chu – Ráng đỏ (1-1969))

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn trích trên. (0,25điểm)

Câu 2: Cô gái trong đoạn trích mà nhân vật “tôi” thường nghĩ đến là ai? Phẩm chất nổi bật của cô gái ấy là gì? (0,5điểm)

Câu 3: Nêu chủ đề của đoạn trích? (0,25điểm)

Câu 4: Hình ảnh cô gái và đồng đội của cô trong đoạn trích trên gợi cho anh(chị) nhớ tới tác phẩm văn học nào cũng viết về những cô gái như họ? Điểm chung nổi bật ở họ là gì? (0,5điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

...Song song với một loạt những tiến bộ kỹ thuật trong cuộc sống thường nhật của bạn, kết nối mạng trong tương lai còn hứa hẹn một loạt tiến bộ đáng kinh ngạc về “chất lượng cuộc sống”. Bạn sẽ sống khỏe mạnh hơn, an toàn hơn và tham gia nhiều hơn các hoạt động chính trị, xã hội...

Các thiết bị, màn hình và những máy móc khác nhau trong căn hộ tương lai của bạn không chỉ có giá trị tiện ích – chúng còn là nguồn cung cấp giải trí, bổ sung kiến thức trí tuệ và văn hóa, thư giãn và những cơ hội để sẻ chia với những người khác. Tiến bộ chủ yếu trong tương lai là khả năng đặt dấu ấn cá nhân trong cuộc sống của bạn. Bạn sẽ có thể tùy biến (customize) các thiết bị của mình – hay hầu hết các công nghệ xung quanh bạn – cho phù hợp với nhu cầu của bạn, để môi trường quanh bạn thể hiện các sở thích riêng của bạn. Mọi người có thể sắp xếp hình ảnh, kí ức của cuộc sống quá khứ của mình mà không phải phụ thuộc vào các cuốn album hình thật ngoài đời hay album ảo trên mạng, mặc dù cả hai đều sẽ vẫn tồn tại. Kỹ thuật chụp hình và quay video trong tương lai sẽ cho phép bạn phóng bất cứ ảnh tĩnh hay động nào mà album đã chụp dưới hình thức ảnh ba chiều...

(Eric Schmidt – Jared Conhen, *Sống sao trong thời đại số?* NXB Trẻ, 2014)

Câu 5: Đoạn trích được viết theo phong cách chức năng ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 6: Người viết chỉ ta tác dụng gì của việc sử dụng “các thiết bị, màn hình và những máy móc khác nhau trong căn hộ tương lai” của mình? (0,25 điểm)

Câu 7: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên (0,5điểm)

Câu 8: Anh (chị) có muốn được sống trong thế giới “hứa hẹn một loạt tiến bộ đáng kinh ngạc về chất lượng cuộc sống” như quan điểm của tác giả đoạn trích không? Vì sao? (0,5điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn trích trên là phương thức tự sự.

Câu 2. Cô gái trong đoạn trích mà nhân vật “tôi” thường nghĩ đến là những chiến sĩ giữ đường gan góc/ cô gái mở đường/ cô thanh niên xung phong. Phẩm chất nổi bật của cô gái ấy là gan góc/ dũng cảm, gần gũi và gắn bó mật thiết với những anh lính lái xe.

Câu 3. Chủ đề của đoạn trích trên là ca ngợi vẻ đẹp của cô gái mở đường thời chống Mỹ..

- Câu 4.** Hình ảnh cô gái và đồng đội của cô trong đoạn trích trên gợi cho ta nhớ tới tác phẩm “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê, “*Mảnh trăng cuối rừng*” của Nguyễn Minh Châu, “*Gửi em cô thanh niên xung phong*” của Phạm Tiến Duật... cũng viết về những cô gái như họ. Điểm chung nổi bật ở họ là dũng cảm, gan góc, hồn nhiên, yêu đời, gắn bó với nhau trong tình đồng chí, đồng đội, luôn sáng một niềm tin ở tương lai...
- Câu 5.** Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí/ chính luận.
- Câu 6.** Sẽ sử dụng “*các thiết bị, màn hình và những máy móc khác nhau trong căn hộ tương lai*” của mình để giải trí/bổ sung kiến thức trí tuệ và văn hóa/ thư giãn/ và những cơ hội để sẻ chia với những người khác.
- Câu 7.** Đoạn trích đề cập đến những tiến bộ đáng kinh ngạc về “*chất lượng cuộc sống*” mà kết nối mạng trong tương lai hứa hẹn mang lại cho con người.
- Câu 8.** Học sinh thể hiện mong muốn hoặc không mong muốn được sống trong thế giới “*hứa hẹn một loạt tiến bộ đáng kinh ngạc về chất lượng cuộc sống*” như quan điểm của tác giả đoạn trích và lí giải cụ thể cho câu trả lời của mình. Nội dung lí giải phải hợp lí, có sức thuyết phục.

ĐỀ SỐ 87. CHUYÊN THÁI NGUYÊN LẦN 2

Văn bản 1: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi dưới đây:

Dặn con

*Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn.*

*Nhà mình sát đường, họ đến
Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào.*

*Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán.*

*Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vẫn xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...*

(Trần Nhuận Minh)

1/ Bài thơ được viết theo thể thơ nào? (0,25 điểm)

2/ Cách xưng hô (con, bố, mình) và cách nói phủ định (không được/ không bao giờ được) cho thấy thái độ của người bố trong cuộc trò chuyện như thế nào? (0,25 điểm)

3/ Theo anh/chị, vì sao người bố lại dặn con: (0,5 điểm)

*“Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào”*

4/ Anh/chị hiểu thế nào về câu thơ: (0,5 điểm)

*“Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...”*

Văn bản 2: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

“Sự trong sáng của ngôn ngữ là kết quả của một cuộc phấn đấu. Trong và sáng dính liền nhau. Tuy nhiên, cũng có thể phân tích ra để cho được rõ nghĩa hơn nữa. Theo tôi nghĩ, sáng là sáng sủa, dễ hiểu, khái niệm được rõ ràng, thường thường khi khái niệm, nhận thức, suy nghĩ được rõ ràng, thì lời diễn đạt ra cũng được minh bạch. Tuy nhiên, nhất là trong thơ, có rất nhiều trường hợp ý nghĩa sáng rồi, dễ hiểu rồi, nhưng lời diễn đạt còn thô, chưa được trong, chưa được gọn, chưa được chuốt. Do đó, tôi muốn hiểu chữ sáng là nặng về nội dung, nói tư duy và chữ trong là nặng nói về hình thức, nói diễn đạt (và cố nhiên là nội dung và hình thức gắn liền). Cho nên phải phấn đấu cho được sáng nghĩa, đồng thời lại phải phấn đấu cho được trong lời, đặng cho câu thơ, câu văn trong sáng”

(Xuân Diệu, dẫn theo SGK Ngữ văn 12 Nâng cao, tr140)

5/ Xác định 2 phép liên kết trong đoạn trích. (0,25 điểm)

6/ Nêu nội dung của đoạn trích? (0,5 điểm)

7/ Cụm từ “Theo tôi nghĩ” trong đoạn trích mang hàm ý gì? (0,25 điểm)

8/ Xác định lỗi và sửa lỗi trong các câu sau: (0,5 điểm)

a/ Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công.

b/ Các trường đại học trong cả nước đã công bố công khai điểm chuẩn và chỉ tiêu tuyển sinh.

ĐÁP ÁN

Đọc các văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ sáu chữ.

Câu 2. Cách xưng hô "con", "bố", "mình" - lời dặn dò cũng là lời tâm sự thể hiện sự ân cần, nhẹ nhàng; cách nói phủ định "không được/ không bao giờ được" cho thấy thái độ cũng rất nghiêm khắc của người bố trong cuộc trò chuyện.

Câu 3. Người bố dặn con:

"Con không bao giờ được hỏi

Quê hương họ ở nơi nào”

Vì: hỏi quê hương là hỏi đến gốc tích, lai lịch... Điều đó có thể đụng vào nỗi đau và lòng tự ái của những người hành khất, có thể gây tổn thương cho họ.

Câu 4. Hai câu thơ:

*“Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...”*

là lời nhắc nhở khéo léo và sâu sắc của người cha, ngụ ý: cuộc đời con người lúc lên lúc xuống, biết đâu sau này chính bố cũng ở vào hoàn cảnh của người ăn mày hôm nay, vì thế hãy biết mở rộng lòng nhân ái, biết cho đi để được nhận lại.

Câu 5. Hai phép liên kết trong đoạn văn:

- Phép lặp: "trong sáng" "trong" "sáng" "tôi" "diễn đạt"...
- Phép nói: "Tuy nhiên" "Do đó" "Cho nên"

Câu 6. Nội dung đoạn trích: Giải thích khái niệm sự trong sáng của ngôn ngữ.

Câu 7. Cụm từ "Theo tôi nghĩ" nhằm nhấn mạnh những nội dung trong bài là quan điểm cá nhân.

Câu 8. Sửa lỗi:

- Câu a: Lỗi "Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng"
→ Sửa: Trong bóng đá, niềm say mê là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công.
- Câu b: Lỗi "công bố công khai" → Sửa: bỏ từ "công khai".

ĐỀ 88 – SỞ GD & ĐT BẠC LIÊU

Đọc bài thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Nhu phượng múa, rồng bay”.*

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...*

*Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay.
Lá vàng rơi trên giấy,*

Ngoài trời mưa bụi bay.

*Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

(Ông đồ - Vũ Đình Liên)

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? (0,25 điểm)

Câu 2: Bài thơ có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt nào? Tác dụng của việc sử dụng kết hợp các phương thức đó là gì? (0,5 điểm)

Câu 3: Trong những câu thơ sau, nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó (0,5 điểm)

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...*

Câu 4: Từ bài thơ, anh/chị có suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc? Viết câu trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng (0,5 điểm)

Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 7:

Công trình chứng minh “Bổ đề cơ bản chương trình Langland” của Giáo sư toán học Ngô Bảo Châu vừa được tạp chí danh tiếng Time (Mỹ) bình chọn là 1 trong 10 khám phá khoa học tiêu biểu của năm 2009. Với phát minh này, Ngô Bảo Châu hiện là ứng viên sáng giá cho giải thưởng toán học danh giá nhất trên thế giới – giải thưởng Fields.

(Theo Vietnamnet ngày 11 – 12 – 2009)

Câu 5: Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 6: Nội dung chính của văn bản trên là gì? (0,5 điểm)

Câu 7: Suy nghĩ của anh/chị khi đọc văn bản trên. Viết câu trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ (ngũ ngôn)

Câu 2:

- Bài thơ có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Tác dụng: khiến cho tác phẩm có dáng dấp một câu chuyện, kể về cuộc đời một ông đồ từ lúc còn được người đời trân trọng, cảm phục tới khi bị lãng quên, đồng thời bày tỏ lòng thương người và tình hoài cổ của mình.

Câu 3:

- Các biện pháp tu từ: Điệp từ “mỗi”, câu hỏi tu từ “Người thuê viết nay đâu?”, biện pháp nhân hoá “Giấy đỏ buồn không thắm / Mực đọng trong nghiên sâu...”

- Tác dụng: góp phần nhấn mạnh tâm trạng của con người, nỗi sầu tủi về thân phận của ông đồ như đã thâm sâu vào từng sự vật, nó bao trùm không gian và đè nặng mỗi tấm lòng.

Câu 4: Qua bài thơ “Ông đồ” tác giả không chỉ muốn nói lên sự xót xa cho thân phận của một ông đồ, một ngành nghề mà như muốn nói lên nỗi đau trước sự mất mát của một lớp người tinh hoa cũ, cùng với họ là cả “quốc hồn, quốc túy” của cả dân tộc trước sự xâm lăng của văn hoá ngoại lai. Từ đó giúp người đọc thấy được tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, coi đó là trách nhiệm của mỗi công dân.

Câu 5: Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 6: Nội dung chính của văn bản trên: nói về thành công của giáo sư Ngô Bảo Châu.

Câu 7: Suy nghĩ khi đọc văn bản trên: ngưỡng mộ giáo sư Ngô Bảo Châu đồng thời tự hào về con người Việt Nam.

ĐỀ 89 – SỞ GD & ĐT BẮC GIANG

Đọc đoạn trích sau và trả lời những câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Truyền thống “lá lành đùm lá rách” của người Việt Nam được phát huy tích cực ở Nepal sau trận động đất ngày 25-4-2015. Trận động đất 7,8 độ richter khiến nhiều người dân Nepal ở thành phố mất nhà cửa muốn về quê, hay đơn giản chỉ muốn gặp lại người thân. Sáng 2-5-2015, hai chuyến xe bus chở hơn 100 người Nepal từ Kathmandu (thủ đô của Nepal) về quê đã lăn bánh. Đây là hai chuyến xe thuê với nguồn tiền đóng góp từ người Việt Nam mà vợ chồng chị Võ Thị Kim Cương – chủ chuỗi cửa hàng Việt Nam tại Nepal tổ chức quyên góp... Trận động đất khiến nhiều người lo lắng cho số phận của các nhóm du khách Việt Nam tại Nepal bị mất liên lạc. Nhưng họ được an toàn do sự quan tâm của chính những kiều bào nơi đây cũng như đại sứ quán Việt Nam tại New Delhi (Ấn Độ). Vô tình, đây lại là một cơ duyên để họ gặp nhau tại nhà hàng Phở 99 của người Việt ở Kathmandu. Tại đây, kế hoạch giúp đỡ nạn nhân Nepal được vạch ra với sự đồng ý và hưởng ứng nhiệt tình của mọi người. Trưa 1-5-2015, sau bữa cơm thân mật, khoảng 20 người bao gồm các bạn trẻ Việt Nam đang du lịch ở Nepal, người Việt đang sống, làm việc ở Nepal, các cán bộ đại sứ quán Việt Nam tại New Delhi bắt đầu “sứ mệnh nhỏ” nhưng với tấm lòng lớn: nấu và đóng gói 500 hộp cơm. Sau đó nhóm người Việt ở Nepal đã cùng anh Naveen Saru (chồng chị Võ Thị Kim Cương) đem đồ ăn, nước uống đến bốn bệnh viện ở Kathmandu để góp phần cứu trợ.

(Theo Báo Tuổi trẻ, số ra ngày 3/5/2015)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn văn trên. (0,25 điểm)

Câu 2: Đoạn văn trên nhắc đến những việc làm từ thiện, nhân đạo nào của người Việt ở Nepal? Câu nào trong đó nêu chủ đề của đoạn? (0,5 điểm)

Câu 3: Tại sao việc đem đồ ăn, nước uống đến bốn bệnh viện ở Kathmandu lại được gọi là: “sứ mệnh nhỏ” nhưng với tấm lòng lớn? (0,5 điểm)

Câu 4: Viết một đoạn văn khoảng 5-10 dòng bàn về ý nghĩa của tinh thần “lá lành đùm lá rách” đối với xã hội ngày nay.

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

(1) *Quê hương tôi có cây bầu cây nhệ
Tiếng đàn kêu tích tịch tình tang...
Có cô Tấm nấu mình trong quả thị
Có người em may túi đùng ba gang.*

...

(2) *Quê hương tôi có bà Trưng bà Triệu
Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa, trả thù chung.
Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến
Hung Đạo vương đã mở hội Diên Hồng.*

(3) *Quê hương tôi có hát xoè, hát đúm
Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo.*

*Có Nguyễn Trãi, có Bình Ngô đại cáo
Có Nguyễn Du và có một Truyện Kiều*

(Trích *Bài thơ quê hương*, Nguyễn Bính)

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là gì? (0,25 điểm)

Câu 6: Hãy chỉ ra: ba truyện cổ tích được gọi nhớ trong khổ (1) và những sự kiện lịch sử được gọi nhớ trong khổ (2). (0,5 điểm)

Câu 7: Xác định và nêu hiệu quả của hai trong số các biện pháp nghệ thuật của đoạn thơ. (0,5 điểm)

Câu 8: Anh/chị có nhận xét gì về tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc thể hiện qua khổ (3) (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn văn trên: phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2:

- Những việc làm từ thiện, nhân đạo của người Việt ở Nepal được nhắc đến trong đoạn văn: tổ chức quyên góp tiền thuê hai chuyến xe bus chở hơn 100 người Nepal từ Kathmandu (thủ đô của Nepal) về quê đã lăn bánh, nấu và đóng gói 500 hộp cơm, đem đồ ăn, nước uống đến bốn bệnh viện ở Kathmandu để góp phần cứu trợ.

- Câu văn nêu chủ đề của đoạn: *Truyền thống “lá lành đùm lá rách” của người Việt Nam được phát huy tích cực ở Nepal sau trận động đất ngày 25-4-2015*

Câu 3: Việc đem đồ ăn, nước uống đến bốn bệnh viện ở Kathmandu lại được gọi là: “*sứ mệnh nhỏ*” nhưng với *tâm lòng lớn* bởi vì: Việc làm tuy nhỏ nhưng thể hiện tình cảm to lớn, truyền thống “lá lành đùm lá rách” của người Việt Nam đối với những người dân Nepal gặp nạn.

Câu 4: Ý nghĩa của tinh thần “lá lành đùm lá rách” đối với xã hội ngày nay: là vô cùng quan trọng, cần thiết. Nó giúp con người xích lại gần nhau, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên: tự sự.

Câu 6:

- Ba truyện cổ tích được gọi nhớ trong khổ (1): Thạch Sanh, Tấm Cám, Cây khế.

- Những sự kiện lịch sử được gọi nhớ trong khổ (2): khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Lê Lợi với khởi nghĩa Lam Sơn, Hội nghị Diên Hồng trong kháng chiến chống quân Mông Nguyên.

Câu 7:

- Hai biện pháp nghệ thuật: Điệp cấu trúc câu “*Quê hương tôi có...Có...Có...*” và biện pháp liệt kê.

- Tác dụng: thể hiện, nhấn mạnh sự phong phú, đa dạng, giàu có của kho tàng lịch sử, văn hóa dân tộc.

Câu 8: Tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc thể hiện qua khổ (3): niềm vui, niềm xúc động, tự hào. Đó không chỉ là tình cảm của riêng tác giả mà của mọi người dân Việt Nam.

ĐỀ 90 – THPT DIỄN CHÂU 5 – NGHỆ AN

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo. Ta không háo hức cái tráng lệ, huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng thanh nhã, ghét sặc sỡ. Quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, phải khoáng. Giao tiếp, ứng xử chuộng hợp tình, hợp lí, áo quần, trang sức, món ăn đều không chuộng sự cầu kì. Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào thuộc chương trình Ngữ văn 12? Tác giả của đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 2: Từ *ta* trong câu thứ hai chỉ đối tượng nào? (0,25 điểm)

Câu 3: Vấn đề được đề cập trong đoạn văn (0,25 điểm)

Câu 4: Lấy một vài ví dụ từ thực tế đời sống và văn học để thấy nhận xét trên là xác đáng (0,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
(Tương tư, Nguyễn Bính)*

Câu 5: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ. (0,25 điểm)

Câu 6: Đoạn thơ thể hiện tâm tư, tình cảm gì của nhân vật trữ tình? (0,25 điểm)

Câu 7: Phân tích hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ đầu của đoạn thơ (0,5 điểm)

Câu 8: Những yếu tố nào trong đoạn thơ thể hiện chất dân gian trong thơ Nguyễn Bính? (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* thuộc chương trình Ngữ văn 12. Tác giả của đoạn văn: Trần Đình Huơu

Câu 2: Từ *ta* trong câu thứ hai chỉ con người Việt Nam nói chung.

Câu 3: Vấn đề được đề cập trong đoạn văn: nêu lên một đặc điểm của văn hóa Việt Nam, đó là quan niệm về cái đẹp vừa xinh, vừa khéo, duyên dáng, thanh lịch.

Câu 4: Thí sinh trình bày ý kiến theo suy nghĩ và trải nghiệm của bản thân:

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ: phương thức biểu cảm.

Câu 6: Đoạn thơ thể hiện tâm trạng tương tư, nhớ nhung của nhân vật trữ tình.

Câu 7:

- Biện pháp tu từ : Nhân hóa, hoán dụ

- Tác dụng :

+ Cách biểu đạt tình cảm kín đáo, ý nhị .

+ Tạo ra 2 nỗi nhớ song hành, chuyển hóa: người nhớ người, thôn nhớ thôn ; biểu đạt được qui luật tâm lí: khi tương tư thì cả không gian sinh tồn xung quanh chủ thể cũng nhuốm nỗi tương tư.

Câu 8: Chất dân gian thể hiện :

+ Nội dung : Tâm trạng tương tư - đề tài quen thuộc xuất hiện nhiều trong ca dao, dân ca.

+ Hình thức : Thể thơ lục bát; địa danh , nghệ thuật nhân hóa, hoán dụ, thành ngữ, cách nói vòng, giọng điệu kể lể...

ĐỀ 91 – SỞ GD & ĐT YÊN BÁI

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

(1) *Tôi tên là Nick Vujicic. Khi bắt tay vào viết quyển sách này, tôi hai mươi bảy tuổi. Khác biệt với hầu hết mọi người, tôi không tay, không chân ngay từ lúc mới lọt lòng. Hoàn cảnh nghiệt ngã tưởng đã có lúc nhấn chìm tôi nhưng rồi khát vọng sống mãnh liệt đã giúp tôi chiến thắng số phận (...)*

(2) *Bạn sẽ gặp khó khăn, bạn có thể khụy ngã và cảm thấy như thể mình không còn sức mạnh để đứng dậy được nữa. Tôi biết cảm giác đó. Tất cả chúng ta đều biết cảm giác đó. Cuộc*

sống không phải lúc nào cũng dễ dàng, nhưng khi chiến thắng những dốc ghềnh của cuộc sống, chúng ta sẽ mạnh mẽ hơn, và càng quý trọng hơn những cơ hội mà chúng ta có được. Điều thực sự quan trọng chính là những thông điệp sống bạn chia sẻ với tất cả mọi người trong hành trình cao đẹp và cái cách bạn kết thúc hành trình ấy.

(3) Tôi yêu cuộc sống của bạn như yêu cuộc sống của chính mình. Hãy đến với nhau, những món quà dành cho chúng ta là rất đáng ngạc nhiên.

(Trích *Cuộc sống không giới hạn* – Nick Vujicic, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2013)

Câu 1: Trong đoạn (1), tác giả đã nói đến hoàn cảnh nghiệt ngã mà mình gặp phải là gì? Điều gì đã giúp tác giả vượt qua hoàn cảnh ấy? (0,5 điểm)

Câu 2: Trong đoạn (2), theo tác giả, “*khi chiến thắng những dốc ghềnh của cuộc sống*” phần thưởng mà ta nhận được là gì? (0,5 điểm)

Câu 3: Câu nói “*Tôi yêu cuộc sống của bạn như yêu cuộc sống của chính mình*” cho thấy tác giả là người như thế nào? (0,25 điểm)

Câu 4: Thông qua cụm từ “*Hãy đến với nhau*”, tác giả muốn nhắn nhủ điều gì tới mọi người? Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt
Mưa lèm nhèm, chúng tôi chẳng thích đâu
Nhưng không có mưa rào thì cứ mưa ngâu
Hay mưa bụi... mưa li ti... cũng được
Mặt chúng tôi ngửa lên hứng nước
Một giọt nhỏ thôi, cát cũng dụi đi nhiều .*

*Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu
Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương đầy gió bão
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm, trong đập nhịp tim người
Như đá vững bền, như đá tốt tươi...*

(Trích *Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn* – Trần Đăng Khoa, *Tuyển tập thơ hiện đại Việt Nam*, NXB Hội nhà văn, 1993)

Câu 5: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. (0,25 điểm)

Câu 6: Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ đầu của đoạn thơ trên (0,5 điểm)

Câu 7: Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 8: Trong hai tính từ được sử dụng ở câu “*Như đá vững bền, như đá tốt tươi...*”, tính từ nào đọc đáo hơn? Vì sao? (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1:

- Trong đoạn (1), tác giả đã nói đến hoàn cảnh nghiệt ngã mà mình gặp phải là: không tay, không chân ngay từ lúc mới lọt lòng.

- Điều giúp tác giả vượt qua hoàn cảnh ấy đó là: khát vọng sống mãnh liệt

Câu 2: Trong đoạn (2), theo tác giả, “*khi chiến thắng những dốc ghềnh của cuộc sống*” phần thưởng mà ta nhận được là *chúng ta sẽ mạnh mẽ hơn, và càng quý trọng hơn những cơ hội mà chúng ta có được.*

Câu 3: Câu nói “*Tôi yêu cuộc sống của bạn như yêu cuộc sống của chính mình*” cho thấy tác giả là người có khát vọng sống mãnh liệt, trân trọng cuộc sống, yêu cuộc sống.

Câu 4: Thông qua cụm từ “*Hãy đến với nhau*”, tác giả muốn nhắn nhủ tới mọi người hãy xích lại gần nhau hơn, yêu thương nhau nhiều hơn.

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên: phương thức biểu cảm.

Câu 6: 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ đầu của đoạn thơ trên: điệp từ và nhân hóa.

Câu 7: Nội dung chính của đoạn thơ trên: khát vọng, mong muốn có mưa trên đảo Sinh Tồn và ý chí của con người dù không có mưa.

Câu 8: Trong hai tính từ được sử dụng ở câu “*Như đá vững bền, như đá tốt tươi...*”, tính từ “*tốt tươi*” độc đáo hơn vì thông thường tính từ này không được dùng để chỉ đặc điểm của đá.

ĐỀ 92– THPT ĐA PHÚC – HÀ NỘI

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

...*(1) Văn hóa ứng xử từ lâu đã trở thành chuẩn mực trong việc đánh giá nhân cách con người. Cảm ơn là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa. Ở ta, từ cảm ơn được nghe rất nhiều trong các cuộc họp: cảm ơn sự có mặt của quý vị đại biểu, cảm ơn sự chú ý của mọi người... Nhưng đó chỉ là những lời khô cứng, ít cảm xúc. Chỉ có lời cảm ơn chân thành, xuất phát từ đáy lòng, từ sự tôn trọng nhau bất kể trên dưới mới thực sự là điều cần có cho một xã hội văn minh. Người ta có thể cảm ơn vì những chuyện rất nhỏ như được nhường vào cửa trước, được chỉ đường khi hỏi... Ấy là chưa kể đến những chuyện lớn lao như cảm ơn người đã cứu mạng mình, người đã chìa tay giúp đỡ mình trong cơn hoạn nạn ... Những lúc đó, lời cảm ơn còn có nghĩa là đợi ơn.*

(2) Còn một từ nữa cũng thông dụng không kém ở các xứ sở văn minh là "Xin lỗi". Ở những nơi công cộng, người ta hết sức tránh chen lấn, va chạm nhau. Nếu có ai đó vô ý khẽ chạm vào người khác, lập tức từ xin lỗi được bật ra hết sức tự nhiên. Từ xin lỗi còn được dùng cả khi không có lỗi. Xin lỗi khi xin phép nhường đường, xin lỗi trước khi dừng ai đó lại hỏi đường hay nhờ bám hộ một kiểu ảnh. Tóm lại, khi biết mình có thể làm phiền đến người khác dù rất nhỏ, người ta cũng đều xin lỗi. Hiển nhiên, xin lỗi còn được thốt ra trong những lúc người nói cảm thấy mình thực sự có lỗi. Từ xin lỗi ở đây đi kèm với một tâm trạng hối lỗi, mong được tha thứ hơn là một cử chỉ văn minh thông thường. Đôi khi, lời xin lỗi được nói ra đúng nơi, đúng lúc còn có thể xóa bỏ biết bao mặc cảm, thù hận, đau khổ... Người có lỗi mà không biết nhận lỗi là có lỗi lớn nhất. Xem ra sức mạnh của từ xin lỗi còn lớn hơn cảm ơn.

...*(3) Nếu toa thuốc cảm ơn có thể trị bệnh khiếm nhã, vô ơn, ích kỷ thì toa thuốc xin lỗi có thể trị được bệnh tự cao tự đại, coi thường người khác. Vì thế, hãy để cảm ơn và xin lỗi trở thành hai từ thông dụng trong ngôn ngữ hàng ngày của chúng ta.*

(Bài viết tham khảo)

Câu 1: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)

Câu 3: Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng “toa thuốc xin lỗi có thể trị được bệnh tự cao tự đại, coi thường người khác”? (0,5 điểm)

Câu 4: Anh/chị hãy nêu ít nhất 02 ý nghĩa của việc cảm ơn và xin lỗi theo quan điểm riêng của mình. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Anh ra khơi
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng
Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng
Biển một bên và em một bên.*

*Biển ồn ào, em lại dịu êm
Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ
Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía
Biển một bên và em một bên.*

*Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn
Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc
Thăm thẳm nước trôi nhưng anh không cô độc
Biển một bên và em một bên....*

1981.

(Trích Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa)

Câu 5: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. (0,25 điểm)

Câu 6: Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ: “Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía. Biển một bên và em một bên.” (0,5 điểm)

Câu 7: Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai? Nêu nội dung chính của đoạn thơ. (0,5 điểm)

Câu 8: Anh/chị hãy nhận xét về dòng thơ cuối cùng ở mỗi khổ. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: Văn hóa ứng xử từ lâu đã trở thành chuẩn mực trong việc đánh giá nhân cách con người.

Câu 2: Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận bình luận

Câu 3: Tác giả cho rằng khi “toa thuốc xin lỗi có thể trị được bệnh tự cao tự đại, coi thường người khác”, bởi vì lời xin lỗi sẽ giúp ta sống thật với lòng, tâm hồn thanh thản, biết nhận ra khiếm khuyết, lỗi sai và sửa lỗi để hoàn thiện bản thân.

Câu 4: Nêu ít nhất 02 ý nghĩa của việc cảm ơn và xin lỗi theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức biểu cảm

Câu 6: 2 biện pháp tu từ: so sánh (ở dòng thơ Anh như con tàu...), ẩn dụ/điệp ngữ (trong câu Biển một bên...).

Câu 7:

Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là anh – người lính.

Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ kể về phút chia tay của nhân vật anh, của tác giả với nhân vật em để lên đường làm nhiệm vụ của người lính biển. Phút giây đó có sự hòa quyện tình yêu đôi lứa với tình yêu quê hương; đồng thời, nhấn nhủ anh không cô độc vì được sống trong tình em và tình biển, tình quê hương.

Câu 8:

Nhận xét về các dòng thơ cuối cùng ở mỗi khổ: Biển một bên và em một bên.

Nghệ thuật: Có thể trả lời theo các cách: lặp câu/ điệp khúc/ láy lại/ lặp nguyên vẹn ý

Nội dung: Nhấn mạnh tình cảm cá nhân hòa vào vào tình cảm cộng đồng.

ĐỀ 93 –THPT HẬU LỘC I - THANH HÓA

Đọc văn bản sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

*“Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ*



*Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh”*

(Lưu Quang Vũ – Tiếng Việt)

Câu 1: Văn bản trên được viết theo thể thơ nào? (0,25 điểm)

Câu 2: Chỉ ra và phân tích biện pháp tu từ được sử dụng chủ yếu trong văn bản (0,5 điểm)

Câu 3: Văn bản thể hiện thái độ, tình cảm gì của tác giả đối với tiếng Việt (0,255 điểm)

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày suy nghĩ của anh/chị về trách nhiệm giữ sự trong sáng của tiếng Việt ở giới trẻ ngày nay (0,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

“Chớ tự kiêu, tự đại. Tự kiêu, tự đại là khờ dại. Vì mình hay, còn nhiều người hay hơn mình. Mình giỏi, còn nhiều người giỏi hơn mình. Tự kiêu, tự đại tức là thoái bộ. Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn, cũng như cái chén, cái đĩa cạn...”

(Trích “Cần kiệm liêm chính”, Hồ Chí Minh, tháng 6-1949).

Câu 5: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn văn trên? (0,25 điểm)

Câu 6: Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 7: Trong đoạn văn trên, tác giả sử dụng những thao tác lập luận nào? Hãy lí giải? (0,5 điểm)

Câu 8: Giải thích ý “Tự kiêu, tự đại tức là thoái bộ” (Trả lời trong khoảng 5-7 dòng) (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Văn bản trên được viết theo thể thơ tự do.

Câu 2:

- Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong văn bản: so sánh:

Ôi tiếng Việt như đất cày , như lụa

Óng tre ngà và mềm mại như tơ

Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát

Như gió nước không thể nào nắm bắt

- Tác dụng : hữu hình hóa vẻ đẹp của tiếng Việt bằng các hình ảnh, âm thanh; tiếng Việt đẹp bởi hình và thanh.

Câu 3: Văn bản trên thể hiện lòng yêu mến , thái độ trân trọng đối với vẻ đẹp và sự giàu có, phong phú của tiếng Việt

Câu 4: Thí sinh phải viết một đoạn văn ngắn hoàn chỉnh khoảng 6 – 8 câu trình bày được suy nghĩ về trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.(Ví dụ: ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong nói và viết, phê phán các hành vi cổ tình sử dụng sai tiếng Việt)

Câu 5: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn văn trên: **“Chớ tự kiêu, tự đại”**

Câu 6: Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 7: Trong đoạn văn trên, tác giả sử dụng các thao tác lập luận phân tích và so sánh. Trong đó thao tác lập luận phân tích là chính.

+ Thao tác lập luận phân tích. Tác giả phân tích sự tự kiêu tự đại là khờ dại, là thoái bộ. Bởi lẽ ở đời còn có rất nhiều người hay và giỏi hơn mình.

+ Thao tác lập luận so sánh. Bác nêu rõ những ai tự kiêu, tự đại cũng như cái chén, cái đĩa cạn. *“Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn thì một chút nước cũng đầy vì độ lượng của nó hẹp nhỏ”...*

Câu 8: *“Tự kiêu, tự đại tức là thoái bộ”* có nghĩa là: Con người tự kiêu, tự đại do không có ý chí phấn đấu, cố gắng, luôn coi mình là nhất thì sẽ bị tụt lùi, lạc hậu, không thể tốt lên được.

ĐỀ 94– THPT A HẢI HẬU – NAM ĐỊNH

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

[1] *Hãy cho rằng đọc- viết là một việc bắt buộc trong thời gian biểu của bạn, giống như việc bạn bắt buộc phải đi dạy thêm, bắt buộc phải đi làm hay đi học. Nếu có ai hỏi: “Thứ 7 này bạn có bận gì không?” thì bạn có thể trả lời: “Tôi bận đọc. Đọc là việc bắt buộc phải ưu tiên trong cuộc sống của tôi, vì tuy nó không giúp tôi kiếm ra tiền, không giúp tôi có điểm cao một cách ngay lập tức, nhưng nó sẽ làm nên giá trị cuộc sống của tôi, góp phần hoàn thiện con người tôi, và đó là cả một chặng đường dài mà tôi phải đi trong suốt cuộc đời”.*

[2] *Nghe thì có vẻ là kì lạ, nhưng điều này thật là thực tế. Thử tính xem, bạn lướt lò ngoài đường nửa ngày chỉ để mua được một cái áo, trong khi chưa chắc bạn đã mặc nó luôn luôn. Bạn châu chực nửa ngày để xem một trận bóng đá (tính từ lúc bạn hồi hộp đợi chờ cho đến khi bạn hăng hái bình luận về nó khi đã kết thúc), trong khi tôi dám chắc bạn chẳng cần ghi nhớ thông tin về nó sau quá một tuần. So với những thứ mà chúng ta chỉ dùng một vài lần trong đời, những thứ đem lại cho chúng ta sự thỏa mãn trong chốc lát, thì chắc chắn, đầu tư cho đọc sách là một sự đầu tư khôn ngoan và lâu dài.*

[3] Nếu coi thời gian của bạn cũng là một loại tiền bạc, thì khi bạn dùng thời gian để mua một khoản cảm xúc thời, có nghĩa là bạn đang tạo ra một tiêu sản- một tài sản tiêu hao, giống như mua một món đồ xa xỉ mà không có ích lợi lâu dài. Còn khi bạn dùng thời gian để đọc sách, có nghĩa là bạn đang đem tài sản của mình gửi vào trong ngân hàng, mua vàng, mua đất đai nhà cửa, cho vay để lãi mẹ đẻ lãi con. Tài sản của bạn là một thứ tài sản gia tăng, không ngừng được tích lũy và sinh ra các giá trị, các nguồn thu nhập thụ động.

(Trích *Tôi bận đọc* – Nguyễn Thị Ngọc Minh, hocthenao.vn)

Câu 1: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên? (0,5 điểm)

Câu 2: Trong đoạn (3), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)

Câu 3: Hãy giải thích tại sao tác giả lại cho rằng “đầu tư cho đọc sách là một sự đầu tư không ngoan và lâu dài”? (0,5 điểm)

Câu 4: Hãy nêu ít nhất 2 lí do của sự cần thiết phải đọc sách theo quan điểm của riêng mình. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Rễ sâu ai biết là hoa
Xoắn đàu ním ruột làm ra nụ cười.
Im trong lòng đất rói bời
Chắt chiu từng giọt, từng lời lặng im.
Uống từng giọt nước đời quên
Ăn từng thớ đá dựng nên sắc hồng
Nở rồi, trông dễ như không
Một vùng sáng động, một vùng hương bay.
Tụ, tan màu sắc một ngày
Mặt trời hôm, mặt trời mai ngoảnh cười
Bắt đầu từ rễ em ơi!*

(*Rễ...hoa* – Chế Lan Viên)

Câu 5: Tìm những từ ngữ thay thế từ chỉ “hoa” trong bài thơ. (0,25 điểm)

Câu 6: Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong 2 dòng thơ sau: “*Tụ, tan màu sắc một ngày*”, “*Mặt trời hôm, mặt trời mai ngoảnh cười*”? (0,5 điểm)

Câu 7: Nêu nội dung chính của bài thơ trên? (0,5 điểm)

Câu 8: Anh/chị hãy nhận xét quan điểm của tác giả thể hiện qua câu thơ “*Bắt đầu từ rễ em ơi!*” Trả lời trong 5-7 dòng. (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích: *Hãy cho rằng đọc- viết là một việc bắt buộc trong thời gian biểu của bạn, giống như việc bạn bắt buộc phải đi dạy thêm, bắt buộc phải đi làm hay đi học.*

Câu 2: Trong đoạn (3), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận chứng minh

Câu 3: Tác giả cho rằng “đầu tư cho đọc sách là một sự đầu tư không ngoan và lâu dài” bởi vì: đọc sách sẽ làm nên giá trị cuộc sống của con người, góp phần hoàn thiện con người, và đó là cả một chặng đường dài phải đi trong suốt cuộc đời

Câu 4: Thí sinh nêu ít nhất 2 lí do của sự cần thiết phải đọc sách theo quan điểm của riêng mình. (Ví dụ: đọc sách là cách để con người chủ động tích lũy kiến thức, không phụ thuộc vào bất kì ai. Việc đọc sách có thể thực hiện dễ dàng ở mọi lúc, mọi nơi...) Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

Câu 5: Những từ ngữ thay thế từ chỉ “hoa” trong bài thơ: “*nụ cười*”, “*sắc hồng*”

Câu 6: Biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong 2 dòng thơ: đối lập tương phản: “*tụ*” – “*tan*”, “*hôm*” – “*mai*”.

Câu 7: Nội dung chính của bài thơ: ngợi ca công lao của rễ cây, hi sinh bản thân để tạo ra những bông hoa tươi đẹp. Nói cách khác, để gặt hái được thành quả cần trân trọng những sự hi sinh thầm lặng mà lớn lao từ sâu xa.

Câu 8: Quan điểm của tác giả thể hiện qua câu thơ “*Bắt đầu từ rễ em ơi!*”: truyền thống “uống nước nhớ nguồn”; phải biết trân trọng, biết ơn nguồn cội, gốc rễ. Đây là quan điểm sâu sắc, đúng đắn ở mọi thời đại.

ĐỀ 95 – THPT ĐỊNH TIÊN HOÀNG – BA ĐÌNH

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Ngôn ngữ mơ hồ hạn chế sự rõ ràng và hiệu quả trong giao tiếp... Nhược điểm chung của chúng là không chứa đựng một nghĩa cụ thể, cố định nào và dễ gây nhầm lẫn.

Một từ ngữ mơ hồ khi nó không quy chiếu rõ ràng. Chúng ta không biết chính xác nội dung từ đó muốn truyền tải. Hãy xem hai phát biểu sau: “Người ta không thích thể loại nhạc này” và “Họ nói ông ấy sẽ không tham gia tranh cử lần hai”. Phản ứng tự nhiên với phát biểu thứ nhất sẽ là: “Người ta là ai và thể loại nhạc nào?”. Phản ứng với phát biểu thứ hai sẽ là: “Họ là ai?”. Trong cả hai ví dụ, chúng ta không chắc chắn về nội dung của thông điệp vì không có thông tin chính xác. Thay vào đó, hãy phát biểu thế này: “Những người từng được đào tạo ở Nhạc viện San Francisco không thích thể loại âm nhạc dân gian West Cork” hay “Ứng viên từ Ủy ban tuyển chọn của Đảng Dân chủ tuyên bố rằng ông sẽ không tham gia tranh cử nữa”. Khi đó, chúng ta sẽ có ý kiến phản hồi rõ ràng hơn.

Từ ngữ càng chung chung thì ý nghĩa càng mơ hồ. Một giải pháp chắc chắn để tránh sự mơ hồ là chọn lựa ngôn từ chính xác và chi tiết nhất có thể... Nếu bạn muốn nói đến ghé đù, ghé cỏ, ghé nha sĩ hay ghé điện thì hãy sử dụng đúng những từ đó thay vì từ “ghé” chung chung. Thông thường dựa vào ngữ cảnh, người nghe có thể đoán ra vật quy chiếu của những từ ngữ chung chung, nhưng để có quy chiếu chính xác hãy sử dụng những từ cụ thể...

(D.Q>Mcinerney, theo Tư duy logic, NXB Thanh niên, 2013)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ và phương thức biểu đạt chính của đoạn văn (0,5 điểm)

Câu 2: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên? (0,5 điểm)

Câu 3: Chủ đề của đoạn trích được triển khai bằng những nội dung nào? (0,25 điểm)

Câu 4: Anh/chị hãy nêu một vài kinh nghiệm riêng của bản thân về việc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp đạt hiệu quả. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng (0,25 điểm)

Đọc bài thơ *Đi trong rừng* của Phạm Tiến Duật dưới đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Anh đi trong rừng, lá võ trên cao,
Gió bồng bề cây; cây ngả nghiêng chào,
Lay bóng đậm gió thổi vào đóm nắng.
Cây cúc đặng quên lòng mình đang đặng
Trở hoa vàng dọc suối để ong bay;*

Cây bông bênh cười vui suốt ngày,
Thân thẳng cây chò, cành ngang cây bứa;
Cây nhựa trắng là cây si, cây sữa,
Nhựa vàng cây dục, nhựa đỏ cây nò,
Cây nứa mọc đứng, cây giang mọc bò,
Cây tầm gửi mọc ngồi đông đảo,
Cây lim uy nghi, sa nhân ma mỏng mảnh,
Dạ hương của đêm, mắc cỡ của ngày.
Da bàn tay thường chạm với da cây,
Khuôn mặt người chạm vào mặt lá.
Rừng ơi rừng, ta bỗng gần gũi quá!
Không có những ngày này, hồ dễ đã quen nhau

Câu 5: Chỉ ra các phương thức biểu đạt được dùng trong bài thơ trên. (0,25 điểm)

Câu 6: Những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nhiều trong bài thơ trên (0,5 điểm)

Câu 7: Nêu nội dung chính của bài thơ (0,5 điểm)

Câu 8: Viết cảm nhận của anh/chị về hai câu thơ sau trong khoảng 5-7 dòng (0,25 điểm)

Cây cúc đáng quên lòng mình đang đáng

Trở hoa vàng dục suối để ong bay

ĐÁP ÁN:

Câu 1:

- Phong cách ngôn ngữ: sinh hoạt.
- Phương thức biểu đạt: nghị luận.

Câu 2: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích: “Ngôn ngữ mơ hồ hạn chế sự rõ ràng và hiệu quả trong giao tiếp”

Câu 3: Chủ đề của đoạn trích được triển khai bằng 2 nội dung: Chứng minh một từ ngữ mơ hồ khi nó không quy chiếu rõ ràng và nêu ra giải pháp.

Câu 4: Thí sinh nêu dựa trên những kinh nghiệm của bản thân. Cần có lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng cụ thể, xác đáng.

Câu 5: Các phương thức biểu đạt được dùng trong bài thơ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 6: Những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nhiều trong bài thơ: nhân hóa, liệt kê.

Câu 7: Nội dung chính của bài thơ: Tác giả khắc họa lại những loại cây trong rừng đồng thời qua đó thể hiện tình cảm, sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên trong những năm tháng chiến tranh gian khổ.

Câu 8: Thí sinh nêu cảm nhận về hai câu thơ theo quan điểm của riêng mình, cần nhấn mạnh sự hi sinh quên mình để làm đẹp cho đời của hoa cúc cũng như của chính những người lính trong những năm tháng chiến tranh. Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

ĐỀ 96 – THPT GIAO THỦY B – NAM ĐỊNH

Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

(1) Làng cây ven hồ Guom như làn mi, như ai dướn đôi lông mày. Không thể nghĩ cái đầm nước tuyệt vời ấy lại vắng hàng mi những rèm cây.

(2) Cây cối Hồ Guom của Hà Nội thoạt nhìn không ra thể thức nào, nhưng để ý kỹ sẽ thấy được một lẽ lối của mỗi bóng nước. Mỗi cái cây bên nhau đều mang chứng tích của lịch sử và thời gian.

(3) Từ trong đảo Ngọc giữa hồ, những cây đa, cây si, cây sanh, cây đề và những cây gạo mà ở đầu đình làng nào cũng sum sê. Những gốc gạo hiền lành, xù xì như đá tảng vì những nhát dao tước vỏ cây từ thuở trong phố còn những cột đèn dầu thấp ở các ngã tư đường thập đạo, người ta lấy vỏ gạo về làm thuốc bóp chân sỏi, tay gãy – những bài thuốc ai cũng thuộc.

(4) Những cây trong vườn đã thành đại thụ cũng thấy ở đây. Bấy cây lộc vừng vun lại một khóm mà nõn lộc vừng hái để kèm ăn gỏi cá mè. Những cây sung cổ quái mỗi mùa xuân vẫn trổ lá, quả sung muối dưa, lá sung lót gói nem chạo trên Phụng nhắm với rượu gạo Mễ Trì của ba làng Mai (...)

(5) Ô hay, bắt chợt vào mùa thu, hoa vông, chỉ đến mùa hoa vông đỏ khé trên mặt hồ mới nhớ chữ hàng ngày qua dưới gốc vông, không ai để ý tới loại cây cọc rào quá quen mắt ấy (...)

(6) Cuối thế kỷ trước, người Pháp mới chiếm Hà Nội. Lịch sử đau thương quãng ấy đã sang trang rồi, nhưng còn dấu tích trong cây. Ấy là những cây gỗ tích chỉ thấy ở rừng Thượng Lào, những cây cọ đại châu Phi, những cây hoa phượng vĩ quê tận Tân Ghi-nê ngoài châu Đại Dương, người Pháp đã đem từ các thuộc địa tới.

(7) Cây quanh hồ Gươm tụ hội các thứ cây của làng nước và của thời thế.

(Trích bài viết của Tô Hoài trong Hồ Gươm và đền Ngọc Sơn)

Câu 1: Chỉ ra phép liên kết chính trong văn bản trên? (0,25 điểm)

Câu 2: Nêu nội dung chủ đề của văn bản? (0,25 điểm)

Câu 3: Phát hiện và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn (1)? (0,5 điểm)

Câu 4: Từ nội dung văn bản trên anh/chị có ý kiến gì về việc thành phố Hà Nội tiến hành chặt hàng loạt cây xanh trên các tuyến phố của thủ đô. Trả lời bằng một đoạn văn từ 5-7 câu. (0,5 điểm)

Đọc văn bản thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Em đi, như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết.*

*Em về, tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc*

*Em ở, trời trưa ở
Nắng sáng màu xanh che*

*Tình em như sao khuya
Rãi hạt vàng chi chít*

*Sợ gì chim bay đi
Mang bóng chiều bay hết*

*Tình ta như lộc biếc
Gọi ban mai lại về*

*Dù nắng trưa không ở
Ta vẫn còn sao khuya*

*Hạnh phúc trên đầu ta
Mọc sao vàng chi chít*

Mai, hoa em lại về...

(*Tình ca ban mai*, tập thơ “*Ánh sáng và phù sa*” – Chế Lan Viên)

Câu 5: Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Nhân vật trữ tình trong bài thơ? (0,5 điểm)

Câu 6: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của bài thơ (0,25 điểm)

Câu 7: Phát hiện và nêu tác dụng của biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong bài thơ. (0,5 điểm)

Câu 8: Nêu suy nghĩ của anh/chị về nhan đề bài thơ (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Phép liên kết chính trong văn bản trên: phép lặp.

Câu 2: Nội dung chủ đề của văn bản: Về đẹp của cây cối quanh hồ Gươm

Câu 3:

- Biện pháp tu từ trong đoạn (1): so sánh: “*Làng cây ven hồ Gươm như làn mi, như ai dướn đôi lông mày*”.

- Tác dụng: giúp người đọc hình dung ra vẻ đẹp của làng cây ven hồ Gươm một cách cụ thể, sinh động.

Câu 4: Thí sinh bày tỏ quan điểm cá nhân nhưng phải có lập luận chặt chẽ, thuyết phục, cần nhấn mạnh đó là việc không nên làm, không nhận được sự đồng tình, ủng hộ từ phía người dân.

Câu 5:

- Bài thơ được sáng tác theo thể thơ năm chữ.

- Nhân vật trữ tình trong bài thơ là nhân vật “em”

Câu 6: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: phương thức biểu cảm.

Câu 7:

- Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong bài thơ: biện pháp so sánh

Em đi, như chiều đi

Em về, tựa mai về

Tình em như sao khuya

Tình ta như lộc biếc

- Tác dụng: diễn tả chân thực, sinh động tình cảm của tác giả dành cho nhân vật trữ tình.

Câu 8: Thí sinh nêu suy nghĩ theo quan điểm của riêng mình, cần nhấn mạnh đây là một nhan đề đặc sắc, gọi cho người đọc liên tưởng về một tình yêu đẹp, tươi sáng.

ĐỀ 97 – SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

(1) *Quốc gia nào cũng có những điểm mạnh yếu riêng. Việt Nam là một nước nhỏ, thấp và vị trí không thuận lợi. Ta không phải là dân tộc có nền văn minh kỳ vĩ, giàu có hay lâu đời như Hi Lạp, La Mã, Ai Cập, Nhật Bản, Nga, Pháp... Thậm chí một tôn giáo riêng, chữ viết riêng chúng ta còn phải vay mượn. Xét về hiện đại thì chúng ta càng không là một quốc gia hùng mạnh về kinh tế, công nghệ. Nếu xét về tình cạnh tranh thì Việt Nam còn yếu tố bất lợi thứ ba đó là đứng cạnh một quốc gia quá lớn mạnh so với ta về nhiều mặt. Điều này tương tự như một con thuyền nhỏ sẽ rất khó lèo lái khi đi cạnh một hạm thuyền lớn.*

(2) Tuy nhiên các yếu tố trên không hoàn toàn chỉ là bất lợi. Trên đường có nhiều xe chạy. Nếu khi tắc nghẽn, xe nhỏ có thể luồn lách, băng lên trước. Nếu va quệt, tai nạn thì đỡ thiệt hại hơn, dễ khắc phục hơn.

(3) Hội nhập WTO là một cơ hội tốt được cộng hưởng, hội tụ từ lực bên trong và thế bên ngoài. Ở bên trong, kinh tế luôn tăng trưởng khá ngoạn mục. Việt Nam đã chứng tỏ mình là một quốc gia thật sự an toàn, hòa bình và thân thiện, cởi mở. Thế cờ quốc tế cũng đang có nhiều điểm lợi cho ta. Con thuyền Việt Nam đã nhập vào dòng chảy phát triển thì cho dù ta chưa đẩy mạnh được thuyền thì cũng đã được dòng nước đưa đi. Không ngược mái chèo, không lạc hướng. Ta chỉ cần đừng phạm luật để bị loại ra và hãy cố chạy cho nhanh mà thôi.

(Theo Đặng Phong - *Thuyền nhỏ phải lựa dòng*, báo Tuổi trẻ chủ nhật)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của phần trích? (0,25 điểm)

Câu 2: Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)

Câu 3: Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn (3)? (0.25 điểm)

Câu 4: Đặt vào ngữ cảnh chung của văn bản, anh/chị hãy cho biết ý nghĩa của: “con thuyền”, “dòng chảy”, “dòng nước” trong câu văn: “Con thuyền Việt Nam đã nhập vào dòng chảy phát triển thì cho dù ta chưa đẩy mạnh được thuyền thì cũng đã được dòng nước đưa đi”. (0,75 điểm)

Đọc văn bản sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

VỘI VÃ

vội vã
mặt hướng về quên lãng
hướng về tiếng thở dài
hướng về chuyển động
hướng về vô vọng

vội vã
không một lời xin lỗi
người đàn ông bước qua những ngọn cây
để lại phía sau người đàn bà làn khói mỏng

vội vã
những con thuyền tìm bến
những ngôi sao tìm chỗ được nhìn thấy
chen chúc trong vũng nước
một vòm trời đột nhiên

vội vã
những câu thơ tìm ngọn lửa
1999

(Theo 1 2 3 – Thanh Thảo, NXB Hội Nhà Văn, 2007, tr.17)

Câu 5: Thể loại của văn bản trên là gì? (0,25 điểm)

Câu 6: Về hình thức trình bày, văn bản này có điểm gì giống với văn bản “Đàn ghi-ta của Lor-ca” của cùng tác giả? (0,5 điểm)

Câu 7: Cách sử dụng từ “vội vã” trong văn bản? (0,5 điểm)

Câu 8: Trình bày cách hiểu của anh/chị về đoạn kết của văn bản? Trả lời trong khoảng 5-7 dòng (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Đoạn trích trên được viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2: Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận phân tích.

Câu 3: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn (3): *Hội nhập WTO là một cơ hội tốt được cộng hưởng, hội tụ từ lực bên trong và thế bên ngoài.*

Câu 4:

- “*Con thuyền*”: được hiểu là quốc gia.
- “*Dòng chảy*”: là xu hướng chung.
- “*Dòng nước*”: là những điều kiện bên ngoài thuận lợi cho ta.

Câu 5: Văn bản trên được viết theo thể thơ tự do.

Câu 6: Về hình thức trình bày, điểm giống giữa văn bản này với văn bản “*Đàn ghi-ta của Lor-ca*” đó là cùng được viết theo thể thơ tự do và các chữ cái đầu dòng đều không viết hoa.

Câu 7: Trong văn bản chữ “*vội vã*” được lặp lại nhiều lần ở đầu mỗi khổ thơ.

ĐỀ 98 – THPT QUỲNH NHAI

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 5:

“Thượng Đế sẽ không hỏi về số quần áo của bạn có trong tủ mà sẽ hỏi bạn giúp được bao nhiêu người có quần áo.

Thượng Đế sẽ không hỏi bạn có bao nhiêu tài sản vật chất mà sẽ hỏi chúng được tạo ra bằng chính sức lao động của bạn không.

Thượng Đế sẽ không hỏi bạn nhận được bao nhiêu lời khuyên khích mà sẽ hỏi bạn đã bao giờ khích lệ được người khác hay chưa.

Thượng Đế sẽ không hỏi bạn sống cạnh những người láng giềng nào mà hỏi bạn đối xử với những người hàng xóm như thế nào?

(Theo “*Phép màu nhiệm của đời*”, Nxb Trẻ)

Câu 1: Hãy đặt một nhan đề phù hợp cho đoạn văn trên?

Câu 2: Xác định nội dung cơ bản được phản ánh trong đoạn văn trên?

Câu 3: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

Câu 4: Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên?

Câu 5: Đoạn văn trên thuộc thể loại văn bản nào?

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 6 đến Câu 8:

“Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa Tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường mòn nhỏ hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng là cái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc những người chết tù, ở về phía tay trái, và nghĩa địa những người nghèo, ở về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ”.

Câu 6: Cho biết đoạn trích trên trích trong tác phẩm nào? Của tác giả nào?

Câu 7: Nêu ý nghĩa chi tiết “con đường mòn”?

Câu 8: Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên?

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Nhan đề phù hợp cho đoạn văn trên: Những điều Thượng Đế sẽ hỏi/ Thượng Đế sẽ hỏi gì? ...

Câu 2: Nội dung cơ bản được phản ánh trong đoạn văn trên: Những điều mà Thượng Đế quan tâm, đề cao, coi trọng.

Câu 3: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên: phương thức tự sự.

Câu 4: Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên: điệp từ, điệp cấu trúc câu, nhân hóa.

Câu 5: Đoạn văn trên thuộc thể loại văn xuôi.

Câu 6: Đoạn trích trên trích trong tác phẩm: “Thuốc” Của tác giả Lỗ Tấn.

Câu 7: Ý nghĩa chi tiết “con đường mòn”:

“Con đường mòn” là biểu tượng của tập quán xấu đã trở thành thói quen, suy nghĩ đương nhiên của người dân Trung Quốc lúc bấy giờ. Ở đây, con đường mòn chia cắt nghĩa địa người chết chém là người phản nghịch, người cách mạng với nghĩa địa người chết bệnh là nhân dân lao động nghèo khổ chính là biểu tượng cho mối quan hệ lỏng lẻo giữa nhân dân và cách mạng. Người dân Trung Quốc lúc bấy giờ ngu muội, thiếu hiểu biết về chính trị và người làm cách mạng thì lại xa rời quần chúng nhân dân.

Hình ảnh “con đường mòn” còn là biểu tượng để nói lên căn bệnh mê tín, lạc hậu, ngu muội đã đưa người dân Trung Hoa đến những bi kịch: cái chết Hạ Du (người cách mạng) và tiểu Thuyên (người chết bệnh).

Do đó, cần một thứ thuốc để chữa bệnh thể xác lẫn tinh thần cho toàn xã hội.

Câu 8: Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên:

- Ẩn dụ: chi tiết *con đường mòn*

- So sánh: Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ → rất nhiều mộ, hệ quả tất yếu của tình trạng ngu muội, lạc hậu của người dân Trung Quốc lúc bấy giờ.

ĐỀ 99 – THPT TÂY NINH

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3:

(1) *Vấn đề nhìn nhận đánh giá đúng vị trí, vai trò của lịch sử là vô cùng quan trọng bởi vì lịch sử chính là điểm tựa của chúng ta, là nơi hội tụ, kết tinh những giá trị tinh thần vô giá của dân tộc. Lịch sử giúp cho chúng ta có quyền tự hào và tin tưởng vào truyền thống anh hùng, bất khuất, mưu trí, sáng tạo của tổ tiên và hy vọng vào tiền đồ, tương lai tươi sáng của dân tộc. Chính vì vậy, tất cả chúng ta cần phải hăng hái, tự giác học lịch sử nước nhà để có thể đón nhận được những thông tin, tiếp thu được những kinh nghiệm quý báu từ xa xưa vận dụng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng Tổ quốc.*

(2) *Lịch sử không chỉ truyền dạy cho chúng ta nguồn gốc con Rồng, cháu Tiên mà lịch sử còn tiếp thêm sức mạnh cho chúng ta, truyền lại cho chúng ta quá khứ vẻ vang của dân tộc. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, thời nào đất nước ta cũng xuất hiện những nhân tài có công trị nước yên dân, xây dựng cuộc sống thanh bình, hạnh phúc. Đặc biệt là những khi Tổ quốc bị xâm lăng, từ những người nông dân áo vải bình dị đã sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt có lòng yêu nước nồng nàn, có tài cầm quân thao lược đánh Bắc, dẹp Nam giữ yên bờ cõi, trở thành tấm gương sáng, để lại tiếng thơm cho muôn đời.*

(TS. Phạm Ngọc Trung, Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)

Câu 3. Anh/chị hãy nêu vai trò của môn lịch sử trong trường THPT theo quan điểm riêng của mình. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm).

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 4 đến Câu 7:

*Ôi bóng người xưa, đã khuất rồi
Tròn đôi nắm đất trắng chân đồi.
Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng ngời!*

*Đốt nén hương thơm, mát dạ Người
Hãy về vui chút mẹ Tom ơi!
Nắng tươi xóm ngói, tường vôi mới
Phấp phới buồm dong, nắng biển khơi...*

(Mẹ Tom - Tố Hữu)

Câu 4. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. (0,25 điểm)

Câu 5. Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong hai câu thơ “*Sống trong cát, chết vùi trong cát - Những trái tim như ngọc sáng ngời*”. (0,5 điểm)

Câu 6. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 7. Anh/chị hãy nhận xét tình cảm của tác giả trong đoạn cuối. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên: “*Vấn đề nhìn nhận đánh giá đúng vị trí, vai trò của lịch sử là vô cùng quan trọng bởi vì lịch sử chính là điểm tựa của chúng ta, là nơi hội tụ, kết tinh những giá trị tinh thần vô giá của dân tộc.*”

Câu 2: Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận bình luận.

Câu 3: Thí sinh nêu quan điểm riêng của cá nhân, cần khẳng định vai trò quan trọng, là môn học không thể thiếu trong chương trình THPT của môn lịch sử. Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức biểu cảm.

Câu 5: Biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong hai câu thơ là biện pháp so sánh.

Câu 6: Nội dung chính của đoạn thơ trên: ngợi ca người mẹ tình nghĩa mà anh hùng.

Câu 7: Tình cảm của tác giả trong đoạn cuối: sự xúc động, biết ơn đối với mẹ Tom. Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau xong phải có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

ĐỀ 100 – THPT THÁI HÒA – NGHỆ AN

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

(1) *Có thể nói, trong tất cả các trò chơi, người ta đều nhận thấy khá dễ dàng đặc thù của chúng: mỗi trò chơi đều tăng cường, mài sắc một quyền năng thể chất hay trí tuệ của người thực hành nó để có thể (ở trẻ em là sự hoàn thiện) làm việc tốt hơn.*

(2) *Những trò chơi thể lực, như đu, vật, bơi bắt vịt, múa lân, kiệu bình kho, kéo co, ... giúp cho cơ thể cường tráng hơn, uyển chuyển hơn, phản ứng linh hoạt hơn và dẻo dai, bền bỉ hơn. Những trò chơi khéo léo khiến thị giác sắc nhọn hơn, xúc giác tinh tế hơn, sự vận động cơ bắp (cảm*

giác trong) chính xác hơn, như các trò chơi tung hứng, chuyền, kháng, bi, đáo, nhảy dây... Những trò chơi tính toán (các thứ cờ) rèn luyện thêm tính phương pháp, tính linh lợi xử lý tình huống. Những trò chơi may rủi, dù cho nguồn gốc của một bộ phận trong chúng là từ những biện pháp ma thuật xa xưa (xin âm dương, xin quẻ thẻ...) như xóc đĩa, giời, lú, thò lò, oản tù tì... cũng không phải như một số người nghĩ là những trò chơi vô bổ. Chúng đặt người chơi trước một tình huống vô đoán: một là thua, hai là được. Người chơi chỉ có một cách quyết định là dựa trên một trực giác nào đó về xác suất. Chúng rèn luyện tính tự chủ trong xúc động trước tình huống tốt nhất cũng như xấu nhất. Các trò chơi khổ luyện (nhìn lâu vào mặt trời không chớp mắt, ngồi lâu một tư thế không động đậy, nhìn thẳng vào nhau không cười, nghe chuyện pha trò không cười...) giúp cho đứa trẻ chiến thắng tính bất ổn định ấu thơ để xây dựng tính tự chủ bản thân.

(Đoàn Văn Chúc *Đồ chơi và trò chơi* trích *Văn hóa học* – NXB Văn hóa – Thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội 1997)

Câu 1. Nêu nội dung của đoạn văn trên (0,25 điểm)

Câu 2. Xác định phương pháp lập luận trong đoạn văn trên (0,25 điểm)

Câu 3. Chỉ ra ít nhất hai tác dụng của trò chơi dân gian mà em biết ngoài các tác dụng đã được nêu trong đoạn văn (0,5 điểm)

Câu 4. Viết đoạn văn với tiêu đề: **Trò chơi dân gian trong cái nhìn của giới trẻ ngày nay** trong khoảng 5 – 7 dòng (0,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Tôi hỏi đất đất sống với đất như thế nào?

Chúng tôi tôn cao nhau

Tôi hỏi nước nước sống với nước như thế nào?

Chúng tôi làm đầy nhau

Tôi hỏi cỏ cỏ sống với cỏ thế nào?

Chúng tôi đan vào nhau

Tôi hỏi người người sống với nhau như thế nào?

(Hỏi – Hữu Thịnh)

Câu 5. Xác định thể thơ của đoạn thơ. (0,25 điểm)

Câu 6. Việc lặp lại cấu trúc câu ở đoạn thơ trên có tác dụng gì? (0,5 điểm)

Câu 7. Em hiểu thế nào về các cụm từ: “tôn cao nhau”, “làm đầy nhau”, “đan vào nhau”? (0,5 điểm)

Câu 8. Anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (trong khoảng 5-7 dòng) trả lời cho câu hỏi: Người sống với nhau như thế nào? (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1. Nội dung của đoạn văn trên: tác dụng của trò chơi dân gian.

Câu 2. Đoạn văn trên sử dụng phương pháp lập luận phân tích.

Câu 3. Hai tác dụng của trò chơi dân gian mà em biết ngoài các tác dụng đã được nêu trong đoạn văn:

- Tăng thêm hiểu biết về văn hóa truyền thống, từ đó thêm yêu bản sắc văn hóa dân tộc.
- Không tốn kém.

Câu 4. Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, cần đảm bảo các ý chính:

- Trò chơi dân gian đối với giới trẻ ngày nay khá xa lạ, thậm chí cũ kĩ, lạc hậu.
- Giới trẻ không quan tâm đến các trò chơi dân gian mà chỉ bị thu hút bởi các trò chơi hiện đại.

- Cần giáo dục, nâng cao hiểu biết về các trò chơi dân gian để tăng sự thích thú của giới trẻ, có ý thức muốn tìm hiểu, khám phá.

Câu 5. Đoạn thơ được viết theo thể thơ tự do.

Câu 6. Việc lặp lại cấu trúc ở đoạn thơ trên nhằm nhấn mạnh sự tương đồng, thống nhất trong cách đối xử với nhau của đất, nước, cỏ; đó là tinh thần đoàn kết.

Câu 7. Các cụm từ: “*tôn cao nhau*”, “*làm đầy nhau*”, “*đan vào nhau*” đều là những hành động chỉ sự đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Câu 8. Thí sinh bày tỏ quan điểm của cá nhân về thái độ sống của con người với con người. Có thể trình bày theo hai ý: Con người luôn yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoàn cảnh, bên cạnh đó vẫn có những người vô cảm, không quan tâm, chia sẻ với người khác. Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

ĐỀ 101 – THPT A NGHĨA HƯNG

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

“...Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo. Họ coi trọng hiện thế trần tục hơn thế giới bên kia. Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng. Nhưng về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình. Tuy là coi trọng hiện thế nhưng cũng không bám lấy hiện thế, không quá sợ hãi cái chết (sống gửi thác về). Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. Của cải vẫn được quan niệm là của chung, giàu sang chỉ là tạm thời, tham lam giành giật cho nhiều cũng không giữ mãi mà hưởng được. Người ta mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thông thả, có đông con nhiều cháu, ước mong về hạnh phúc nói chung là thiết thực, yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người. Con người được ưa chuộng là con người hiền lành, tình nghĩa. Không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng. Dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thượng võ [...]. Trong tâm trí nhân dân thường có Thần và Bụt mà không có Tiên. Thần uy linh bảo quốc hộ dân và Bụt hay cứu giúp mọi người; còn Tiên nhiều phép lạ, ngao du ngoài thế giới thì xa lạ. Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn đi trước, lợi nước theo sau, biết thủ thế, giữ mình, gỡ được tình thế khó khăn. Đối với cái dị kì, cái mới, không dễ hoà hợp nhưng cũng không cự tuyệt đến cùng, chấp nhận cái gì vừa phải, hợp với mình nhưng cũng chần chừ, dè dặt, giữ mình.”
(Trần Đình Hượu, Trích “Nhìn về vốn văn hóa dân tộc” – “Đến hiện đại từ truyền thống”, NXB Văn học, Hà Nội, 1996)

Câu 1: Ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 3: Xác định phép liên kết trong hai câu sau:

“Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn đi trước, lợi nước theo sau, biết thủ thế, giữ mình, gỡ được tình thế khó khăn”. (0,25 điểm)

Câu 4: Câu văn: “Đối với cái dị kì, cái mới, không dễ hoà hợp nhưng cũng không cự tuyệt đến cùng, chấp nhận cái gì vừa phải, hợp với mình nhưng cũng chần chừ, dè dặt, giữ mình.” thể hiện lối sống nào của người Việt Nam.

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (từ 5-7 dòng) nêu suy nghĩ của mình về lối sống đó (0,5 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

“- Chị ơi...

Chỉ gọi được thế thôi

Anh chiến sĩ đưa đường bỗng thấy nghẹn lời

Không làm sao anh còn nói nổi:

Chị đặt hoa nhâm rồi

Mộ anh ấy ở bên tay trái

Chỉ một vòng hoa chị mang từ quê lại

Hoa viếng mộ bên này đã có chúng tôi!

Chị hiểu ý em rồi

Xin cho chị đặt hoa bên mộ đó

Cả cánh rừng chỉ có hai ngôi mộ

Viếng mộ anh có chị đến đây rồi”

(Trần Ninh Hồ)

Câu 5: Xác định phương thức biểu đạt chính trong bài thơ? (0,25 điểm)

Câu 6: Xác định phép điệp và hiệu quả nghệ thuật của phép điệp trong bài thơ? (0,5 điểm)

Câu 7: Nêu nội dung chính của bài thơ (0,5 điểm)

Câu 8: Qua bài thơ, anh/chị hiểu thế nào nỗi đau do chiến tranh để lại và vấn đề tình nghĩa của con người? Viết một đoạn văn ngắn 5-7 dòng để trình bày điều đó (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên: Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo.

Câu 2: Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học.

Câu 3: Phép liên kết trong hai câu: phép lặp: “khôn khéo”.

Câu 4: Thí sinh bày tỏ quan điểm của riêng mình, cần khẳng định đó là thái độ sống chưa chủ động, tự tin, giữ thái độ trung lập, chưa hết mình, còn đề phòng. Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính trong bài thơ: phương thức tự sự.

Câu 6:

Phép điệp: điệp các từ “anh”, “chị”, “viếng”, “mộ”

Hiệu quả nghệ thuật của phép điệp: nhấn mạnh nỗi đau, sự mất mát to lớn do chiến tranh gây ra mà người vợ phải gánh chịu.

Câu 7: Nội dung chính của bài thơ: Bài thơ kể về khoảnh khắc người vợ vào thắp hương cho chồng ở Trường Sơn. Qua đây ngợi ca tình người, tình nhân ái cùng trái tim nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam.

Câu 8: Nỗi đau do chiến tranh để lại là vô cùng lớn, không gì có thể bù đắp được. Tình nghĩa của con người là điều quý giá, đáng trân trọng, gìn giữ và phát huy, trong thời chiến cũng như trong thời bình.

ĐỀ 1012 – THPT DTNT NƠ TRANG LÔNG - ĐẮK LẮK

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Ôi tổ quốc! ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta, như vợ, như chồng
Ôi Tổ quốc! Nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông.
(Sao chiến thắng – Chế Lan Viên)*

Câu 1: Đoạn thơ đã sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính? (0,25 điểm)

Câu 2: Trong đoạn thơ tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ gì? Trình bày hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ đó?

Câu 3: Anh/chị hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng nhận xét về tấm lòng của tác giả đối với tổ quốc. (0,5 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Khi mạng xã hội ra đời, những người cổ xúy thường cho rằng chức năng quan trọng nhất của nó là kết nối. Nhưng trên thực tế phải chăng mạng xã hội đang làm chúng ta xa cách nhau hơn?”

Tôi đi dự đám cưới, bữa tiệc được chuẩn bị chu đáo, sang trọng từ khâu tiếp khách, lễ nghi cho đến cách chọn thực đơn, loại nhạc biểu diễn trong suốt bữa tiệc. Vậy mà suốt buổi tiệc, nhìn quanh mình đâu đâu tôi cũng thấy có người chăm chú dán mắt vào màn hình điện thoại, mà khỏi nói tôi cũng biết họ đang xem gì qua cách họ túm tụm thành từng nhóm vừa chỉ chỗ vào chiếc điện thoại, vừa bình luận, nói cười rôm rả.

(...) Trẻ trung có (số này chiếm đông hơn cả), tầm tầm cũng có. Nói đâu xa, ngay trong bàn tôi cũng thấy, mọi người xúm lại chụp ảnh rồi “post” lên Facebook ngay tức thì “cho nó “hot”!”, một người bảo vậy” ...

Câu 4: Đoạn văn trên được viết theo phong cách nào? Nói về thực trạng gì đang phổ biến hiện nay? (0,5 điểm)

Câu 5: Những người đi dự đám cưới ở đoạn văn trên quan tâm tới điều gì? Điều đó trái với sự tiếp đón của gia chủ ra sao? (0,75 điểm)

Câu 6: Hãy đặt tên cho đoạn văn? (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ: phương thức biểu cảm .

Câu 2:

Các biện pháp tu từ:

+ Điệp: “Ôi Tổ Quốc”

+ So sánh: Ta yêu như máu thịt/ Như mẹ cha ta, như vợ, như chồng

+ Liệt kê: ngôi nhà, ngọn núi, con sông

Hiệu quả: diễn tả thành công tâm tư, tình cảm của tác giả: tình yêu Tổ quốc tha thiết, sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc thân yêu.

Câu 3: Thí sinh nêu cảm nhận của bản thân, cần khẳng định đó là tấm lòng lớn lao, cao cả, đáng trân trọng, ngợi, ca. Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

Câu 4: Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, nói về thực trạng con người sống ảo, là “tín đồ” của mạng xã hội và dần xa cách nhau hơn.

Câu 5: Những người đi dự đám cưới ở đoạn văn trên chỉ quan tâm tới chiếc điện thoại của mình, mạng xã hội, post ảnh lên Facebook mà không màng tới xung quanh, không để tâm đến gia chủ và bữa tiệc mình đang tham dự, đối lập hoàn toàn với sự chuẩn bị chu đáo về mặt tiếp đón của gia chủ.

Câu 6: Đặt tên cho đoạn văn: Gần mặt – cách lòng.

ĐỀ 103– SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 5:

"... Thời gian đã lùi xa, nhưng Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

Đó là bài học về tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa chống giặc đói, giặc dốt, vừa chống giặc ngoại xâm, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù cho chúng có mạnh tới đâu.

Bài học về phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Bài học về phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và sáng tạo, tìm tòi, xác định đúng đường lối cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Bài học về xây dựng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. "

(Trích Diễn văn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Lễ mít tinh, diễu binh, diễu hành kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 7/5/1954 - 7/5/2014)

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0.25 điểm) ,

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó. (0.5 điểm)

Câu 3. Cụm từ “một mốc son chói lọi trong lịch sử” nói lên điều gì? (0.25 điểm)

Câu 4. Đặt tiêu đề cho văn bản trên. (0.25 điểm)

Câu 5. Anh/chị hãy bày tỏ cảm xúc của bản thân về Chiến thắng Điện Biên Phủ. Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng. (0.25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 6 đến Câu 8:

*Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh.
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh*

(Trích Chợ tết - Đoàn Văn Cừ)

Câu 6. Chỉ ra các phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên. (0.5 điểm)

Câu 7. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0.25 điểm)

Câu 8. Xác định các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên. Nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ đó. (0.75 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận

Câu 2.

Biện pháp nghệ thuật được sử dụng nhiều nhất trong văn bản: biện pháp điệp cấu trúc câu “bài học về...” kết hợp với biện pháp liệt kê.

Tác dụng: Nhấn mạnh những bài học to lớn, quý giá mà chiến thắng Điện Biên Phủ mang lại.

Câu 3. Cụm từ “một mốc son chói lọi trong lịch sử” nói lên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ mang ý nghĩa to lớn, vĩ đại, để lại dấu ấn quan trọng trong lịch sử dân tộc.

Câu 4. Đặt tiêu đề cho văn bản: Bài học quý báu từ chiến thắng Điện Biên Phủ.

Câu 5. Cảm xúc của bản thân về Chiến thắng Điện Biên Phủ: Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau song cần nhấn mạnh cảm xúc tự hào về chiến thắng của dân tộc, lòng biết ơn đối với các thế hệ đi trước, đồng thời có ý thức học tập rèn luyện để xứng đáng với công lao của ông cha.

Câu 6. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ: miêu tả, biểu cảm

Câu 7. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ bát ngôn.

Câu 8.

Các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ: so sánh, nhân hóa.

Hiệu quả nghệ thuật: Làm cho bức tranh mùa xuân hiện lên vừa gần gũi, vừa sinh động, giàu sức gợi hình gợi cảm.

ĐỀ 1014 – THPT QUẢNG XƯƠNG

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của dân ta. Từ xưa đến nay. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô

cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

(Hồ Chí Minh, Tinh thần yêu nước của nhân dân ta)

Câu 1: Ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích?

Câu 2: Trong đoạn trích trên tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3: Hãy nhận xét về hiệu quả nghệ thuật của các từ: sôi nổi, làn sóng, lướt qua, nhấn chìm?

Câu 4: Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy nêu quan điểm của mình về biểu hiện của lòng yêu nước trong thời đại ngày nay (khoảng 5-7 dòng)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...”*

*Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời”*
(Từ ấy – Tố Hữu)

Câu 5: Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên?

Câu 6: Nêu nội dung chính của đoạn thơ?

Câu 7: Xác định hai biện pháp tu từ chủ yếu được tác giả sử dụng trong đoạn thơ?

Câu 8: Phân tích giá trị nghệ thuật của một trong hai biện pháp tu từ vừa xác định ở trên.

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích : “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước”

Câu 2: Trong đoạn trích trên tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận bình luận.

Câu 3: Hiệu quả nghệ thuật của các từ: sôi nổi, làn sóng, lướt qua, nhấn chìm: khắc họa thành công sức mạnh của tinh thần yêu nước.

Câu 4: Thí sinh bày tỏ quan điểm của riêng mình về biểu hiện của lòng yêu nước trong thời đại ngày nay (Ví dụ: tích cực học tập, rèn luyện, hăng say lao động, góp phần công sức vào sự phát triển của đất nước....). Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

Câu 5: Phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên: phương thức biểu cảm.

Câu 6: Nội dung chính của đoạn thơ: Tiếng reo vui phấn khởi và quyết tâm của người thanh niên cộng sản nguyện hòa cái tôi nhỏ bé của mình vào cái ta chung rộng lớn của quần chúng nhân dân cần lao.

Câu 7: Hai biện pháp tu từ chủ yếu được tác giả sử dụng trong đoạn thơ: biện pháp ẩn dụ và biện pháp so sánh.

Câu 8: Giá trị nghệ thuật: Các hình ảnh ẩn dụ nhằm ca ngợi lí tưởng cách mạng, ca ngợi chủ nghĩa cộng sản đã soi sáng tâm hồn, đem lại ánh sáng cho cuộc đời.

ĐỀ 105 – SỞ GD & ĐT HẬU GIANG

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quyện thành từng cục máu lớn.

(Trích Rừng xà nu – Nguyễn Trung Thành, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013, tr.38)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt được tác giả sử dụng trong đoạn văn trên (0,25 điểm)

Câu 2: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào khi viết về cây xà nu ở đoạn văn trên? (0,5 điểm)

Câu 3: Xác định nội dung chính của đoạn văn trên. (0,5 điểm)

Câu 4: Xác định các biện pháp tu từ cú pháp được tác giả sử dụng trong câu văn: Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy.(0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

...Mê Kông quặn đẽ...

Chín nhánh sông vàng

Nông dân Nam bộ gói đất nằm sương

Mồ hôi vã bãi lau thành đồng lúa

Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa

Những Hà Tiên, Gia Định, Long Châu

Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau

Những mặt đất

Cha ông ta nhắm mắt

Truyền cháu con không bao giờ chia cắt

(Trích Cửu Long Giang ta ơi – Nguyễn Hồng, Sông núi quê hương, NXB Thanh niên, 1997, tr.150)

Câu 5: Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong bốn dòng đầu của đoạn thơ trên (0,5 điểm)

Câu 6: Xác định các dạng của phép điệp thể hiện ở hai câu thơ 6,7 của đoạn thơ trên (0,25 điểm)

Câu 7: Theo anh/chị, vì sao khi nhắc đến một số tên đất Nam bộ, tác giả lại viết đọc lên nước mắt đều muốn ứa? (0,25 điểm)

Câu 8: Theo anh/chị, tác giả muốn nhắn nhủ điều gì qua các dòng thơ: Những mặt đất - Cha ông ta nhắm mắt - Truyền cháu con không bao giờ chia cắt. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Phương thức biểu đạt được tác giả sử dụng trong đoạn văn trên: tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm

Câu 2: Biện pháp tu từ: nhân hóa.

Câu 3: Nội dung chính của đoạn văn: Sự tàn phá mãnh liệt của chiến tranh đối với làng Xô-man nói chung và rừng xà nu nói riêng.

Câu 4: Các biện pháp tu từ cú pháp được tác giả sử dụng trong câu văn: phép lặp cú pháp, phép liệt kê, phép chêm xen.

Câu 5: 2 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong bốn dòng đầu của đoạn thơ trên: nhân hóa “Mê Kông quặn đẻ”, ẩn dụ “mơ hôi và bãi lau thành đồng lúa”

Câu 6: Các dạng của phép điệp thể hiện ở hai câu thơ 6,7 của đoạn thơ trên: điệp từ “những” và điệp cấu trúc câu.

Câu 7: Khi nhắc đến một số tên đất Nam bộ, tác giả lại viết đọc lên nước mắt đều muốn ứa bởi vì: đó là những địa danh gợi nhắc sự vất vả, khó nhọc, sự hi sinh của người dân Nam bộ trong cuộc sống thường ngày cũng như trong chiến tranh.

Câu 8: Qua các dòng thơ: Những mặt đất - Cha ông ta nhắm mắt - Truyền cháu con không bao giờ chia cắt tác giả muốn nhắn nhủ tới thế hệ sau phải biết trân trọng công lao của những người đi trước; yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, cùng gìn giữ những mảnh đất quê hương.

ĐỀ 106 –THPT KIM THÀNH – HẢI DƯƠNG

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Văn học dân gian Việt Nam có nội dung phong phú, phản ánh cuộc sống, thể hiện lí tưởng xã hội và đạo đức của nhân dân lao động các dân tộc, được đánh giá như “sách giáo khoa về cuộc sống”. Nó cung cấp những tri thức hữu ích về tự nhiên và xã hội, góp phần quan trọng vào sự hình thành nhân cách con người Việt Nam, bảo tồn và phát huy những truyền thống tốt đẹp như: truyền thống yêu nước, tinh thần hướng thiện, trọng nhân nghĩa, giàu tình thương... Nó là một kho tàng chứa đựng các truyền thống nghệ thuật dân tộc, từ ngôn ngữ đến các hình thức thơ ca, các phương pháp xây dựng nhân vật, thể hiện đề tài, cốt truyện...

(Theo Ngữ văn 10 Nâng cao, tập một, NXB Giáo dục 2013)

Câu 1: Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 3: Nội dung đoạn văn được triển khai thành mấy ý? Là những ý nào? (0,5 điểm)

Câu 4: Thao tác lập luận chủ yếu của đoạn văn? (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Có những vĩ nhân được nhân loại khắc tên
Bởi những tấm bằng xúng danh trong lịch sử
Và có những tấm bằng chứng nhận những việc làm tuy nhỏ
Nhưng cố gắng hết mình, vẫn quý trọng biết bao!
Có được điều lớn lao
Từ những gì nhỏ bé
Đừng bao giờ chứng minh cuộc đời bằng những gì không thể
Như những tấm bằng không bằng được chính ta*

(Trích Tấm bằng – Hoàng Ngọc Quý, theo Văn học và Tuổi trẻ)

Câu 5: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 6: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong cả hai khổ thơ? (0,25 điểm)

Câu 7: Ở khổ thơ (1), tác giả muốn bày tỏ điều gì? (0,5 điểm)

Câu 8: Là một học sinh sắp sửa bước vào kì thi THPT Quốc gia, anh/chị suy nghĩ gì về lời nhắn gửi trong hai câu cuối của khổ thơ (2)? Trả lời trong khoảng 5-7 dòng (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học.

Câu 2: Nội dung chính của đoạn văn: nội dung và vai trò của văn học dân gian Việt Nam.

Câu 3: Nội dung đoạn văn được triển khai thành 2 ý:

Nội dung của văn học dân gian Việt Nam.

Vai trò của văn học dân gian Việt Nam.

Câu 4: Thao tác lập luận chủ yếu của đoạn văn là thao tác lập luận phân tích.

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên: phương thức biểu cảm.

Câu 6: Biện pháp tu từ được sử dụng trong cả hai khổ thơ: đối lập tương phản.

Câu 7: Ở khổ thơ (1), tác giả muốn nhắn nhủ: Cần biết quý trọng những tấm bằng phản ánh đúng thực chất sự cố gắng của bản thân, dù đó là tấm bằng danh giá hay bình thường.

Câu 8: Lời nhắn gửi trong hai câu cuối của khổ thơ (2): Phải chứng minh với cuộc đời bằng giá trị thực của bản thân chứ không phải bằng giá trị ghi trên tấm bằng, vì nó chưa phản ánh đầy đủ năng lực thực của bản thân.

ĐỀ 107 – SỞ GD & ĐT LÀO CAI

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Đối với những người làm thuê số 1 Việt Nam, công việc cũng giống như một trò chơi. Họ say mê trò chơi công việc cũng giống như các game thủ đã mê với các trò chơi Võ lâm truyền kỳ hiện nay. Điểm khác biệt duy nhất giữa những người làm thuê số 1 với các game thủ chính là họ biết làm chủ bản thân mình. Họ biết rằng mình đang làm gì, công việc của họ đang giúp ích gì cho bản thân và xã hội. Còn những game thủ, những người đang sa đà vào một trò chơi giải trí không hơn không kém, thì lại thiếu một điểm tôi cho là rất quan trọng đó là thiếu tự chủ, thiếu khả năng làm chủ bản thân. Hiểu một cách nào đó thì chúng ta đều là những người làm thuê cho nhau. Điều quan trọng nhất là khả năng làm chủ bản thân.

(Huỳnh Duy – Việt báo)

Câu 1: Thao tác lập luận chủ yếu được sử dụng trong văn bản trên? (0,25 điểm)

Câu 2: Nội dung khái quát của văn bản trên? (0,5 điểm)

Câu 3: Phần gạch chân trong câu sau là thành phần gì của câu? (0,25 điểm)

Còn những game thủ, những người đang sa đà vào một trò chơi giải trí không hơn không kém, thì lại thiếu một điểm tôi cho là rất quan trọng đó là thiếu tự chủ, thiếu khả năng làm chủ bản thân.

Vị ngữ

Trạng ngữ

Phụ chú

Chủ ngữ

Câu 4: Viết 4 đến 5 câu trình bày về khả năng làm chủ bản thân của mình. (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Ngày xưa má mẹ cũng hồng
Bên anh mẹ thức lo từng cơn đau
Bây giờ tóc mẹ trắng phau
Để cho mái tóc trên đầu anh đen
Đâu con dốc nắng đường quen
Chợ xa gánh nặng mẹ lên mấy lần*

*Lời ru mẹ hát thuở nào
Chuyện xưa mẹ kể lẫn vào thơ anh
Nào là hoa bưởi hoa chanh
Nào câu quan họ mái đình cây đa
Xin đừng bắt chước câu ca
Đi về đối mẹ để mà yêu nhau*

(Trích Mẹ và anh – Xuân Quỳnh)

Câu 5: Biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong từng đoạn thơ (mỗi đoạn nêu biện pháp nghệ thuật) (0,5 điểm)

Câu 6: Nhà thơ Xuân Quỳnh muốn nhắn nhủ chúng ta điều gì? (0,5 điểm)

Câu 7: Theo em, lời ru và câu chuyện của mẹ có vai trò như thế nào đối với hồn thơ của nhân vật “anh” (0,25 điểm)

Câu 8: Viết 5 đến 7 câu nêu suy nghĩ của bản thân về tình mẹ (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Thao tác lập luận chủ yếu được sử dụng trong văn bản trên: thao tác lập luận bình luận.

Câu 2: Nội dung khái quát của văn bản: khả năng làm chủ bản thân của những người làm thuê số 1 Việt Nam.

Câu 3: Đáp án C. Phụ chú.

Câu 4: Thí sinh viết dựa vào cảm nhận và trải nghiệm của bản thân. Cần có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

Câu 5: Biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong từng đoạn thơ:

+ Khổ 1: Đối lập tương phản, ẩn dụ.

+ Khổ 2: Điệp từ.

Câu 6: Nhà thơ Xuân Quỳnh muốn khẳng định: tình yêu thương của mẹ dành cho con là bao la, rộng lớn. Mẹ chấp nhận hi sinh tất cả, chịu mọi vất vả cực nhọc để nuôi con lớn khôn, mong mọi thứ tốt đẹp sẽ đến với con. Từ đó tác giả nhắn nhủ mỗi người con phải biết kính trọng, biết ơn mẹ của mình, đừng bao giờ dối mẹ, đừng bao giờ làm mẹ buồn.

Câu 7: Lời ru và câu chuyện của mẹ chính là nguồn cảm hứng, tạo nên những xúc cảm dạt dào cho hồn thơ của nhân vật “anh”

Câu 8: Thí sinh bày tỏ quan điểm riêng của bản thân, cần nhấn mạnh tình mẹ là vĩ đại, to lớn, không gì có thể so sánh được. Phải có lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

ĐỀ 108 – THPT BẮC LÝ – HÀ NAM

Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

Hai con người côi cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phủ phàng của bão tố chiến tranh thổi tới những miền xa lạ... Cái gì đang chờ đón họ ở phía trước? Thiết nghĩ rằng con người Nga đó, con người có ý chí kiên cường, sẽ đứng vững được và sống bên cạnh bố, chú bé kia một khi lớn lên sẽ có thể đương đầu với mọi thử thách, sẽ vượt qua mọi chướng ngại trên đường nếu như Tổ quốc kêu gọi.

(Ngữ văn 12, tập 2, NXB GD, 2008)

Câu 1: Đoạn văn bản sử dụng phương thức biểu đạt nào? (0.25 điểm)

Câu 2: Trong đoạn văn bản trên, tác giả trình bày điều gì? (0,5 điểm)

Câu 3: Hãy chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn và tác dụng của nó (0,5 điểm)

Câu 4: Vì sao “chú bé kia một khi lớn lên sẽ có thể đương đầu với mọi thử thách, sẽ vượt qua mọi chướng ngại trên đường nếu như Tổ quốc kêu gọi”? Hãy viết một đoạn văn ngắn (5-7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vai trò của ý chí (0,5 điểm)

Đọc văn bản sau rồi trả lời câu hỏi:

Giu-li-et: Anh làm thế nào để tới được chốn này, anh ơi, và tới làm gì thế? Tường vườn này cao, rất khó trèo qua; và nơi tử địa, anh biết mình là ai rồi đấy, nếu anh bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây.

Rô-mê-ô: Tôi vượt được tường này là nhờ đôi cánh nhẹ nhàng của tình yêu; mấy bức tường đá ngăn sao được tình yêu; mà cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm; vậy người nhà em ngăn sao nổi tôi.

(Ngữ văn 11, tập 1, NXB GD, 2008)

Câu 5: Đoạn văn bản trên thuộc thể loại văn học nào? Qua đoạn văn bản này, hãy cho biết đặc điểm nổi bật về ngôn ngữ của thể loại văn học đó là gì? (0,5 điểm)

Câu 6: Trong đoạn văn bản có sử dụng biện pháp tu từ nào? Thể hiện điều gì? (0,5 điểm)

Câu 7: Qua đoạn văn bản trên, anh/chị phát hiện ra mâu thuẫn nổi bật nào của tác phẩm? (0,5 điểm)

Câu 8: Anh/chị hiểu thế nào về quan niệm của Rô-mê-ô “cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm”? Quan niệm của anh/chị về sức mạnh của tình yêu chân chính? (0,75 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Đoạn văn bản sử dụng phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả.

Câu 2: Trong đoạn văn bản trên, tác giả thể hiện nỗi băn khoăn, lo lắng về tương lai các nhân vật nhưng khâm phục, tin tưởng ở lòng nhân ái và bản lĩnh của con người Nga. Đồng thời đặt ra vấn đề xã hội cũng cần quan tâm đến cá nhân con người, nhất là những người có đóng góp, hi sinh lớn cho cộng đồng.

Câu 3:

Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn: hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng: hai hạt cát.

Tác dụng: gợi liên tưởng đến thân phận nhỏ bé của con người trước bão tố của chiến tranh và nỗi nhọc nhằn mưu sinh trong đời thường

Câu 4:

Bởi vì chú bé đó có ý chí kiên cường của con người Nga.

Vai trò của ý chí: giúp con người có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống để gặt hái được thành công.

Câu 5:

Đoạn văn bản trên thuộc thể loại văn học: kịch

Đặc điểm nổi bật về ngôn ngữ của thể loại kịch đó là: mang tính đối thoại.

Câu 6:

Biện pháp tu từ: phóng đại “Tôi vượt được tường này là nhờ đôi cánh nhẹ nhàng của tình yêu; mấy bức tường đá ngăn sao được tình yêu”

Tác dụng: thể hiện sức mạnh của tình yêu chân chính mà Rô-mê-ô giành cho Giu-li-ét.

Câu 7: Mâu thuẫn nổi bật của tác phẩm: khát vọng được yêu thương Rô-mê-ô và Giu-li-ét và hoàn cảnh thù địch vây hãm (thù hận giữa hai dòng họ)

Câu 8:

Quan niệm của Rô-mê-ô “cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm”: là quan niệm đúng đắn, hết mình vì tình yêu.

Quan niệm về sức mạnh của tình yêu chân chính: Sức mạnh đó có thể tạo ra tình cảm và nhân cách trong sáng, nâng đỡ, cổ vũ con người vượt qua thù hận, vượt qua mọi trở ngại, thử thách để đến được hạnh phúc.

ĐỀ 109 – THPT GIA LỘC – HẢI DƯƠNG

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3:

“...Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con để cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

(Vợ nhặt – Kim Lân)

Câu 1: Nội dung chính của đoạn văn trên là gì? Qua đó, anh/chị hiểu nghĩa của từ “nên người” như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 2: Ngôn ngữ trong đoạn văn là lời của ai? Việc sử dụng ngôn ngữ đó có tác dụng gì? (0,5 điểm)

Câu 3: Nhà văn đã thể hiện tình cảm gì đối với nhân vật? Viết lời nhận xét trong khoảng 5-7 dòng (0,5 điểm)

Đọc bài ca dao “Mười tay” của dân tộc Mường sau đây, trả lời các câu hỏi từ Câu 4 đến Câu 6:

Bồng bồng con nín con ơi
Dưới sông cá lội, ở trên trời chim bay.
Ước gì mẹ có mười tay
Tay kia bắt cá, còn tay này bắn chim.
Một tay chuốt chỉ luôn kim
Một tay đi làm ruộng, một tay tìm hái rau.
Một tay ôm ấp con đau
Một tay vay gạo, một tay cầu cúng ma.
Một tay khung cửi guồng xa
Một tay lo bếp nước, lo cửa nhà nắng mưa.
Một tay đi củi, muối dưa
Còn tay để van lạy, để bảm thừa, đỡ đòn.
Tay nào để giữ lấy con
Tay nào lau nước mắt, mẹ vẫn còn thiếu tay.
Bồng bồng con ngủ cho say
Dưới sông cá vẫn lội, chim vẫn bay trên trời.

Câu 4: Nhân vật trữ tình trong bài ca dao là ai? Nhân vật trữ tình dành tình cảm yêu thương đặc biệt cho ai? Vì sao? (0,5 điểm)

Câu 5: Chỉ ra hai biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong bài ca dao? Nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ đó (0,5 điểm)

Câu 6: Nêu những suy nghĩ của anh/chị về cuộc đời người phụ nữ trong xã hội xưa và nay? Viết câu trả lời khoảng 7-10 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN:

Câu 1:

Nội dung chính của đoạn văn trên: miêu tả tâm trạng của Tràng trong buổi sáng thức dậy, sự ý thức về bổn phận trách nhiệm của người chồng, người chủ gia đình

Nghĩa của từ “nên người”: ý thức được trách nhiệm, bổn phận của bản thân.

Câu 2:

Ngôn ngữ trong đoạn văn là lời của tác giả, ngôi thứ 3.

Tác dụng: tạo nên sự khách quan cho tác phẩm.

Câu 3: Kim Lân đã phát hiện ra vẻ đẹp trong tâm hồn con người lao động, dù ở bờ vực của cái chết nhưng họ vẫn khao khát hạnh phúc gia đình, vẫn muốn sống cuộc đời của một con người. Ông mở cho nhân vật của mình một tương lai sáng lạng, đầy hi vọng. Qua đó, Kim Lân gửi vào trong đoạn văn của mình tiếng nói mang ý nghĩa triết lí nhân sinh sâu sắc: Hạnh phúc đã cứu con người thoát khỏi cái chết và có khả năng đưa con người thoát khỏi tình trạng phi nhân tính.

Câu 4:

Nhân vật trữ tình trong bài ca dao là người mẹ

Nhân vật trữ tình dành tình cảm yêu thương đặc biệt cho người con của mình.

Câu 5:

Hai biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong bài ca dao: điệp từ, liệt kê.

Tác dụng: nhấn mạnh sự vất vả, khó nhọc của người mẹ.

Câu 6: Suy nghĩ về cuộc đời người phụ nữ trong xã hội xưa và nay:

Điểm tương đồng: đều là người “xây tổ ấm”. là người giữ lửa cho hạnh phúc gia đình, vừa thực hiện thiên chức của người vợ, vừa thực hiện thiên chức của người mẹ.

Điểm khác biệt: Người phụ nữ trong xã hội xưa vất vả, cực nhọc hơn do chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, trọng nam khinh nữ. Ngày nay người phụ nữ được sẻ chia, trân trọng nhiều hơn.

ĐỀ 110 –THPT NGUYỄN HỒNG ĐẠO – BÌNH ĐỊNH

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

"... (1) Thật vậy, Nguyễn Du, đại thi hào của dân tộc từng viết: “Sách vở đầy bốn vách/ Có mấy cũng không vừa”. Đáng tiếc, cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai pha. Sách in nhiều nơi không bán được, nhiều nhà xuất bản đóng cửa vì thua lỗ, đặc biệt sách bị cạnh tranh khốc liệt bởi những phương tiện nghe nhìn như ti vi, Ipad, điện thoại Smart, và hệ thống

sách báo điện tử trên Internet. Nhiều gia đình giàu có thay tủ sách bằng tủ ... rượu các loại. Các thư viện lớn của các thành phố hay của tỉnh cũng chỉ hoạt động cầm chừng, cố duy trì sự tồn tại.

...(2) Bỗng chợt nhớ khi xưa còn bé, với những quyển sách giấu trong áo, tôi có thể đọc sách khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thẩn trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chần trâu, lúc chờ xe bus... Hay hình ảnh những công dân nước Nhật mỗi người một quyển sách trên tay lúc ngồi chờ tàu xe, xem hát, v.v... càng khiến chúng ta thêm yêu mến và khâm phục. Ngày nay, hình ảnh ấy đã bớt đi nhiều, thay vào đó là cái máy tính hay cái điện thoại di động. Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay..."

(Trích "Suy nghĩ về đọc sách" – Trần Hoàng Vy, Báo Giáo dục & Thời đại, Thứ hai ngày 13.4.2015)

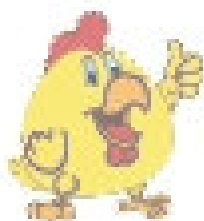
Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)

Câu 3. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: "cuộc sống hiện nay dường như "cái đạo" đọc sách cũng dần phai pha"? (0,5 điểm)

Câu 4. Viết một văn bản khoảng 5-7 dòng trình bày suy nghĩ của bản thân về tác dụng của việc đọc sách. (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:



*Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre không ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người
Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con*

(Tre Việt Nam – Nguyễn Duy)

Câu 5. Hãy xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 6. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 7. Nêu 2 biện pháp tu từ tác giả sử dụng chủ yếu trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 8. Hai dòng thơ: "Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con" biểu đạt vấn đề gì? (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay

Câu 2. Thao tác lập luận so sánh

Câu 3. Tác giả cho rằng "cuộc sống hiện nay dường như "cái đạo" đọc sách cũng dần phai pha" vì ở thời đại công nghệ số, con người chỉ cần gõ bàn phím máy tính hoặc điện thoại di động đã có thể

tiếp cận thông tin ở nhiều phương diện của đời sống, tại bất cứ nơi đâu, trong bất kì thời gian nào, nên việc đọc sách đã dần trở nên phổ biến.

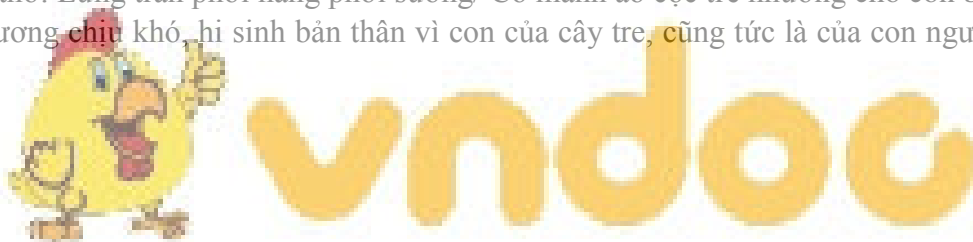
Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc đọc sách. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Câu 5. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức biểu cảm

Câu 6. Nội dung chính của đoạn thơ: Qua chuyện cây tre, tác giả ngợi ca phẩm chất của con người Việt Nam: luôn vượt qua khó khăn, gian khổ bằng sức sống bền bỉ, bằng tình yêu thương, tinh thần đoàn kết gắn bó lẫn nhau.

Câu 7. Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng phép tu từ: ẩn dụ (cây tre ẩn dụ cho con người Việt Nam); nhân hóa (trong các câu: Bao bùng thân bọc lấy thân/ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm/ Thương nhau tre không ở riêng/ Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con).

Câu 8. Hai dòng thơ: Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con biểu đạt tinh thần chịu thương chịu khó, hi sinh bản thân vì con của cây tre, cũng tức là của con người Việt Nam.



Mời các em tham khảo thêm các tài liệu khác tại mục Tài liệu học tập lớp 11